

SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TIỀN GIANG  
TRƯỜNG TRUNG CẤP GÒ CÔNG



**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT**  
**LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG CẤP**  
**NĂM 2023**

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

### **CÁC TỪ VIẾT TẮT**

TC:	Trung cấp
SC:	Sơ cấp
HS:	Học sinh
QĐ:	Quyết định
UBND:	Ủy ban Nhân dân
BCH:	Ban chấp hành
TCGDNN:	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.
LĐTBXH:	Lao động Thương binh Xã hội
KĐCL:	Kiểm định chất lượng
CNSP:	Cử nhân sư phạm
CN:	Cử nhân
QL:	Quản lý
CN QTKD:	Cử nhân quản trị kinh doanh
CN KT:	Cử nhân kinh tế
KS:	Kỹ sư
ThS:	Thạc sĩ
ĐHSP:	Đại học sư phạm
CBGV- NV:	Cán bộ giáo viên nhân viên
GTVL:	Giới thiệu việc làm
CNH-HĐH:	Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
BGH:	Ban giám hiệu
KTX:	Ký túc xá
GDTX:	Giáo dục thường xuyên
CBVC:	Cán bộ viên chức
NSNN:	Ngân sách nhà nước
CTMTQG:	Chương trình mục tiêu quốc gia
TTND:	Thanh tra nhân dân
QLHS :	Quản lý học sinh
HC-TH:	Hành chính- Tổng hợp

# PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Thời điểm báo cáo: Đến ngày 15/11/2023

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1.1. Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG CẤP GÒ CÔNG**

1.2. Cơ quan chủ quản: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang

1.3. Địa chỉ:

Cơ sở 1: Số 26/1 Đường Võ Thị Lớ, Khu phố 5, Phường 4, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Cơ sở 2: 91 Hai Bà Trưng, Phường 1, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang.

1.4. Điện thoại liên hệ : (073) 3514.250 – 3514.416 – 3514.417

1.5. Website : <http://tcngocong.edu.vn>

1.6. Email : [pdttcgocong@gmail.com](mailto:pdttcgocong@gmail.com) Năm thành lập trường: 2019

1.7. Loại hình trường : Công lập:  Tư thực:

## 2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG.

Trường Trung cấp Gò Công là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội Tiền Giang, thành lập theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trên cơ sở hợp nhất Trường Trung cấp nghề Khu Vực Gò Công và Trường Trung cấp Bách Khoa Gò Công đều trực thuộc Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội Tiền Giang. Trường có chức năng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp và các trình độ thấp hơn; giáo dục đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, rèn luyện sức khỏe; mở rộng hoạt động liên kết đào tạo với các Trường Đại học, Cao đẳng nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể học lên bậc học cao hơn và có khả năng tìm việc làm; giáo dục trình độ văn hóa, bậc trung học phổ thông theo chương trình giáo dục thường xuyên; hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông cấp trung học phổ thông, phục vụ cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nhà và các tỉnh trong khu vực.

### \* Cơ chế hoạt động

Trường Trung cấp Gò Công đào tạo, bồi dưỡng nhân lực có trình độ trung cấp, dạy nghề thường xuyên, giáo dục thường xuyên cho học sinh Trung cấp của trường phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội Thị Xã Gò Công và tỉnh Tiền

Giang, vùng lân cận. Liên kết, hợp tác với các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, Trung cấp trong và ngoài nước thực hiện các chương trình đào tạo trong khuôn khổ Luật giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường Trung cấp và dạy nghề phổ thông cho học sinh trên địa bàn thị xã Gò Công.

Thực hiện 03 công khai và cam kết về: Công khai chất lượng đào tạo; Công khai các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên; Công khai thu chi tài chính.

Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức giảng dạy, học tập, quản lý người học và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục; công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền.

Xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy theo qui định của Bộ LĐ-TB & XH.

Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; thực hiện các dịch vụ khoa học - kỹ thuật, sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Tổ chức bộ máy nhà trường, tuyển dụng, quản lý, sử dụng và đãi ngộ công chức, viên chức.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục, dạy nghề và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng chuẩn nghiệp vụ sư phạm dạy nghề và đánh giá năng lực sư phạm giáo viên.

Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà trường, mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và chi cho các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với gia đình người học, tổ chức, cá nhân, trong hoạt động giáo dục; tổ chức cho cán bộ, viên chức và người học tham gia các hoạt động xã hội.

Liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, hội, đoàn thể, hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước theo đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với sử dụng và việc làm, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung nguồn lực cho nhà trường.

Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

**\* Nhiệm vụ**

- Đào tạo hệ Trung cấp, sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn dưới 3 tháng gồm 16 ngành nghề: Cơ điện tử; Cơ điện lạnh thủy sản; Điện công nghiệp; Điện tử CN; Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển công nghiệp; Công nghệ ô tô; Hàn; Cắt gọt kim loại; Kỹ thuật xây dựng; May công nghiệp; Quản trị mạng; Kế toán doanh nghiệp; Tin học ứng dụng; Nghiệp vụ nhà hàng.

- Giảng dạy chương trình Trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên (GDTX), chương trình văn hoá phổ thông theo thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT và tổ chức giáo dục hướng nghiệp dạy nghề phổ thông cho học sinh trung học phổ thông cho học sinh lớp 11 trên địa bàn thị xã Gò Công gồm 03 nghề: Cắt may, Sửa chữa xe gắn máy, Điện dân dụng.

**3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA TRƯỜNG:**

**3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Trung cấp Gò Công**

- **Ban Giám hiệu:** 03 người

- **Các đơn vị chức năng:** Gồm 03 phòng, 04 khoa

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp: 09 người;

+ Phòng Đào tạo: 08 người;

+ Phòng Công tác học sinh: 07 người;

+ Khoa Điện - Điện tử: 21 người;

+ Khoa Cơ khí - Xây dựng: 15 người;

+ Khoa May - Kế toán - Tin học - Dịch vụ: 16 người

+ Khoa Cơ bản - Giáo dục thường xuyên: 13 người

Biên chế được giao: Trường Trung cấp Gò Công được giao 106 biên chế (theo Quyết định số .../QĐ-SLĐTBXH ngày .../.../2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Tiền Giang)

- **Về trình độ:**

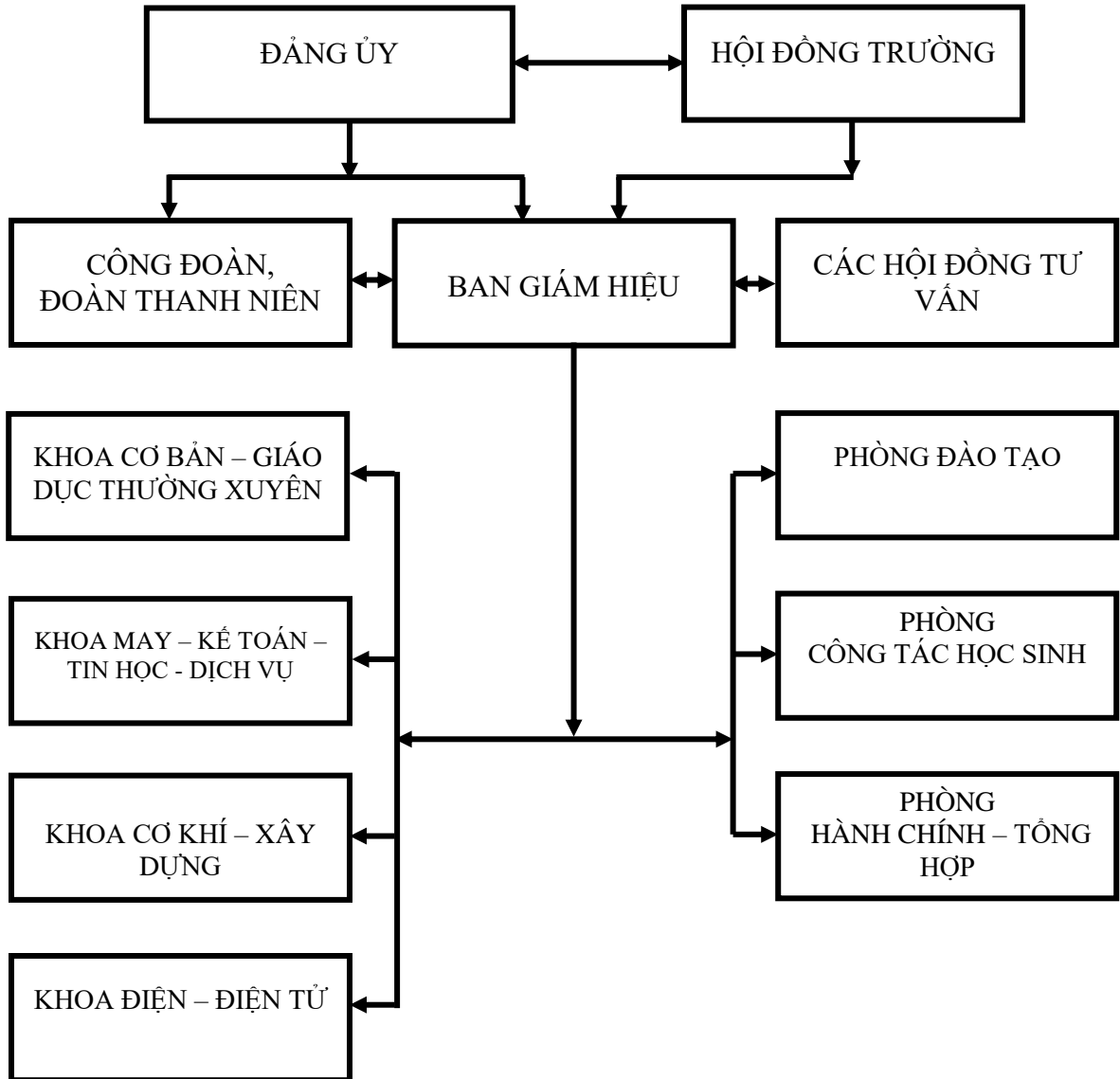
- + Thạc sĩ: 17 người

- + Đại học: 74 người

- + Cao Đẳng: 01 người

- + Trung cấp: 00 người
- **Tổng cộng: 92 người**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY**  
**TRƯỜNG TRUNG CẤP GÒ CÔNG**



### 3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
<b>1. Ban giám hiệu</b>	Nguyễn Hữu Hào	1968	ĐH	Hiệu trưởng
	Nguyễn Hồng Hà	1968	ĐH	P. Hiệu trưởng
	Lê Hùng Chinh	1984	ThS	P. Hiệu trưởng
<b>2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công đoàn</b>				
Đảng ủy	Nguyễn Hữu Hào	1968	ĐH	Bí Thư
Công Đoàn	Dương Minh Hải	1984	ThS	CT Công đoàn
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Ngọc Ngân	1988	ĐH	Bí thư
<b>3. Trưởng các phòng chức năng</b>				
Phòng HC-TH	Lê Vũ Tuấn	1964	ĐH	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Trần Thị Bích Liễu	1983	ĐH	Trưởng phòng
Phòng CTHS-HV	Phạm Trần Cảnh	1970	ThS	Trưởng phòng
<b>4. Trưởng các khoa</b>				
Khoa Cơ khí-Xây dựng	Nguyễn Hồng Châu	1978	ĐH	Trưởng khoa
Khoa Điện – Điện tử	Trần Minh Quang	1978	ĐH	Trưởng khoa
Khoa May - Kế toán-Tin học-Dịch vụ	Huỳnh Công Chương	1976	ThS	Trưởng khoa
Khoa Cơ bản - GDTX	Nguyễn Văn Tiến	1969	ĐH	Trưởng khoa

**3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của trường 92 người (tính đến thời điểm đánh giá).**

- Nam: 58

- Nữ: 34

**3.4. Đội ngũ giáo viên người: 81 giáo viên cơ hữu (Nam: 57; Nữ: 24)**

<b>Giáo viên cơ hữu (Kể cả cán bộ quản lý tham gia giảng dạy)</b>			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	10	07	17
Đại học	46	17	63
Cao đẳng	01	0	1
Trung cấp	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0

<b>Giáo viên cơ hữu (Kể cả cán bộ quản lý tham gia giảng dạy)</b>			
<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
<b>Tổng số</b>	<b>57</b>	<b>24</b>	<b>81</b>

#### **4. CÁC NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG:**

**4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp.**

**Tại cơ sở chính:**

<b>STT</b>	<b>Tên nghề</b>	<b>Quy mô tuyển sinh</b>		<b>Trình độ</b>
		<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>	
<b>I</b>	<b>Nhóm nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>			
1	Điện công nghiệp	90	90	Trung cấp
2	Điện tử công nghiệp	40	40	Trung cấp
3	Cơ điện lạnh thủy sản	35	35	Trung cấp
4	Cơ điện tử	40	40	Trung cấp
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	60	60	Trung cấp
6	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	50	50	Trung cấp
<b>II</b>	<b>Nhóm nghề Công nghệ Kỹ thuật cơ khí</b>			
1	Công nghệ ô tô	60	60	Trung cấp
<b>III</b>	<b>Nhóm nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật</b>			
1	Cắt gọt kim loại	45	45	Trung cấp
2	Hàn	40	40	Trung cấp
3	Hàn	60	60	Sơ cấp
<b>IV</b>	<b>Nhóm nghề xây dựng</b>			
1	Kỹ thuật xây dựng	25	25	Trung cấp
<b>V</b>	<b>Nhóm nghề Công nghệ thông tin</b>			
1	Tin học ứng dụng	50	50	Trung cấp
2	Quản trị mạng máy tính	35	35	Trung cấp
<b>VI</b>	<b>Nhóm nghề sản xuất, chế biến sợi, vải, da, giày</b>			
1	Máy thời trang	75	75	Trung cấp
<b>VII</b>	<b>Nhóm nghề kế toán-kiểm toán</b>			
1	Kế toán doanh nghiệp	50	50	Trung cấp
<b>VIII</b>	<b>Nhóm nghề khách sạn, nhà hàng</b>			
1	Nghiep vụ nhà hàng	25	25	Trung cấp
<b>VIII</b>	<b>Nhóm nghề sơ cấp</b>			



1	Tiện - Phay - Bào cơ bản	20	20	Sơ cấp 1
2	Hàn cơ bản	20	20	Sơ cấp 1
3	Bảo dưỡng và sửa chữa Động cơ xăng ô tô	20	20	Sơ cấp 1
4	Bảo dưỡng và sửa chữa Động cơ - Gầm - Điện ô tô	20	20	Sơ cấp 2
5	Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	20	20	Sơ cấp 3
6	Xây - Trát	20	20	Sơ cấp 1
7	Gia công cơ khí trên máy công cụ	20	20	Sơ cấp 1
8	Lắp ráp linh kiện điện tử	20	20	Sơ cấp 1
9	Lắp đặt điện dân dụng	20	20	Sơ cấp 1
10	Lắp đặt điện dân dụng và tủ điện công nghiệp	20	20	Sơ cấp 2
11	Lắp đặt và sửa chữa điện lạnh dân dụng và công nghiệp thủy sản	20	20	Sơ cấp 2
12	Điện công nghiệp	20	20	Sơ cấp 3
13	Lắp đặt và sửa chữa điện lạnh dân dụng	20	20	Sơ cấp 1
14	Lắp đặt và sửa chữa điện lạnh dân dụng và công nghiệp	20	20	Sơ cấp 2
15	Máy trang phục nam nữ	20	20	Sơ cấp 1
16	Máy thời trang 1	20	20	Sơ cấp 2
17	Tin học cơ bản	20	20	Sơ cấp 1
18	Tin học ứng dụng	20	20	Sơ cấp 2
19	Lập trình ứng dụng	20	20	Sơ cấp 3
20	Sửa chữa thiết bị may công nghiệp	30	30	Sơ cấp
<b>Tại cơ sở 2</b>				
<b>I</b>	<b>Nhóm nghề sản xuất, chế biến sợi, vải, da, giày</b>			
1	Máy thời trang	50	50	Trung cấp

### Tại địa điểm liên kết thứ nhất

STT	Tên nghề	Quy mô tuyển sinh		Trình độ
		Năm 2022	Năm 2023	
<b>I</b>	<b>Nhóm nghề Công nghệ thông tin</b>			
1	Tin học ứng dụng	30	30	Trung cấp
<b>II</b>	<b>Nhóm nghề sản xuất, chế biến sợi, vải, da, giày</b>			
1	Máy thời trang	40	40	Trung cấp
<b>III</b>	<b>Nhóm nghề kỹ thuật điện, điện</b>			

	<b>tử và viễn thông</b>		
1	Điện công nghiệp	30	30

#### Tại địa điểm liên kết thứ hai

STT	Tên nghề	Quy mô tuyển sinh		Trình độ
		Năm 2022	Năm 2023	
<b>I</b>	<b>Nhóm nghề Công nghệ thông tin</b>			
1	Tin học ứng dụng	35	35	Trung cấp
<b>II</b>	<b>Nhóm nghề sản xuất, chế biến sợi, vải, da, giày</b>			
1	Máy thời trang	40	40	Trung cấp
<b>III</b>	<b>Nhóm nghề kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>			
1	Điện công nghiệp	30	30	Trung cấp

#### 4.2. Số lượng học sinh đã tốt nghiệp

Trình độ đào tạo	Số lượng học sinh đã tốt nghiệp	
	Năm 2022	Năm 2023
1. Trung cấp	395	183
2. Sơ cấp và Dạy nghề dưới 3 tháng	521	121
<b>Tổng cộng</b>	<b>916</b>	<b>304</b>

### 5. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

#### 5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất 18.844,1 m<sup>2</sup>, trong đó:
- + Cơ sở 1 (26/1 Võ Thị Ló KP5 Phường 4, TX Gò Công): 15.181,1 m<sup>2</sup>
- + Cơ sở 2 (91 hai Bà Trưng, KP2, Phường 1, Thị xã Gò Công): 3.663m<sup>2</sup>

#### 5.2. Diện tích hạng mục và công trình:

Diện tích đất khuôn viên trường là 20.491 m<sup>2</sup>, được bố trí các hạng mục phục vụ học tập sinh hoạt của học sinh, làm việc của Trường cụ thể gồm:

##### a. Cơ sở 1

- *Phòng học lý thuyết*: 12 phòng, diện tích: 1.239 m<sup>2</sup> xây dựng 01 trệt 02 lầu.

- *Nhà xưởng học thực hành*:

- + Khối xưởng thực hành phía Bắc: 4 xưởng, diện tích: 770 m<sup>2</sup>
- + Khối xưởng thực hành phía Tây: 9 xưởng, 4 kho với diện tích: 2.110 m<sup>2</sup> và 1 xưởng nhà tiền chế phục vụ giảng dạy nghề Cơ điện lạnh thủy sản với diện tích 80 m<sup>2</sup>

- *Khối hành chánh văn phòng*: Diện tích: 518 m<sup>2</sup>, xây dựng 01 tầng trệt và 01 tầng lầu. Bố trí 3 phòng làm việc của Ban Giám Hiệu, 03 văn phòng khoa, 01

Phòng Đào tạo, 02 Phòng Hành chính tổng hợp, 01 Phòng Kế toán, 02 Phòng Công tác học sinh, 01 Phòng nghỉ giáo viên, 01 Phòng thiết bị.

- *Khối ký túc xá (gần 100 chỗ cho học sinh ở nội trú):* Diện tích 1.291m<sup>2</sup> xây dựng 01 tầng trệt và 02 tầng lầu. Có nhà để xe, phòng quản lý, phòng y tế và căn tin.

- *Các công trình phụ:*

+ Nhà để xe Cán bộ – Giáo viên – Học sinh: 210 m<sup>2</sup>.

+ Sân đường nội bộ: 5.289 m<sup>2</sup>.

+ Cổng tường rào – nhà bảo vệ: 660 m<sup>2</sup>.

- *Sân thể thao:* diện tích 1.280 m<sup>2</sup>

## **b. Cơ sở 2**

- Phòng học lý thuyết: 09 phòng, diện tích: 432 m<sup>2</sup>

- Phòng học thực hành: 08 phòng, diện tích: 384 m<sup>2</sup>

- Xưởng sản xuất dịch vụ: 175m<sup>2</sup>

- Phòng thư viện: 72m<sup>2</sup>

- Nhà làm việc, văn phòng: 96 m<sup>2</sup>,

- Các công trình phụ:

+ Nhà để xe Cán bộ – Giáo viên: 30 m<sup>2</sup>.

+ Sân đường nội bộ: 1.867 m<sup>2</sup>.

## **5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 3413**

Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 3383

## **5.4. Tổng số máy tính của trường:**

Trong đó: 108 máy tính để bàn; 8 laptop.

- Dùng cho văn phòng: 20

- Dùng cho giảng dạy và học sinh học tập: 80

## **5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 2 năm trở lại đây:**

- Năm 2021: 4.453.470.000 đồng

- Năm 2022: 5.053.212.000 đồng

## **5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 2 năm trở lại đây:**

- Năm 2021: 4.284.557.000 đồng

- Năm 2022: 4.883.313.403 đồng

## **PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG**

### **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

#### **1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một yêu cầu bức xúc đặt ra là phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Trong đó, cần thiết phải quy hoạch mạng lưới dạy nghề để tăng nhanh số lượng, chất lượng lao động qua đào tạo nghề, triển khai nguồn nhân lực xã hội và đào tạo nghề để tạo ra đội ngũ lao động có chuyên môn kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới hiện nay. Để người lao động có việc làm ổn định, nhất thiết phải tiến hành đào tạo những ngành nghề phù hợp cho người lao động ở nông thôn. Qua đào tạo nghề, người lao động có cơ hội tiếp thu khoa học kỹ thuật mới và nắm bắt điều kiện thuận lợi để hội nhập với nền kinh tế phát triển theo xu thế của nền công nghệ hiện đại. Vì vậy, kết quả của công tác đào tạo nghề ở Tỉnh Tiền Giang nói chung và khu vực Gò Công nói riêng là một trong những nhiệm vụ quan trọng để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa của đất nước.

Nhìn chung, nhu cầu học nghề của học sinh và người lao động ngày càng tăng, một số trường và trung tâm dạy nghề trên địa bàn Tỉnh hoạt động ổn định và phát triển; chất lượng đào tạo nghề đã từng bước được củng cố, thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Tuy nhiên, số lượng lao động được đào tạo trên còn quá ít so với nhu cầu cung ứng của thị trường lao động trong Tỉnh và các Tỉnh lân cận. Để đáp ứng nhu cầu lao động cho thị trường, ngoài việc liên kết đào tạo với các đơn vị khác, việc tăng quy mô cũng như chất lượng đào tạo và mở rộng ngành nghề đào tạo là hết sức cấp thiết. Nhà trường đã luôn đặt vấn đề chất lượng đào tạo lên hàng đầu, vì vậy công tác kiểm định và tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một yêu cầu hết sức cần thiết, thực hiện tốt và nghiêm túc công tác này sẽ giúp cho Trường đánh giá được năng lực đào tạo, những điểm mạnh, điểm yếu; từ đó đề ra được những biện pháp cải tiến và phát triển, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

#### **1.2. Vai trò của hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Thực hiện tốt và thường xuyên công tác kiểm định chất lượng sẽ tạo điều kiện cho Trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định được vị thế của Nhà trường trong hệ thống các trường dạy nghề và trong xã hội.

Thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của TC GDNN năm 2022, Trường Trung cấp Gò Công đã xây dựng kế hoạch tự kiểm định của đơn vị. Đây là dịp Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt

động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất của Bộ LĐTBXH ban hành. Từ kết quả tự đánh giá và đánh giá bên ngoài, BGH nhà trường, cán bộ các phòng, khoa trong toàn Trường sẽ nhận thức đầy đủ và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề.

## **2. TỔNG QUAN CHUNG**

### **2.1. Căn cứ tự đánh giá:**

Thực hiện công văn số 1144/SLĐTBXH-LĐVL-GDNN về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023. Đây là cơ hội để Trường tự đánh giá một cách toàn diện, phân tích những điểm mạnh, những tồn tại cần khắc phục trong công tác tổ chức điều hành, quản lý và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn trong hoạt động đào tạo, cũng như các công tác hỗ trợ phục vụ khác trong 2 năm gần đây (2022 - 2023). Từ đó, đề ra kế hoạch nhằm phát huy những mặt mạnh, tích cực. Đồng thời, khắc phục kịp thời những hạn chế để thực hiện tốt hơn những nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao trong thời gian tới.

Căn cứ tự kiểm định:

- Căn cứ thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ thông tư số 28/2017/TT – BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ công văn số 1144/SLĐTBXH-LĐVL-GDNN về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tiền Giang.

- Các nội dung tập huấn về tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo cho cán bộ, giáo viên của Nhà trường.

### **2.2. Mục đích tự đánh giá:**

Trong quá trình tự kiểm định Nhà trường sẽ tổ chức tự đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của Nhà trường và các điều kiện, phương thức học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí. Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường TC. Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung và dài hạn. Qua đó, giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường đạt chuẩn

quốc gia, trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín trong nước, được xã hội biết đến và thừa nhận.

### **2.3. Yêu cầu tự đánh giá:**

- Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định;

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Trường;

- Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch;

- Đánh giá toàn diện các hoạt động, mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề của Nhà trường;

- Thực hiện các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp.

### **2.4. Phương pháp tự đánh giá:**

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp do Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH ban hành và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo;

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của Trường và những chứng cứ để chứng minh;

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

### **2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:**

Quy trình tự kiểm định của Trường gồm các bước sau:

1. Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2. Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường và các đơn vị trực thuộc.

4. Thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trực thuộc.

5. Thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp cấp Trường của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp Nhà trường: Thu thập thông tin và minh chứng; xử lý phân tích các thông tin và minh chứng.

6. Đánh giá mức độ mà các đơn vị trực thuộc đã đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

7. Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

8. Công bố công khai kết quả tự kiểm định trong nội bộ Trường.

Trường đã xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự kiểm định; thành lập Hội đồng kiểm định, Ban thư ký giúp việc cho hội đồng.

Các phòng, khoa trong Trường lập kế hoạch và phân công CB, GV trong các phòng, khoa chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan đến các tiêu chuẩn KĐCL. Trưởng các phòng, khoa cũng như cán bộ tham gia thu thập minh chứng theo hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí trên cơ sở các minh chứng đã có của năm trước và bổ sung các minh chứng còn thiếu để củng cố và nâng chất lượng đào tạo. Các nhóm chuyên trách tập hợp các nhóm minh chứng theo tiêu chuẩn để phân tích đánh giá và lập báo cáo theo phiếu mô tả các tiêu chuẩn được phân công. Thư ký hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách cung cấp để lập dự thảo Báo cáo tự kiểm định. Ban thư ký họp thông qua dự thảo Báo cáo tự kiểm định. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng kiểm định xem xét. Ban thư ký tiếp tục chỉnh sửa dự thảo Báo cáo tự kiểm định trình Hội đồng kiểm định tiếp tục xem xét. Hội đồng kiểm định sẽ trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi cho lãnh đạo các đơn vị, tổ chức trong toàn Trường lấy ý kiến phản biện. Ban thư ký thu thập ý kiến của các phản biện và ý kiến của hiệu trưởng để hoàn chỉnh Báo cáo tự kiểm định lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp Báo cáo cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Tiền Giang.

### 3. TỰ ĐÁNH GIÁ

#### 3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

**Mẫu 3.1: TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	<b>ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>		<i>Đạt chuẩn chất lượng</i>
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>92</b>
<b>1</b>	<b>TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ</b>	<b>12</b>	<b>12</b>
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương	1	1

hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp		
Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám	1	1



	sát.		
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
<b>2</b>	<b>TIÊU CHÍ 2 - HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO</b>	<b>17</b>	<b>16</b>
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực	1	1

hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.		
Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch	1	1
Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết	1	1
Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	1	1
Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan	1	1
Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết	1	1
Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	1	0
Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng	1	1

	hiệu quả		
<b>3</b>	<b>TIÊU CHÍ 3 - NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>	<b>15</b>	<b>13</b>
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	0
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao	1	1

	trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.		
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
<b>4</b>	<b>TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH</b>	<b>15</b>	<b>15</b>
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi	1	1

	và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định		
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào	1	1

	tạo		
	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	1	1
<b>5</b>	<b>TIÊU CHÍ 5 - CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN</b>	<b>15</b>	<b>12</b>
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của	1	1

trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về định kỳ đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1

	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định của nhà trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	0
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	0
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	0
<b>6</b>	<b>TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ</b>	<b>5</b>	<b>4</b>
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, trường có đề tài	1	1



	<p>ngiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).</p>		
	<p>Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.</p>	1	1
	<p>Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.</p>	1	1
	<p>Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.</p>	1	0
<b>7</b>	<b>TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	<p>Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.</p>	1	1
	<p>Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.</p>	1	1
	<p>Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.</p>	1	1
	<p>Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.</p>	1	1
	<p>Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.</p>	1	1
	<p>Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có</p>	1	1

	các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.		
<b>8</b>	<b>TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC</b>	<b>9</b>	<b>9</b>
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp; nội quy quy chế nhà trường các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định..	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: KTX đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện nước, vệ sinh và các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Hàng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
<b>9</b>	<b>TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ</b>	<b>6</b>	<b>5</b>

<b>CHẤT LƯỢNG</b>		
Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	0
Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

### **3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn**

#### **3.2.1. TIÊU CHÍ 1 - MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ**

##### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:**

##### **❖ Mở đầu:**

Thị xã Gò Công là vùng kinh tế trọng điểm phía đông của tỉnh có khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Điều không thể thiếu trong kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trong thời gian tới của khu vực Gò Công là việc cung ứng nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Đây cũng là lý do UBND tỉnh Tiền Giang thấy cần thiết có một trường đào tạo nghề

trình độ trung cấp để đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cung cấp cho các khu, cụm công nghiệp phía Đông cũng như của tỉnh.

Ngày 22/2/2019, UBND tỉnh Tiền Giang ra Quyết định số 537/QĐ-UBND về thành lập Trường Trung cấp Gò Công.

Mục tiêu là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc có khả năng tự học, tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc cao đẳng, đại học, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Học sinh, học viên khi tốt nghiệp có kiến thức bậc trung học phổ thông, có các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc, có các phẩm chất cần thiết của người lao động hiện đại trong xu thế cạnh tranh của nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập quốc tế.

Sứ mạng là đào tạo những học sinh, học viên có phẩm chất đạo đức chính trị, có trình độ văn hóa bậc THPT, đồng thời có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và trình độ chuyên môn kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người học và của thị trường lao động, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế hiện nay tại địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của trường và hoạt động có hiệu quả.

Bên cạnh Đảng bộ Trường trung cấp Gò Công đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo nhà trường và chỉ đạo các đoàn thể chính trị trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, có phân công và tập trung chỉ đạo theo Nghị quyết và kế hoạch hàng tháng, góp phần tích cực trong việc hoàn thành nhiệm vụ dạy và học trong nhà trường.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên được Đảng bộ và Ban Giám hiệu đặc biệt quan tâm trên cơ sở định hướng phát triển của trường.

Các Phòng chức năng, các Khoa chuyên môn trực thuộc Trường đều có chức năng hoạt động rõ ràng.

Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc trên mọi mặt hoạt động góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ.

#### **❖ Những điểm mạnh:**

Để có được kết quả như hôm nay là nhờ sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và sự tâm huyết của đội ngũ tập thể cán bộ, nhân viên và thầy cô giáo của nhà trường. Hàng năm nhà trường đều xác định mục tiêu cụ thể trong báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động, đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm, các chỉ tiêu phải phấn đấu và những giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

Mục tiêu và sứ mạng của trường các năm qua đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các bài viết giới thiệu về trường trên báo, trên trang web của trường; thông báo tuyển sinh trên đài truyền

thanh các huyện, tại các Hội chợ việc làm do Trung tâm dịch vụ việc làm Tiền Giang tổ chức, trên đài truyền thanh truyền hình các huyện để nhiều phụ huynh và người học được biết.

Các nội quy, quy chế của nhà trường được xây dựng đầy đủ và triển khai đến toàn thể các cán bộ, giáo viên và nhân viên trong Trường. Hàng năm, được rà soát sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Ban Giám hiệu và các lãnh đạo phòng, khoa trong toàn trường luôn quan tâm đến nhu cầu của viên chức và học sinh, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để viên chức và học sinh phát huy quyền làm chủ, đoàn kết, năng động, sáng tạo.

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa trong trường được quy định rõ ràng và có quy chế phối hợp chặt chẽ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chung của toàn trường.

Hàng năm, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giáo viên và khuyến khích học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên trường hoạt động theo điều lệ và cùng đoàn kết, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển trường.

#### ❖ Những tồn tại và kế hoạch:

Đội ngũ cán bộ quản lý đa số còn trẻ và ít kinh nghiệm, cần tăng cường bồi dưỡng cho cán bộ quản lý.

Công tác rà soát, sửa đổi hệ thống văn bản chủ yếu dựa vào tình hình thực tế, chưa có kế hoạch cụ thể. Sắp tới, nhà trường cần xây dựng kế hoạch rà soát, sửa đổi theo từng giai đoạn.

Công tác kiểm tra, thanh tra cần được phát huy hơn nữa và có biện pháp xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Cần có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, ban thanh tra nhân dân để đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ được giao.

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 1**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ</b>	<b>12</b>
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1
Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1
Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1
Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1
Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1
Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1
Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1
Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1
Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1

**Tiêu chuẩn 1:** Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Mục tiêu là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác

phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Học sinh, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc, có các phẩm chất cần thiết của người lao động hiện đại trong xu thế cạnh tranh của nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập quốc tế, có khả năng tự học và tiếp tục học lên ở bậc cao đẳng, đại học.

Sứ mạng là đào tạo những học sinh, học viên có phẩm chất đạo đức chính trị, có trình độ chuyên môn kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người học và của thị trường lao động, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế hiện nay trong khu vực Gò Công nói riêng và cả nước nói chung. **(1.1.01. Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 22/2/2019 về việc thành lập Trường Trung cấp Gò Công).**

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm nhà trường căn cứ vào báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực của tỉnh Tiền Giang về khu vực các huyện phía đông và thị trường lao động của thị xã Gò Công. Qua đó trường thực hiện rà soát, bố trí và tuyển dụng giáo viên các ngành phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực của địa phương **(1.2.01. Công văn yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực trong các năm 2022, 2023 của Thị xã Gò Công và các huyện lân cận).**

Việc xác định nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và quy mô đào tạo phù hợp được đăng ký theo Công văn đăng ký nhu cầu tuyển sinh của Sở lao động thương binh và xã hội Tiền Giang **(1.2.02. Đăng ký nhu cầu tuyển sinh năm 2022, 2023)**. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trên địa bàn nhà trường thực hiện rà soát chỉ tiêu đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp để lập kế hoạch tuyển sinh trong năm **(1.2.03. GCN số 01/GCNDKHH-SLĐTBXH ngày 8/5/2019 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.04. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 05/GCNDKHH-SLĐTBXH ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNDKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 13/5/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 03/GCNDKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 29/7/2022, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNDKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 21/9/2023)**. Tất cả các ngành đào

tạo tại trường đều phù hợp với kết quả phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Trung cấp Gò Công được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai trường: Trường Trung cấp nghề khu vực Gò Công và Trường Trung cấp Bách khoa Gò Công (**1.1.01. QĐ số 537/QĐ-UBND ngày 22/2/2019 thành lập Trường TCGC**). Năm 2022, trường đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường (**1.3.01. QĐ số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công; 1.3.02 các Quyết định thành lập các phòng, khoa**), qua đó đã giảm bớt 01 đơn vị thuộc trường là Trung tâm Liên kết đào tạo - Dịch vụ - Việc làm, hiện nay trường chỉ còn 03 phòng chức năng và 04 khoa chuyên môn. Để tạo hành lang pháp lý và định mức cho các hoạt động, nhà trường đã ban hành các quy chế kèm theo (**1.3.04. Quyết định số 23/QĐ-TCGC ngày 31/8/2023 ban hành quy định chế độ làm việc của giáo viên trường Trung cấp Gò Công; 1.3.05. Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022,2023; 1.3.06 Quyết định ban hành Quy chế thi đua khen thưởng; 1.3.07 Quy chế sử dụng tài sản công...).** Nhằm thống nhất chủ trương lớn để thực hiện nhiệm vụ chính trị nhà trường và thực thi ra các quyết sách, Hội đồng trường được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh Tiền Giang (**1.3.08. Quyết định thành lập Hội đồng trường TCGC**) và được kiện toàn khi có thay đổi về nhân sự. Đối với việc phát huy tính dân chủ, quyền làm chủ của viên chức, nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ tại cơ sở (**1.3.09. QĐ ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động tại cơ sở**). Hằng năm, thông qua Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức (**1.3.10 Biên bản Hội nghị CBCCVC năm 2022, 2023**) quyền dân chủ của viên chức nhà trường được phát huy và thông qua đối thoại trực tiếp giữa viên chức và lãnh đạo nhà trường, qua báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân (**1.3.11 Báo cáo hoạt động ban Thanh tra nhân dân năm 2022, 2023**) đã tăng cường thêm mối đoàn kết nội bộ, thể hiện sự công khai, minh bạch các vấn đề của hoạt động nhà trường. Qua đó, nhà trường đã bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 1: 01 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**



Đối với những văn bản quy định về tổ chức và quản lý, nhà trường thường xuyên rà soát và điều chỉnh kịp thời. Trong năm 2022, nhà trường đã rà soát và ban hành các văn bản điều chỉnh theo sự thay đổi theo các trường hợp như sau:

*1. Lĩnh vực quản lý*

**(1.4.01: Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 vv ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công; 1.4.02: Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi) năm 2023 của Trường Trung cấp Gò Công; 1.4.03: Quyết định ban hành quy chế sửa đổi Quy chế làm việc Trường Trung cấp Gò Công)**

*2. Thay đổi theo tình hình đơn vị và địa phương*

**1.4.06: Thông báo tổ chức chào cờ đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt dưới cờ (do bàn giao hệ GDTX cho các Trung tâm GDTX-GDNN các huyện)**

*3. Thay đổi theo tình hình biến động nhân sự*

**(1.4.07: Biên bản họp kiện toàn hội đồng trường (Thay đổi chủ tịch HĐ trường)**

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5:** Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo các Phòng, Khoa trong nhà trường hoạt động thuận lợi và phối hợp nhịp nhàng với nhau, Hiệu trưởng đã ban hành quyết định thành lập các Phòng, Khoa và quy định chức năng nhiệm vụ các Phòng, Khoa. Trong đó, mỗi đơn vị có chức năng, nhiệm vụ riêng và có trách nhiệm phối hợp với nhau để thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường. **(1.5.01-Quyết định thành lập và Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa).**

Các Phòng, Khoa, bộ môn và các đơn vị của trường luôn chủ động thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình và phối hợp với các Phòng, Khoa khác để đạt hiệu quả cao trong công tác.

Thực hiện theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Gò Công **(1.5.02 - Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/01/2022 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công)** có quy định cụ thể, phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, vai trò phòng, khoa. Riêng mỗi khoa có cơ cấu ngành, nghề khác nhau nên được giao nhiệm vụ đào tạo khác nhau nhưng vẫn theo mục tiêu chung của trường.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng

*chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện nay, Hội đồng trường có 15 thành viên do UBND tỉnh Tiền Giang ra quyết định (**1.3.08-Quyết định số 16/QĐ-SLĐTBXH ngày 3/4/2019 về việc thành lập Hội đồng trường TCGC và Quyết định số 93/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/5/2020 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trung cấp Gò Công nhiệm kỳ 2019 – 2024**). Hiệu trưởng đã ký ban hành các quyết định thành lập các phòng chức năng như Phòng HCTH, Phòng Đào tạo và Phòng CTHS và 4 khoa: Khoa Điện – Điện tử, Cơ khí – xây dựng, may – kế toán – tin học – dịch vụ và khoa Cơ bản - GDTX (**1.5.01-Quyết định thành lập và Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa**); Các Phòng, Khoa, bộ môn và các đơn vị của trường luôn chủ động thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình và phối hợp với các Phòng, Khoa khác để đạt hiệu quả cao trong công tác (**1.3.04 Quyết định số 49/QĐ-TCGC ngày 26/4/2019 ban hành Quy chế làm việc**). Kết quả thực hiện công việc của các đơn vị phòng khoa, của nhà trường được thể hiện qua các bản báo cáo tổng kết đột xuất, định kỳ (**1.6.01-Báo cáo đột xuất, định kỳ của các phòng/khoa, nhà trường; 1.6.02-Báo cáo tổng kết năm học**).

Hàng năm nhà trường thực hiện công tác thi đua khen thưởng cuối năm cho các phòng khoa có thành tích tốt. Việc xét thi đua khen thưởng nhà trường căn cứ vào các công văn hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở LĐTBXH Tiền Giang (**1.6.03-Quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua cá nhân, phòng khoa**).

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị, nhà trường thường xuyên tăng cường công tác thanh kiểm tra tất cả các hoạt động giảng dạy, chuyên môn thông qua kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm và báo cáo kết quả kiểm tra (**1.6.04- Kế hoạch số 48/KH-TCGC ngày 08/06/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023; Kế hoạch số 77/KH-TCGC ngày 30/10/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2023 - 2024 ; 1.6.05-Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ hàng năm**).

Nhìn chung các hội đồng của nhà trường hoạt động đúng quy định.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong năm 2022, để thực hiện công tác xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường được hiệu quả. Nhà trường đã thành lập ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của trường trung cấp Gò Công (**-Quyết định số 216/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo**

**đục nghề nghiệp năm 2023; Quy định ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng của trường Trung cấp Gò Công).** Qua đó nhà trường lập kế hoạch xây dựng quy trình công cụ bảo đảm chất lượng theo hướng dẫn của thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH (1.7.02- Kế hoạch số 55/KH-TCGC ngày 25/7/2023 thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023).

Thực hiện kế hoạch trên, nhà trường đã tiến hành xây dựng và ban hành 15 quy trình đảm bảo chất lượng nhằm mục đích thống nhất trình tự, cách thức triển khai, thực hiện công việc theo từng chức năng nhiệm vụ. Các đơn vị trong nhà trường khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ theo các quy trình đảm bảo chất lượng đã được ban hành. (1.7.03-Quyết định số 272/QĐ-TCGC ban hành hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng năm 2021).

Nhìn chung nhà trường đã thực hiện tốt tiêu chí này.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 1: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 8:** Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện nay nhà trường chưa thành lập riêng bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo tuy nhiên nhiệm vụ này nằm chung trong nhiệm vụ của phòng Đào tạo (1.5.01. Quyết định thành lập và Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa; 1.3.04-Quyết định số 23/QĐ-TCGC ngày 31/8/2023 ban hành quy định chế độ làm việc của giáo viên trường Trung cấp Gò Công; 1.8.01-Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường). Trong năm 2022 nhà trường đã ra quyết định thành lập ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng (1.7.01-Quyết định số 216/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 thành lập ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trường TCGC).

Tiêu chí này nhà trường đã thực hiện đúng quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 9:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đảng bộ nhà trường luôn làm tốt chức năng và nhiệm vụ của mình theo Quy định số 97/QĐ-TW ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; đầu nhiệm kỳ Đảng bộ có xây dựng Quy chế làm việc (1.9.01-Quy chế làm việc của Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025), ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ đảng viên (1.9.02-Nghị quyết phân công nhiệm vụ đảng viên năm 2022), hàng năm Đảng bộ đều được Thị ủy công nhận từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên

**(1.9.03-Quyết định xếp loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên 2021).**

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 10:** Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực hiện theo Điều 26, Điều lệ trường Trung cấp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Tổ chức Công đoàn là bộ phận tập hợp, lãnh đạo phát động và hưởng ứng các hoạt động thi đua trong hoạt động chuyên môn của cấp trên; phối hợp cùng với chính quyền tổ chức các phong trào thi đua yêu nước sôi nổi góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường **(1.10.01. Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 quy định về Điều lệ trường Trung cấp).**

Căn cứ vào Điều lệ Công đoàn Việt Nam năm 2018. Tổ chức công đoàn thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình trong đơn vị. Bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động, đoàn viên công đoàn **(1.10.02. Quyết định số 174/ QĐ-TLĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam).**

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 11:** Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường quan tâm Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Hàng năm, trường đều xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, trong đó có nêu rõ nội dung cần kiểm tra, đối tượng kiểm tra, thời gian kiểm tra. Mục đích nhằm củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức nhà trường, chất lượng đào tạo **(1.11.01 Kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023)**. Ngoài ra Đảng bộ có thành lập Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, trong đó có 03 thành viên. Hàng năm đều khi dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, triển khai xuống từng chi bộ. Đối tượng kiểm tra, giám sát là đơn vị, cá nhân đảng viên trong việc thực thi nhiệm vụ người đảng viên và nhiệm vụ công tác đơn vị giao cho **(1.11.02 Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2023)**.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 12:** Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

+ *Việc chi chế độ chính sách ưu đãi, thâm niên nhà giáo đối với giáo viên:*

Trường căn cứ các văn bản như: Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ Bộ Tài Chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Nghị định 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Mức chi cụ thể cho giáo viên có tham gia giảng dạy là 30%; riêng đối với giáo viên tham gia dạy môn chính trị là 40% (**1.12.01 Danh sách chi 30% được lãnh đạo phê duyệt năm 2022, 2023**).

+ *Việc thực hiện chính sách bình đẳng giới:* Nhà trường thực hiện tuyên truyền các văn bản về bình đẳng giới trong đơn vị. Trong đó luôn quan tâm đặc biệt đối với viên chức, lao động nữ; thực hiện tặng quà cho các đối tượng này nhân Kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3; Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 (**1.12.02 Danh sách nhận tiền hỗ trợ đối với cán bộ, giáo viên nữ năm 2022, 2023**). Ngoài ra, trong chương trình đào tạo có lồng ghép nội dung kiến thức về bình đẳng giới, thực hiện giảng dạy đối với học viên các lớp sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên (**1.12.03 Chương trình kiến thức về bình đẳng giới giảng dạy cho học viên**).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1: 1điểm***

**3.2.2 TIÊU CHÍ 2 – HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:**

**❖ Mở đầu:**

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2022 với mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học. Trong đó hoạt động dạy quyết định đến chất lượng đào tạo của nhà trường. Vì vậy, trong quá trình tuyển sinh Nhà trường luôn thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH đã ban hành. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch tuyển sinh cụ thể, trao đổi phương thức tổ chức thực hiện phối hợp linh hoạt với các trường THCS trên địa bàn khu vực Gò Công. Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học, tập thể viên chức và lãnh đạo nhà trường đã thực hiện mục tiêu đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Để đảm bảo chất lượng đào tạo nghề, BGH nhà trường đã tập trung lãnh đạo, tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng giảng dạy của các khoa chuyên môn. Với sự chỉ đạo sát sao của BGH, sự nỗ lực đội ngũ CBGV-NV trong toàn Trường đã nâng cao chất lượng đào tạo, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động dạy và học.

**❖ Những điểm mạnh:**

Công tác tuyển sinh của Trường được thực hiện theo kế hoạch, được cụ thể hoá bằng các thông báo tuyển sinh đảm bảo chất lượng đầu vào. Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH quy định.

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo như: Dạy nghề dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo lưu động theo địa chỉ để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học, chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Các hoạt động dạy và học dựa trên mục tiêu nội dung, chương trình dạy nghề đã được phê duyệt, Trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, Nhà trường luôn đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của mô đun, môn học. Đặc biệt, trong những năm qua trang thiết bị thực hành, thực tập không ngừng được chú trọng đầu tư, nâng cấp, đây cũng là yếu tố hết sức thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

#### **❖ Những tồn tại và kế hoạch:**

Nhà trường đang xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ nghề theo quy định.

Nhà trường cũng đã liên hệ với trường Cao đẳng Tiền Giang để liên kết đào tạo liên thông giữa các trình độ theo quy định. Ngoài ra Nhà trường sẽ tăng cường hơn nữa công tác phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn với việc giải quyết việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào dạy học. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các trường bạn để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Về sáng kiến kinh nghiệm, các công trình nghiên cứu khoa học trong giảng dạy còn hạn chế, chưa khai thác hết năng lực thiết bị hiện có của Trường.

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 2**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>TIÊU CHÍ 2 - HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết	1
Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1
Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	1
Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1
Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt	1
Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1
Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1
Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1
Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch	1
Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết	1

Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	1
Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1
Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan	1
Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết	1
Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	0
Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1

**Tiêu chuẩn 1:** Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Trung cấp Gò Công đã lập kế hoạch rà soát điều chỉnh chương trình theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014. Theo đó, căn cứ hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo theo thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và Nghị 143/2016 của Chính phủ nhà trường đã điều chỉnh lại chương trình và được Sở Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp ký ngày 8/5/2019 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp ký ngày 17/9/2019 với 15 nghề trình độ Trung cấp và 02 nghề trình độ Sơ cấp và 15 nghề trình độ dạy nghề dưới 3 tháng. **(2.1.01-Giấy chứng nhận số 01/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 8/5/2019 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp).**

Trong năm 2020 nhà trường đã lập kế hoạch và triển khai biên soạn cập nhật chương trình từ hình thức đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ **(2.1.01 Kế hoạch số 64/KH-TCGC ngày 06/09/2023 về việc biên soạn, cập nhật, thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023)**. Thực hiện kế hoạch các khoa đã tiến hành biên soạn, cập nhật chương trình trong đó có 3 chương trình xây dựng mới và cập nhật, chỉnh sửa 12 chương trình. Nhà trường đã thực hiện đăng ký bổ sung và báo cáo điều chỉnh các nghề



đã được cập nhật (**1.2.04-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 05/GCNDKHD-SLĐTBXH ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNDKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 13/5/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 03/GCNDKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 29/7/2022, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNDKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 21/9/2023**). Trường có đủ 15 chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và ...chương trình đào tạo trình độ sơ cấp.

Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các công ty doanh nghiệp trên địa bàn thị xã và các huyện lân cận, nhà trường đã xây dựng kế hoạch số .../KH ngày .../.../ 2022 xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Nghiệp vụ nhà hàng. Các chương trình đào tạo đều có chuẩn đầu ra và được thực hiện đúng quy định theo từng ngành (**2.1.02-Danh sách chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường**). Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố trên website của trường (**2.1.03-Các Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo**) và chuẩn đầu ra này được công bố trên trang website của nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và công bố chuẩn đầu ra của các nghề đúng quy định.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 01điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn tuyển sinh trình độ trung cấp, nhà trường ban hành quy định tuyển sinh trình độ trung cấp theo hướng dẫn và thực hiện tuyển sinh từng năm học.

Nhà trường ban hành Quy định tuyển sinh trình độ trung cấp đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của Thông tư quy định như: Thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký dự tuyển vào trình độ Trung cấp, tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh, xác định điểm trúng tuyển, triệu tập thí sinh trúng tuyển, chế độ báo cáo, lưu trữ. (**2.2.01-Quyết định số 215/QĐ-TCGC ngày 23/8/2021 ban hành Quy định tuyển sinh trình độ trung cấp, sơ cấp và dạy nghề thường xuyên**).

Nhà trường chưa xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh tuy nhiên trường có thực hiện ban hành quy định tuyển sinh.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2: 01 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** *Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường căn cứ chủ trương, chính sách của Tỉnh, khu vực Gò Công và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, nhu cầu học nghề từ đó nhà trường tiến hành xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch đào tạo cho từng nghề trên cơ sở thông tin dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động và nhu cầu của người học nghề. Sau khi xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề nhà trường đã đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh về cơ quan quản lý và được phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm **(2.3.01-Thông báo chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nghề của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội các năm)**.

Nhà trường đã thực hiện đồng bộ nhiều hình thức tuyển sinh: gửi thông báo tuyển sinh đến các trường THPT, THCS, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn khu vực Gò Công; đăng thông tin trên Website của Trường, thông báo trên Đài Phát thanh - Truyền hình các huyện, thị xã,...nhằm cung cấp thông tin rộng rãi, công khai đến đối tượng có nhu cầu học nghề. Công tác tuyển sinh được đánh giá bằng báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm **(2.3.02-Báo cáo công tác tuyển sinh các năm)**.

Tính đến thời điểm kiểm định, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh của Trường. **(2.3.03-Báo cáo của Ban Thanh tra ND về công tác tuyển sinh các năm; 2.3.04-Các biên bản giám sát đào tạo nghề cho LĐNT các năm)**.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4:** *Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH về việc ban hành quy chế đào tạo theo tín chỉ hoặc theo niên chế, căn cứ thông tư này nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo theo niên chế, hàng năm căn cứ vào tiến độ đào tạo nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo cho 12 nghề trình độ trung cấp nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế, nhu cầu học tập nâng cao **(2.4.01- Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp )**, trình độ của người học ngày càng tăng, ngoài chủ trương đào tạo chính quy trình độ trung cấp.

Trường còn có chủ trương đa dạng hóa các phương thức và hình thức đào tạo. Cụ thể trong các năm học 2021 - 2022, năm học 2022 - 2023 nhà trường thực hiện liên kết đào tạo bằng hình thức đặt trạm tại trung tâm GDNN – GDTX Gò Công Tây nghề Tin học ứng dụng với số lượng 27 học sinh và trung tâm GDNN-GDTX Gò Công Đông nghề Tin học ứng dụng và nghề Điện công nghiệp (2.4.02-Kế hoạch đào tạo nghề Tin học ứng dụng, Điện công nghiệp; 2.4.03-Hợp đồng về việc liên kết đào tạo lớp Tin học ứng dụng, Điện công nghiệp hệ trung cấp với trung tâm GDNN – GDTX Gò Công Tây, Gò Công Đông).

Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, từ năm học 2021 – 2022, 2022 - 2023 nhà trường đã tiến hành tổ chức đào tạo theo tín chỉ cho 15 nghề áp dụng từ năm học 2021 – 2022 cho học sinh khóa 4 (2.4.01- Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).

Nhà trường đã thực hiện tiêu chí này đúng quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 5:** Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ vào thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo đã được hiệu trưởng phê duyệt và được cấp giấy chứng nhận bổ sung đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (2.5.01- 110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CBLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; các quyết định từ 143/QĐ-TCGC đến 152/QĐ-TCGC ).

Hàng năm, nhà trường thực hiện kế hoạch tuyển sinh từ đầu tháng 6. Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, nhà trường ban hành các quyết định thành lập 12 lớp học cho 9 nghề trong năm học 2020 – 2021 và 10 lớp học cho 9 nghề trong năm học 2021 – 2022 (2.5.02 - Quyết định thành lập lớp học năm học 2022 – 2023 và năm học 2023 – 2024; 2.5.03 - Danh sách học sinh các lớp học năm học 2022 – 2023 và 2023 – 2024). Trên cơ sở đó nhà trường đã ban hành 10 kế

hoạch đào tạo cho 9 nghề trong năm học 2021 - 2022 và 10 kế hoạch đào tạo trình độ trung cấp 10 nghề trong năm học 2022 – 2023 trong đó từng môn học, mô-đun được thể hiện rõ trong kế hoạch đào tạo (**2.5.04-Kế hoạch đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024; 2.5.05-Tiến độ đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024**). Kế hoạch này sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Đào tạo thông báo tới các khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch giáo viên cho từng học kỳ trong năm (**2.5.06-Kế hoạch giáo viên năm 2022 - 2023, 2023 - 2024**). Theo đó, phòng Đào tạo sẽ lập thời khóa biểu ổn định cho từng học kỳ của năm học (**2.5.07-Thời khóa biểu năm 2022 - 2023, 2023 - 2024**) đảm bảo đúng tiến độ đào tạo. Thời khóa biểu được gửi đến các Khoa, bộ môn, các cơ sở liên kết đào tạo với trường và các lớp học để thực hiện. Mọi sự thay đổi điều chỉnh kế hoạch phải được Hiệu trưởng phê duyệt, Thời khóa biểu nếu thay đổi, điều chỉnh phải do phòng Đào tạo thực hiện và trình Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo.

Như vậy tiêu chí này được đánh giá đạt, đáp ứng yêu cầu của nội hàm.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 6:** Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, hàng năm nhà trường đều xây dựng tiến độ đào tạo theo từng năm học cho các khóa/lớp đang đào tạo, phân công giáo viên giảng dạy đảm bảo chuyên môn, khối lượng giờ giảng theo qui định (**2.5.04-Kế hoạch đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024; 2.5.05-Tiến độ đào tạo năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024; 2.5.06-Kế hoạch giáo viên năm 2022 - 2023, 2023 - 2024**). Trong quá trình giảng dạy, nhà trường có ban hành các mẫu hồ sơ sổ sách cho giáo viên làm căn cứ thực hiện trong quá trình lên lớp như: sổ lên lớp - để ghi nhận tình hình giảng dạy của giáo viên, điểm danh học sinh vắng, trễ và kết quả học tập của học sinh (**2.6.01-Sổ lên lớp năm học 2021-2022, 2022-2023**), giáo án - thể hiện nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức lớp học của giáo viên (**2.6.02-Giáo án các năm học 2022-2023, 2023-2024**), sổ tay giáo viên – ghi nhận tình hình vắng trễ của học sinh, kết quả học tập của từng môn học... (**2.6.03-Sổ tay giáo viên năm học các 2022-2023, 2023-2024**). Thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo, nhà trường cử cán bộ phòng đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi việc chấp hành giờ lên lớp (**2.6.04-Sổ theo dõi của phòng đào tạo**), Phòng đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất qua các biện pháp như: kiểm tra giáo án, kiểm tra sổ lên lớp, dự giờ giáo viên. Nhìn chung các môn học, mô-đun đều thực hiện đúng với kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Trường tổ chức thực hiện tốt theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 01 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

- Trường đã căn cứ vào các mục tiêu, nội dung chương trình khung đã được Bộ LĐTBXH ban hành, Phòng đào tạo tiến hành tổ chức xây dựng, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt ban hành các chương trình các nghề đào tạo của trường bao gồm: Điện Công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, Cơ điện lạnh thủy sản, Hàn, Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô, May thời trang, Quản trị mạng máy tính, Tin học văn phòng, Tin học ứng dụng, kế toán doanh nghiệp, quản lý nhà hàng khách sạn (**2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ; 2.7.01-Quyết định ban hành giáo trình đào tạo**). Phòng Công tác học sinh-học viên liên hệ với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tổ chức cho học sinh tham gia thực tập theo kế hoạch đào tạo (**2.7.02-Kế hoạch thực tập sản xuất trong năm học; 2.7.03 - Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm học 2021 – 2022, 2022 - 2023**).

- Dựa trên mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề đã được phê duyệt. Phòng đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng khóa trình Hiệu trưởng phê duyệt. Hàng năm phòng đào tạo căn cứ vào kế hoạch toàn khóa của từng nghề đã được thẩm định và phê duyệt mà xây dựng Tiến độ đào tạo, Kế hoạch đào tạo với mục tiêu và nội dung cụ thể cho từng học kỳ, năm học và đã được Hiệu trưởng phê duyệt. (**2.5.05-Tiến độ đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024; 2.7.06-Hồ sơ tổ chức giảng dạy theo kế hoạch giáo viên; 2.7.07-kế hoạch giảng dạy từng học kỳ**). Căn cứ vào kế hoạch thực tập sản xuất của các nghề trong năm học, các Khoa phân công giáo viên hướng dẫn thực tập cho học sinh về nội dung, kiến thức, thời gian thực tập tại các công ty, doanh nghiệp và hướng dẫn học sinh viết báo cáo kết quả thực tập có ý kiến phê duyệt của công ty, doanh nghiệp.

- Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8:** Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo người học thành thạo kỹ năng về nghề thời lượng thực hành, thực tập của người học đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn theo quy định. **(2.8.01-Các quyển chương trình đào tạo các nghề)**. Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, phát triển năng lực tự học và tinh thần hợp tác của người học được lãnh đạo Nhà trường xem là một trong những hoạt động có tính quyết định đến yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo. Việc đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp dạy học là nội dung trọng tâm của nhà trường được thể hiện trong báo cáo và phương hướng. Nhà trường đã và đang thực hiện phương pháp giảng dạy theo môn học, mô đun **(2.8.02: Giáo án tích hợp, Bài giảng điện tử, 2.8.03: Sổ lên lớp; 2.6.03. Sổ tay giáo viên năm học các 2022-2023, 2023-2024)**.

Hiện nay, trong Trường đang áp dụng các phương pháp giảng dạy như: phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, viết tiểu luận, bài tập lớn... Các phương pháp dạy học đó đã giúp học sinh chủ động hơn, tự tin hơn, phát triển năng lực tự học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo **(2.8.05: Phiếu đánh giá dự giờ)**.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 9:** Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, thực hiện chuyển đổi số nhà trường đã triển khai và tổ chức quản lý hồ sơ giảng dạy, phê duyệt giáo án và quản lý điểm bằng phần mềm quản lý đào tạo. Và ứng dụng Padlet, phê duyệt giáo án bằng chữ ký số. Thông qua đó nhà trường đã ban hành hướng dẫn phê duyệt giáo án điện tử và ban hành quyết định quy định về việc sử dụng hồ sơ điện tử trong quá trình giảng dạy bằng phần mềm quản lý đào tạo Eduman.

Đó cũng là lý do nhà trường tạo điều kiện đầu tư trang thiết bị TV, máy chiếu, màn chiếu đảm bảo 100% giáo viên của trường đều sử dụng bài giảng điện tử trong quá trình giảng dạy, ngoài ra một số Khoa còn sử dụng phần mềm VM ware, packet tracer, Photoshop, proteus... trong giảng dạy một số chuyên ngành như quản trị mạng, điện tử công nghiệp... **(2.8.02: Giáo án tích hợp, Bài giảng điện tử)**

Hiện Nhà trường đang sử dụng Hệ thống tích hợp thông tin quản lý đào tạo cho phép giáo viên nhập điểm và phòng Đào tạo quản lý điểm trực tuyến edu.vn. **(2.9.01-Quyết định ban hành quy định về việc sử dụng hồ sơ điện tử bằng phần mềm quản lý đào tạo Eduman)**

Song song đó, phòng đào tạo còn sử dụng phần mềm trộn đề thi để in sao đề thi kết thúc môn học. **(2.9.02-Phần mềm Hệ thống thi trắc nghiệm)**, tổ chức cho các lớp thi lý thuyết trắc nghiệm tại phòng máy từ 2021-2022

Ngoài ra, Nhà trường còn phủ sóng internet không dây (Wifi) toàn trường để giáo viên, HSSV dễ dàng tìm kiếm thông tin phục vụ hoạt động dạy và học.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 10:** *Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả, hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ gồm các nội dung như kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo, kiểm tra các bộ phận, kiểm tra chuyên đề **(1.6.04 - Kế hoạch số 48/KH-TCGC ngày 08/06/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023; Kế hoạch số 77/KH-TCGC ngày 30/10/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2023 - 2024 )**, bộ phận quản lý đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi việc chấp hành giờ giấc lên lớp của giáo viên **(2.10.01-Sổ theo dõi giảng dạy)**, Phòng đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất qua các biện pháp như: kiểm tra giáo án, kiểm tra sổ lên lớp, dự giờ giáo viên **(2.10.02-Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất)**. Khi kết thúc kỳ kiểm tra nội bộ, Thư ký tổ kiểm tra lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra nội bộ năm học **(1.6.05-Báo cáo tổng kết kiểm tra nội bộ năm 2022, 2023)**. Nhìn chung các môn học, mô đun đều thực hiện đúng với kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Kiểm tra nội bộ với mục đích xem xét và đánh giá các hoạt động giáo dục, điều kiện dạy học trong phạm vi nội bộ nhà trường phải thực hiện đúng kế hoạch đào tạo quy định từng học kỳ.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 11:** *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, thông qua kế hoạch kiểm tra nội bộ về kiểm tra hoạt động dạy và học, kiểm tra chuyên đề và phương pháp giảng dạy. Nhà trường lập báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ (**1.6.05-Báo cáo tổng kết kiểm tra nội bộ năm 2022, 2023**). Báo cáo nêu rõ những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động dạy học của giáo viên. Trên cơ sở đánh giá hoạt động sư phạm của giáo viên, đưa ra những tư vấn đề thúc đẩy các mặt mạnh của giáo viên đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, đề xuất các biện pháp khắc phục để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học trong thời gian tiếp theo (**2.11.01-Danh sách các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học**).

Thông qua các hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, phòng Đào tạo đề xuất nhà trường các biện pháp nâng cao chất lượng và kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 12:** *Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm đảm bảo quyền lợi người học, trên cơ sở các thông tư hướng dẫn thực hiện qui chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp theo giáo dục nghề nghiệp nhà trường đã cụ thể hoá thành văn bản của trường quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. (**2.4.01 Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp**)

. Năm 2022 căn cứ vào thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH quy định về việc đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế hoặc theo tín chỉ, nhà trường đã cụ thể hóa quy định này bằng quyết định số 170/QĐ-TCGC ngày 01/8/2022 về việc ban hành quy chế đào tạo theo tín chỉ áp dụng cho học sinh từ khóa 4 năm học 2021 – 2022.

Thông qua đó nhà trường ban hành quyết định số 114/QĐ-TCGC ngày 27/6/2022 ban hành qui định về cấp văn bằng, chứng chỉ theo thông tư số 24/2020/TT-BLĐTĐBXH về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 10. Nội dung văn bản đúng theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 và Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017. Việc cụ thể hoá các văn bản liên quan công tác đào tạo giúp cho việc triển khai các chương trình, kế hoạch của trường nề nếp, quy củ chất lượng công việc tăng lên rõ nét so với các năm trước.

Nhìn chung nhà trường thực hiện tốt tiêu chí này.



***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 13:** Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, nhà trường đã có nhiều cố gắng trong hoạt động dạy và học, cụ thể :

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, với phương thức dạy nghề dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo theo địa chỉ ở các huyện ngoài thành để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Trong kế hoạch đào tạo của mình, nhà trường đã chủ động phối hợp cùng doanh nghiệp trong công tác đào tạo, gắn với giải quyết việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp (**2.7.03 - Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm học 2021 – 2022, 2022 - 2023; 2.13.01-Báo cáo kết quả thực tập của học sinh của các nghề qua các năm học**).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 14:** Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ TT 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 và thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30/3/2022 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Căn cứ vào tiến độ đào tạo và kế hoạch đào tạo của năm học, phòng Đào tạo lập kế hoạch thi kết thúc môn học/ mô đun lần 1, lần 2 cho toàn trường (**2.14.01-Lịch thi học kỳ**), có danh sách hai giám thị kèm theo và gửi tới các khoa, bộ môn và dán trên bảng thông báo trước 2 tuần để các kỳ thi được diễn ra nghiêm túc, khách quan. Trước mỗi kỳ thi tốt nghiệp phòng Đào tạo rà soát điểm tổng kết học kỳ từng môn học, mô đun của học sinh, lập kế hoạch tổ chức học lại đối với học sinh còn nợ môn, tạo điều kiện cho học sinh có thời gian bổ sung kết quả học tập trước khi nhà trường tổ chức xét học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp (**2.14.02-Danh sách xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; 2.14.03-Danh sách đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp**). Việc tổ chức thi tốt nghiệp được nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức ra đề thi (**2.14.04-Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp năm 2022, 2023**), công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi, tổng hợp và thông báo kết quả (**2.14.05-Các quyết định thành**

**lập HD thi tốt nghiệp; 2.14.06-Quyết định thành lập Ban coi thi, ban chấm thi, ban Thư ký thi tốt nghiệp).** Các bài thi viết do 2 giáo viên chấm độc lập, các bài thi thực hành sẽ do hai giáo viên chấm độc lập, trực tiếp lên sản phẩm của học sinh (**2.14.07-Danh sách học sinh dự thi tốt nghiệp năm 2022, 2023**); (**2.4.01 Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp**); **2.14.08-Báo cáo kết quả công tác tổ chức thi tốt nghiệp năm 2022, 2023; 2.14.09-Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023; 1.6.02 – Báo cáo tổng kết năm học**)

Căn cứ thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, Nhà trường xây dựng qui trình quản lý chứng chỉ, phôi bằng tốt nghiệp (**2.14.10-114/QĐ-TCGC ngày 27/6/2022 ban hành qui định về cấp văn bằng, chứng chỉ theo thông tư số 24/2020/TT-BLĐTBXH về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 10**). Căn cứ vào quy trình nhà trường thực hiện tốt công tác cấp phát phôi bằng trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ dạy nghề thường xuyên (**2.14.11-Sổ quản lý phôi bằng chứng chỉ trung cấp, sơ cấp**)

Nhà trường thực hiện tốt tiêu chí này.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 15:** *Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để thực hiện tốt các quy chế đào tạo, hàng năm trường có thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tuy nhiên chưa có kế hoạch cụ thể về rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ (**2.15.01: Kế hoạch rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ**). Sau khi xây dựng kế hoạch rà soát văn bằng chứng chỉ vào năm 2020 nhà trường thực hiện rà soát theo kế hoạch và có báo cáo kết quả rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ bên cạnh đó cũng có báo cáo về việc thực hiện kế hoạch. Tuy nhiên căn cứ vào báo cáo tổng kết năm học nhà trường cũng đã cập nhật được tình hình học sinh tốt nghiệp trong năm (**1.6.02: Báo cáo tổng kết năm học; 2.14.09: Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023**).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 16:** Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường chưa xây dựng văn bản quy định tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ nghề theo quy định của thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH. Nhu cầu người học sau khi tốt nghiệp là tìm kiếm việc làm, thu nhập nên ít quan tâm đến việc học liên thông lên trình độ cao hơn để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề. Số lượng thí sinh đăng ký nguyện vọng học liên thông tại trường rất ít, nên nhà trường tạm thời chưa xây dựng quy định đào tạo liên thông.

Nhà trường chưa có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 17:** Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để thực hiện tốt việc quản lý quá trình đào tạo, nhà trường sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo để quản lý cơ sở dữ liệu học sinh, quản lý điểm số và khen thưởng kỷ luật của học sinh, tích hợp các biểu mẫu sổ lên lớp, kế hoạch giảng dạy, điểm danh theo dõi học sinh vào phần mềm **(2.9.01-Phần mềm quản lý đào tạo EduMan)**. Phòng đào tạo có nhiệm vụ quản lý kết quả học tập của học sinh như: Bảng điểm tổng kết học kỳ từng môn học, mô đun, kết quả rèn luyện, trích xuất danh sách đủ điều kiện tốt nghiệp, bảng điểm tốt nghiệp... Từ các kết quả trên Phòng đào tạo thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kết năm học **(1.6.02-Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, 2022 - 2023)**. Một số các hoạt động khác như tuyển sinh, thi đua của học sinh, các thông báo, thời khóa biểu, ... được Ban quản trị website của trường lưu trữ và cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử để cán bộ, giáo viên, học sinh truy cập và xem trực tiếp **(2.17.01-Quyết định về việc thành lập Ban biên tập, quản trị website trường)** và thông tin tuyển sinh, tốt nghiệp được cập nhật định kỳ trên trang thông tin điện tử <http://csdl.gdnn.gov.vn> của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp. Trong năm học 2021 – 2022 nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức thi học kỳ bằng phần mềm Hệ thống thi trắc nghiệm của nhà trường **(2.17.02 – Phần mềm hệ thống thi trắc nghiệm)**.

Việc sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý quá trình giúp công tác đào tạo hiệu quả hơn, việc truy xuất dữ liệu dễ dàng, chính xác, hiệu quả.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2: 1 điểm**

**3.2.3 TIÊU CHÍ 3 - NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:**

#### ❖ **Mở đầu:**

Nhà trường rất chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên. Xây dựng các phòng chức năng, các khoa/bộ môn thật sự mạnh là yếu tố quyết định cho sự thành công trong mọi hoạt động của đơn vị.

Xây dựng đội ngũ giáo viên và Cán bộ quản lý mạnh cả chuyên môn lẫn phẩm chất, về khả năng quản lý và rèn luyện nhân cách học sinh, gắn bó tâm huyết với nghề và với nhà trường, trong đó đặc biệt chú trọng đến kỹ năng quản lý rèn luyện phẩm chất đạo đức học sinh.

Nhà trường tập trung xây dựng môi trường sư phạm hợp lý cho tất cả CCVCNLĐ đều có điều kiện rèn luyện, cống hiến và phát huy tài năng. Đó là nền tảng cơ bản, vững chắc nhất cho việc phát triển đơn vị trong thời gian qua và hướng đến tương lai.

#### ❖ **Điểm mạnh:**

Hàng năm nhà trường đều tiến hành tuyển dụng bổ sung thêm đội ngũ giáo viên biên chế, công tác tuyển dụng giáo viên đủ về số lượng và phù hợp với chuyên ngành và trình độ đáp ứng tốt công tác giảng dạy.

Đa số giáo viên của trường đảm bảo về năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm và đảm bảo giáo viên dạy được cả tích hợp, lý thuyết và thực hành.

Hàng năm, nhà trường luôn quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên bằng việc đăng ký và cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng. Đội ngũ Giáo viên tham gia tích cực vào các hoạt động thi đua dạy tốt như hội giảng thi đua hàng năm, có sáng kiến cải tiến trong dạy học.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường trẻ, năng động chịu khó học hỏi, thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bồi dưỡng chuyên môn và lý luận chính trị. Đây là yếu tố quan trọng góp phần trong sự phát triển của nhà trường. Bên cạnh đó hàng năm nhà trường luôn tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng nghề, nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, tiếp cận khoa học công nghệ nhằm phục vụ công tác ngày càng tốt hơn.

#### ❖ **Điểm hạn chế:**

Trường chưa có chính sách để khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; chủ yếu dựa vào các chế độ chính sách hỗ trợ theo Quyết định của UBND tỉnh và kinh phí của Sở LĐTĐBXH. Do nguồn phúc lợi của nhà trường còn hạn chế, thiếu kinh phí hoạt động.

#### ❖ **Kế hoạch:**

Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học ứng dụng những thành tựu khoa học vào cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh.

Tổ chức thi đua áp dụng thành tựu khoa học vào cải tiến phương pháp giảng dạy, đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học, mô hình dạy học, . . . .

Trường chủ động thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý và có kế hoạch cho mỗi giáo viên tự đăng ký học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tổ chức cho giáo viên tham quan học tập một số trường đạt chuẩn chất lượng dạy nghề và có kế hoạch cử giáo viên đi thực tế tại các công ty, xí nghiệp liên kết với trường trong việc giảng dạy và quản lý học sinh trong thời gian thực tập sản xuất.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 3**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>TIÊU CHÍ 3 - NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	0
Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1
Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1
Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương	1

pháp giảng dạy.	
Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1
Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1
Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1
Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1
Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1
Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1
Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1

**Tiêu chuẩn 1:** Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Việc tuyển dụng viên chức hàng năm thực hiện đúng theo Quy trình tuyển dụng viên chức trường đã ban hành, trên cơ sở các căn cứ bao gồm: Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch

công chức; thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quy định về điều lệ Trường trung cấp; Luật viên chức số 08/2013/QH12; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (còn hiệu lực).

Hàng năm trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng các ngành nghề còn thiếu, trình Sở Lao động-Thương binh và xã hội phê duyệt thông qua. Sau khi được lãnh đạo sở phê duyệt trường sẽ đăng thông báo tuyển dụng và thực hiện các bước tuyển dụng theo đúng quy trình đã ban hành (**3.1.01. Hồ sơ tuyển dụng năm 2023**).

Việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện định kỳ theo từng giai đoạn. Trên cơ sở đánh giá năng lực từng cá nhân và chuẩn chức danh nghề nghiệp, tập thể lựa chọn các cá nhân đủ điều kiện đưa vào quy hoạch các chức danh cho giai đoạn tiếp theo (**3.1.02. Danh sách quy hoạch lãnh đạo ban giám hiệu, phòng, khoa giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2026-2031**).

Thực hiện đầy đủ việc đánh giá viên chức hàng năm; đánh giá dựa theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ nghị định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Hàng năm trường thực hiện đầy đủ việc đánh giá viên chức trên cơ sở kết quả xét thi đua cuối năm và quá trình làm việc 1 năm của viên chức. Đánh giá đảm bảo thực hiện công bằng, dân chủ và công khai trước tập thể (**3.1.03. Bảng tổng hợp đánh giá, phân loại VC năm 2022, 2023**).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** *Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm nhà trường có báo cáo kết quả tuyển dụng giáo viên, có bảng tổng hợp đánh giá, phân loại VC năm, Biên bản họp đánh giá, phân loại VC năm có niêm yết công khai, bảo đảm khách quan, minh bạch; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường (**3.2.01. Báo cáo kết quả tuyển dụng năm 2023; 3.1.03. Bảng tổng hợp đánh giá, phân loại VC năm**

2022, 2023; 3.2.02 Biên bản họp đánh giá, phân loại VC 2022, 2023; 3.2.03. Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3:** *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ LĐTBXH Quy định chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ LĐTBXH Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

Hàng năm nhà trường tiến hành tuyển dụng giáo viên và cử đội ngũ giáo viên tham gia các khóa tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng sư phạm do Sở LĐTBXH Tiền Giang, Tổng cục dạy nghề tổ chức,... Tính đến tháng 11 năm 2022 số lượng giáo viên tham gia giảng dạy của trường là 78 giáo viên bao gồm cả giáo viên giảng dạy môn học chung, các môn học chuyên môn nghề và văn hóa trung học phổ thông. Đa số giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định thể hiện ở văn bằng, chứng chỉ trong hồ sơ giáo viên.**(3.3.01-Hồ sơ giáo viên; 3.3.02-Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên)**. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên thể hiện đầy đủ trình độ đào tạo, chuyên môn, nơi đào tạo, thâm niên giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm và các chứng chỉ được đào tạo. Hàng năm nhà trường tiến hành rà soát và báo cáo về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên **(3.3.03-Báo cáo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ năm học 2022, 2023)**. Qua đó nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học **(3.3.04-Kế hoạch bồi dưỡng năm 2022, 2023)**.

Qua hồ sơ giáo viên và danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên cho thấy còn một vài giáo viên chưa đạt chuẩn về chuyên môn chủ yếu là chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. Cụ thể giáo viên nhóm nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: 4 giáo viên, điện công nghiệp – điện tử 03 giáo viên, nghề Nghiệp vụ nhà hàng 01 giáo viên **(3.3.02-Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên)**.

Tuy vẫn còn một số ít giáo viên chưa đạt ở một số nội dung tiêu chuẩn nhưng các giáo viên này hiện đang tham gia học tập để hoàn thiện tiêu chuẩn.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 4:** *Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và*



quy định của trường.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

1. Ban hành các quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường

Trên cơ sở Luật Giáo dục nghề nghiệp; Điều lệ Trường Trung cấp, Trường Trung cấp Gò Công đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động để toàn thể cán bộ, viên chức và lao động nhà trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định (**1.4.01: Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/1/2022 V/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công (QĐ sửa đổi); 1.4.02: Quyết định 273/QĐ-TCGC V/v ban hành quy định chế độ làm việc (sửa đổi) của Trường Trung cấp Gò Công**)

2. Xây dựng đề án vị trí việc làm

Theo số lượng viên chức được cấp trên giao và đề án thành lập trường TCGC đã được UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt, nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm (**3.4.01: Đề án vị trí việc làm Trường Trung cấp Gò Công năm 2021**). Từ đó, xác định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn từng thành viên trong nhà trường tạo tiền đề cho việc quản lý lao động và công tác đánh giá viên chức hàng năm.

3. Đánh giá, phân loại viên chức

Việc nhận xét, đánh giá, phân loại viên chức dựa trên các văn bản hướng dẫn của Sở LĐTĐ và XH tỉnh TG. Năm 2022 nhà trường thực hiện phiếu đánh giá viên chức cuối năm (**3.4.02. Phiếu đánh giá chất lượng GV theo Thông tư 08/TT-LĐTĐXH**)

Căn cứ vào đánh giá viên chức của các phòng, khoa, trung tâm và hoạt động thực tế của từng viên chức, Hiệu trưởng ban hành quyết định đánh giá và phân loại viên chức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ (**3.4.03 QĐ số 250/QĐ-TCGC ngày 02/11/2022 Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và NLĐ**)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 5:** Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có tổng số giáo viên cơ hữu là 77 giáo viên giảng dạy ở 12 chuyên ngành đào tạo, thuộc sự quản lý trực tiếp của 4 khoa và 07 giáo viên giảng dạy các môn văn hóa thuộc sự quản lý của khoa Cơ bản – GDTX. Về trình độ: đội ngũ Giáo viên có trình độ thạc sĩ: 17 giáo viên, trình độ đại học là: 53

giáo viên, bên cạnh đó trường còn có lực lượng giáo viên cộng tác thỉnh giảng **(3.3.02-Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên)**.

Hàng năm, nhà trường quy định định mức giờ dạy của giáo viên **(3.5.01-Quyết định ban hành định mức giờ giảng của giáo viên; 3.5.02-Phân công giảng dạy năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024)**.

Để đảm bảo được chất lượng giảng dạy, đòi hỏi nhà trường phải có đội ngũ giáo viên đảm bảo về chất lượng và số lượng trên tỉ lệ học sinh. Cụ thể bảng tổng hợp số lượng học sinh các khóa/số lượng giáo viên của các nghề.

**Bảng 3.5 Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi học sinh/giáo viên**

Tên nghề	Số lượng GV			Qui đổi hs/gv
	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	GV	
Điện công nghiệp	26	32	17	4,2
Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	0	15		
Cơ điện lạnh thủy sản	0	17	5	14
Kỹ thuật máy lạnh điều hòa không khí	28	25		
Công nghệ ô tô	28	34	6	10,33
May thời trang	13	25	7	5,4
Cắt gọt kim loại	19	29	7	11,2
Cơ Điện tử	16	15		
Tin học ứng dụng	47	42	7	12,7
Nghiệp vụ nhà hàng	0	15	1	15
Kỹ thuật xây dựng	15	10	2	12,5
Kế toán doanh nghiệp	22	22	6	7,3
Cơ bản – GDTX	0	0	19	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>214</b>	<b>281</b>	<b>77</b>	

Căn cứ quy định của thông tư 08 về việc qui định số học sinh/ 1 lớp thực hành là 18 học sinh/lớp; lớp học lý thuyết là 35 học sinh/1 lớp. Như vậy với số lượng học sinh hiện tại của niên khoá 2020 – 2022; 2021 – 2023 học sinh tỉ lệ học sinh /giáo viên của trường đạt chuẩn theo qui định hiện hành là không quá 20-25 học sinh/ một giáo viên **(3.5.03-Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi học sinh/giáo viên)**.

Nhà trường có kế hoạch đào tạo của 15 ngành nghề đào tạo bậc trung cấp, trong đó thể hiện phân công giáo viên toàn khóa của từng ngành nghề, đảm bảo

tỷ lệ giáo viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng trên từng ngành nghề (**2.5.04-Kế hoạch đào tạo**).

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch phân công giáo viên cho các ngành nghề mới (**3.5.04-Danh sách giáo viên từng ngành**) và thực hiện danh sách học sinh, thời khóa biểu và tổng hợp khối lượng giảng dạy của từng giáo viên, thanh toán các chế độ vượt giờ và các chế độ khác theo quy chế chi tiêu nội bộ (**3.5.05-Danh sách học sinh; 3.5.05-Hồ sơ tổng hợp thanh toán chế độ giáo viên năm 2022 - 2023, 2023 - 2024**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 6:** Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ vào quyết định tuyển sinh hàng năm. Từ đầu khoá học nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo đã được xây dựng và ban hành (**2.8.01-Các quyết định chương trình đào tạo**) để xây dựng Kế hoạch đào tạo của từng nghề theo niên khoá trong đó thể hiện rõ vị trí của từng môn học/ mô đun được phân bổ theo từng học kỳ, năm học (**2.5.04-Kế hoạch đào tạo khóa 4 niên khóa 2021 – 2023, khóa 5 niên khóa 2022 - 2024**). Dựa vào kế hoạch đào tạo các khoa phân công giáo viên giảng dạy cho từng môn học/mô đun cho từng lớp được thể hiện trong bảng phân công giảng dạy và thời khóa biểu (**3.5.02 - Phân công giảng dạy năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024; 2.5.07-Thời khóa biểu học kỳ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024**), trước khi lên lớp giáo viên thực hiện giáo án và được tổ bộ môn/phòng/khoa phê duyệt trước khi lên lớp (**2.6.02-Giáo án các năm học 2022-2023, 2023-2024**), để ghi nhận tình hình chung của lớp, kế hoạch kiểm tra và điểm số được ghi ở sổ tay nhà giáo (**2.6.03-Sổ tay giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024**). Giáo viên thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu của lớp. Việc nhà giáo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và đảm bảo yêu cầu chất lượng thể hiện ở biên bản dự giờ và kiểm tra định kỳ, đột xuất. (**3.6.06-Biên bản thanh tra dự giờ các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024**).

Nhìn chung, mục tiêu của chương trình đào tạo được thực hiện nghiêm túc, quá trình thực hiện có sự kiểm tra đánh giá từng hoạt động.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 7:** Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy khi có văn bản của cấp trên (**3.7.01 Danh đăng ký tham dự các lớp**

**tập huấn năm 2022, 2023).** Trên cơ sở các danh sách tham dự tập huấn, nhà trường thực hiện chi chế độ công tác phí, phụ cấp lưu trú theo quy định. Cán bộ, giáo viên có thể bàn giao công việc trong thời gian tham gia học tập (**3.7.02 Chứng từ chi công tác phí cho CBGV dự các lớp tập huấn nghiệp vụ năm 2022, 2023).**

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8:** *Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm Nhà trường căn cứ vào công văn đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cán bộ viên chức của Sở lao động thương binh xã hội Tiền Giang (**3.8.01 - Công văn đăng ký nhu cầu bồi dưỡng các năm 2022, 2023 của Sở LĐTB&XH Tiền Giang, Tổng cục GDNN**) để đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cho cán bộ viên chức tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. Căn cứ vào công văn nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng và đăng ký danh sách cán bộ giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về cấp trên theo đúng thời gian qui định (**3.7.01- Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2022, 2023; 3.7.02- Danh sách bồi dưỡng năm 2022, 2023**). Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên được tham gia các lớp học tập bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, học sau đại học về kinh phí và thời gian học tập. Nhà trường lưu trữ đầy đủ các văn bản về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm.

Trong quá trình tổ chức học tập hoặc cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng, nhà trường ghi nhận lại bằng hình ảnh để lưu trữ trong hồ sơ của trường. Sau khi học tập bồi dưỡng CB-Gv nhà trường thực hiện báo cáo học tập bồi dưỡng lồng ghép vào báo cáo định kỳ, báo cáo năm và đề xuất đối với hoạt động của nhà trường (**3.8.02-Báo cáo tháng, báo cáo năm**).

Nhà trường thực hiện tốt tiêu chí này.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 9:** *Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực hiện quy chế làm việc của giáo viên. Theo Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH quy định hàng năm giáo viên giảng dạy trung cấp có 4 tuần tham gia thực tập tại doanh nghiệp. Năm 2021, 2022, 2023 nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức giáo viên thực tập thực tế tại doanh nghiệp từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm (**2.7.02 - Kế hoạch số 34/KH-TCGC ngày 05/5/2022 về việc thực tập sản xuất và thực tập tốt nghiệp năm học 2021 – 2022; Kế hoạch số**

45/KH-TCGC ngày 29/7/2022 về việc thực tập tốt nghiệp năm học 2021 – 2022; 3.9.01-Danh sách các giáo viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 10:** Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thông qua các báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của trường theo từng năm (**1.6.02-Báo cáo tổng kết năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023**)

Hàng năm nhà trường cử hơn 30 lượt CB-GV-NV đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ. Đa số giáo viên đều ứng dụng các kiến thức đã học vào áp dụng trong giảng dạy và quản lý dạy học.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 11:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công (**1.3.01 Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 vv ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công**). Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định như: Chức danh nghề nghiệp; văn bằng (bằng tốt nghiệp đại học trở lên, trình độ Trung cấp chính trị trở lên); chứng chỉ (ngoại ngữ A2 trở lên; Tin học cơ bản trở lên; quản lý nhà nước; bồi dưỡng ANQP đối tượng 3; chứng chỉ dành cho cán bộ, quản lý trước khi bổ nhiệm; chứng chỉ nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp) (**3.11.01. Hồ sơ cá nhân hiệu trưởng; phó hiệu trưởng**) đều đáp ứng đúng yêu cầu.

Hiện đơn vị có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng. Sau khi được bổ nhiệm, ngoài các nhiệm vụ được nêu trong Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công thì từng thành viên ban giám hiệu được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng theo đúng thẩm quyền phân cấp qua bảng phân công nhiệm vụ ban giám hiệu (**3.11.02. Bảng phân công nhiệm vụ ban giám hiệu**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 12:** Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong công tác bổ nhiệm viên chức, căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Gò Công và Quy chế làm việc của nhà trường, Quy hoạch cán bộ viên chức thì đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đúng quy định. Việc lấy phiếu tín nhiệm từ viên chức các phòng khoa làm cơ sở cho Hội đồng trường tham khảo, quyết định

và đề nghị Hiệu trưởng bổ nhiệm **(1.4.01: Quyết định số 07/ QĐ-TCGC ngày 14/1/2022 V/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công (QĐ sửa đổi; 1.4.02: Quyết định 273/QĐ-TCGC V/v ban hành quy định chế độ làm việc (sửa đổi) của Trường Trung cấp Gò Công; 3.12.01. Hồ sơ bổ nhiệm Phó phòng, khoa, tổ trưởng chuyên môn năm 2023)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 13:** *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đa số cán bộ quản lý trường đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và các tiêu chuẩn khác. Tuy nhiên vẫn còn một số ít cán bộ quản lý chưa đạt ở một số nội dung như: Trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước. Hiện các cán bộ này đang tham gia học tập để hoàn thiện tiêu chuẩn **(3.13.01 Danh sách trích ngang các chuẩn của cán bộ quản lý).**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 14:** *Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Đồng thời căn cứ vào quy mô đào tạo và phát triển của trường, nhà trường đã bổ nhiệm các cán bộ từ các phòng, khoa chuyên môn và bộ môn trực thuộc khoa, trực thuộc Ban giám hiệu có năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện phát triển của trường **(3.14.01 Danh sách trích ngang cán bộ quản lý của trường và các giáo viên phụ trách các phòng, khoa).** Hiện nay trường có 3 phòng, 4 khoa, 01 trung tâm 08 tổ bộ môn yêu cầu về năng lực của các cán bộ phụ trách phòng, khoa phù hợp cho một đơn vị hành chính sự nghiệp đào tạo đảm bảo không có cán bộ kiêm nhiệm nhiều chức vụ **(3.14.02 Các Quyết định bổ nhiệm trưởng, phó phòng, khoa, bộ môn ; 3.14.03 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của trường).**

Bảng 3.14: Bảng thống kê số lượng cán bộ quản lý/số nhân viên

TT	Đơn vị	Số lượng		Diễn giải
		Cán bộ quản lý	Cán bộ, Giáo viên, nhân viên	
1	Ban Giám Hiệu	3	0	- 1 Hiệu trưởng - 2 Phó hiệu trưởng

2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	2	7	- 1 Trưởng phòng - 1 Phó trưởng phòng
3	Phòng Đào tạo	2	6	- 1 Trưởng phòng - 1 Phó trưởng phòng
4	Phòng Công tác học sinh	2	5	- 1 Trưởng phòng - 1 Phó trưởng phòng
5	Khoa Điện – Điện tử	5	16	- 1 Trưởng khoa - 1 phó trưởng khoa - 3 Trưởng bộ môn
6	Khoa Cơ khí – Xây dựng	3	12	- 1 Trưởng khoa - 2 Trưởng bộ môn
7	Khoa May – Kế toán - Tin học – dịch vụ	4	12	- 1 trưởng khoa - 1 Phó trưởng khoa - 2 Trưởng bộ môn
8	Khoa Cơ bản - GDTX	4	9	- 1 Trưởng khoa - 1 Phó trưởng khoa - 2 Trưởng bộ môn
	<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>67</b>	

Số liệu thống kê cho thấy trường có đầy đủ cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có 24/24 người có trình độ đại học đạt 100%. Tất cả đều có năng lực trong chuyên môn, nghiệp vụ quản lý trong việc xử lý, tham mưu các công việc đối với lãnh đạo nhà trường.

Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Để đáp ứng mục tiêu của trường là nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, Ban Giám Hiệu nhà trường luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về mọi mặt cho đội ngũ kế thừa và nhân viên giúp việc (**3.14.04 Danh sách cử đi đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, 2023**) cũng cố kinh nghiệm trong chuyên môn và công tác quản lý, cũng như học tập nâng cao lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ để có đội ngũ kế thừa đáp ứng yêu cầu công tác.

***Điểm tự đánh giá tiên chuẩn 14 tiêu chí 3: 1 điểm***

***Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.***

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công (**3.15.01 Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 vv ban hành Quy chế**

**tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công).** Tùy theo trình độ chuyên môn và năng lực công tác, mà viên chức được bố trí sắp xếp vị trí việc làm phù hợp. Nhà trường đã phân công, bổ nhiệm, bố trí các cán bộ quản lý của trường đều đạt phẩm chất, trình độ đạt chuẩn các chức danh theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có phẩm chất, đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, có kế hoạch sắp xếp hỗ trợ về thời gian để giáo viên và nhân viên thuộc phòng, khoa, trung tâm được học tập và tự học tập nâng cao trình độ có phẩm chất được sự tin nhiệm của CB-NV-GV toàn trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. **(3.15.02 Bảng tổng hợp danh sách CBGV tham gia học tập bồi dưỡng năm 2022, 2023).**

Tổng số cán bộ, giáo viên hiện nay của trường là 88 người; nhân viên hợp đồng lao động là 07 người. Hàng năm cán bộ, giáo viên được Ban giám hiệu nhà trường cử đi học tập, bồi dưỡng các khóa bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý các cơ sở dạy nghề, công nghệ thông tin và lớp cán bộ kiểm định viên chất lượng dạy nghề, do các sở ngành và Tổng cục dạy nghề tổ chức. Bên cạnh CBGV còn được tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức về mặt quản lý Nhà nước, lý luận chính trị **(3.15.03 Danh sách cán bộ, giáo viên được cử đi học các lớp quản lý nhà nước, nghiệp vụ quản lý dạy nghề, kiểm định viên...; danh sách học lớp trung cấp chính trị năm 2022, 2023).**

Bên cạnh đó Trường trường thường xuyên tổ chức cho cán bộ nhân viên học tập nghị quyết của Đảng, học tập các chuyên đề về “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong những lần học tập này 100% cán bộ giáo viên viên chức đều tham gia nghiêm túc.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 3: 1 điểm***

### **3.2.4 TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:**

#### **❖ Mở đầu:**

Qua nhiều năm thực hiện công tác giảng dạy, nhà trường đã cố gắng triển khai thực hiện đầy đủ các qui định về xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình phục vụ cho quá trình giảng dạy. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tiễn, các văn bản hướng dẫn của cấp trên, trường đều lập các kế hoạch xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cụ thể. Tuy nhiên, do có sự điều chỉnh liên tục giữa các năm nên một số nội dung cần thực hiện trong việc xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình vẫn chưa đầy đủ, đúng yêu cầu.

#### **❖ Những điểm mạnh:**

Thực hiện xây dựng các chương trình đào tạo theo đúng qui định. Nội dung của chương trình đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, phương pháp đánh giá, giúp quá trình tổ chức dạy học đạt hiệu quả hơn



Nhà trường đã chủ động tổ chức biên soạn các giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy. Nội dung giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo.

❖ **Những tồn tại:**

Đang thực hiện công tác biên soạn giáo trình, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ giáo trình các môn học, mô đun của các chương trình đào tạo

Đang cập nhật nội dung giáo trình sau khi điều chỉnh nội dung chương trình, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ.

❖ **Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hơn các chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng dạy học tại nhà trường. Mặt khác, trường sẽ tập trung vào việc biên soạn, thẩm định các giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập.

**Điểm đánh giá tiêu chí 4:**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH</b>	15
Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo	1
Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định	1
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định	1
Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1
Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1
Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định	1
Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành	1

Tiêu chuẩn 8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài	1
Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học	1
Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo	1
Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức	1
Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo	1
Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	1
Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1
Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	1

**Tiêu chuẩn 1:** Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có đầy đủ CTĐT của tất cả các nghề trường đang đào tạo. Các CTĐT được xây dựng phù hợp với mục tiêu phát triển của địa phương và thực hiện xây dựng CTĐT theo đúng qui định theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH về việc hướng dẫn biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo. Tất cả các CTĐT có đầy đủ nội dung chương trình chi tiết được phê duyệt và quyết định ban hành theo đúng qui định (1.2.03-Giấy chứng nhận số 01/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 8/5/2019 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 05/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 13/5/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 03/GCNĐKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 29/7/2022, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số

02/GCNĐKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 21/9/2023; 2.5.01 - 110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; các quyết định từ 143/QĐ-TCGC đến 152/QĐ-TCGC, 106/QĐ-TCGC ngày 14/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo nghề nghiệp vụ nhà hàng).

Tổng số các chương trình đào tạo trình độ trung cấp của trường là 16 nghề.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 1 điểm***

***Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.***

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường tổ chức xây dựng, rà soát điều chỉnh 16 CTĐT trình độ trung cấp theo tín chỉ, đạt tỷ lệ 100%. Tất cả các nghề đang đào tạo tại trường được xây dựng theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp. Các ngành, nghề đào tạo của trường đều thuộc danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ Trung cấp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định (4.2.01- Quyết định số 60/QĐ-TCGC ngày 22/3/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Quyết định số 91/QĐ-TCGC ngày 4/5/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng) và các Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình (4.2.02- Quyết định số 55/QĐ-TCGC ngày 8/3/2021 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Quyết định số 57/QĐ-TCGC ngày 15/3/2022 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng)

Sau khi các ban chủ nhiệm xây dựng xong chương trình, thông qua cuộc họp thẩm định của Hội đồng thẩm định (4.2.03-Biên bản họp thẩm định các chương trình đào tạo), đóng góp ý kiến của các chuyên gia (4.2.04-Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình), các chương trình được Hiệu trưởng ký ban hành sử dụng theo đúng qui trình thực hiện (2.5.01- 110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP,

CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; Quyết định số 106/QĐ-TCGC ngày 14/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng; Quyết định số 152/QĐ-TCGC ngày 01/8/2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp áp dụng từ năm học 2023 – 2024 trở đi).

Nhìn chung nhà trường thực hiện tốt tiêu chuẩn này.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3:** Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Các CTĐT của trường đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, nội dung CTĐT với cấu trúc linh hoạt đáp ứng nhu cầu đào tạo cũng như nhu cầu sử dụng lao động. Các CTĐT trình độ trung cấp đều được thiết kế thống nhất theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình căn cứ theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp theo từng ngành, nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. (2.5.01- 110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; Quyết định số 106/QĐ-TCGC ngày 14/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng; Quyết định số 152/QĐ-TCGC ngày 01/8/2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp áp dụng từ năm học 2023 – 2024 trở đi).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4:** Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chuyên nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, các khoa đề xuất xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo theo hướng dẫn của thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

Thực hiện đề xuất của các khoa nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo (**4.2.02- Quyết định số 55/QĐ-TCGC ngày 8/3/2021 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp; Quyết định số 57/QĐ-TCGC ngày 15/3/2022 về việc xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng**). Trong đó việc thành lập hội đồng thẩm định đảm bảo có ít nhất 01 cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 01 cán bộ khoa học kỹ thuật và các giáo viên chuyên môn được thể hiện trong các quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (**4.2.01- Quyết định số 60/QĐ-TCGC ngày 22/3/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 4.4.04 - Quyết định số 91/QĐ-TCGC ngày 4/5/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng**). Việc thẩm định chương trình đào tạo được thể hiện qua các biên bản đóng góp của các thành viên hội đồng thẩm định (**4.2.03– các biên bản thẩm định chương trình đào tạo**). Việc thực hiện lấy ý kiến các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật ngoài trường còn mang tính chất hỗ trợ, việc đóng góp ý kiến được thực hiện trực tiếp (**4.4.06-Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp**) tuy nhiên các doanh nghiệp không có thời gian để nghiên cứu sâu chương trình do đó việc thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp chương trình vẫn còn chưa quan tâm nhiều đến nội dung của chương trình đào tạo vẫn còn mang tính hình thức. Đến thời điểm hiện nay nhà trường đã ban hành 16 chương trình đào tạo trình độ trung cấp (**2.5.01 - 110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; Quyết định số 106/QĐ-TCGC ngày 14/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng; Quyết định số 152/QĐ-TCGC ngày 01/8/2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp áp dụng từ năm học 2023 – 2024 trở đi**).

Nhìn chung nhà trường thực hiện đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 5:** *Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ vào thông tư số 03/2017 về việc hướng dẫn xây dựng chương trình theo luật GDNN, bảng phân tích nghề, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, yêu cầu thực tế của doanh nghiệp, trường đã thành lập các ban chuyên trách thực hiện việc xây dựng, điều chỉnh chương trình (**4.2.01-Quyết định số 55/QĐ-**

**TCGC ngày 8/3/2021 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Quyết định số 57/QĐ-TCGC ngày 15/3/2022 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng).**

Trên cơ sở đó, các ban chuyên trách tiến hành thực hiện việc xây dựng các nội dung của chương trình. Trước khi thẩm định, chương trình được thông qua ý kiến đóng góp của các chuyên gia cùng ngành nghề trong các doanh nghiệp (**4.5.02- Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp**). Nhà trường ban hành chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động (**2.5.01- 110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; Quyết định số 106/QĐ-TCGC ngày 14/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng; Quyết định số 152/QĐ-TCGC ngày 01/8/2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp áp dụng từ năm học 2023 – 2024 trở đi**).

Mặt khác, hàng năm, phòng CTHS căn cứ vào tiến độ đào tạo lập kế hoạch TTSX tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, phối hợp với khoa chuyên môn đưa học sinh đến nơi thực tập. Tại đây, các em sẽ được tiếp xúc và làm quen với môi trường công việc thật sự. Và đó cũng là một công cụ đánh giá tương đối chính xác khả năng đáp ứng yêu cầu công việc thực tiễn của các em. Thông qua kết quả thực tập (**2.13.01- Báo cáo kết quả thực tập của học sinh của các nghề qua các năm học**), nhà trường đã có những công cụ (**4.5.05- Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp**) hiệu quả để đánh giá lại tính thực tiễn của nội dung chương trình, làm cơ sở để thực hiện điều chỉnh trong năm học tiếp theo.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** *Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực hiện xây dựng các chương trình đào tạo phục vụ nguồn nhân lực cho địa phương và các tỉnh thành lân cận. Trong quá trình thực hiện, công tác rà soát đối với các môn học, mô đun để đảm bảo thuận tiện nhất cho việc liên thông trong 3 cấp trình độ (đào tạo theo hệ thường xuyên, hệ sơ cấp, hệ trung cấp) của người học tại trường là một trong những quy định bắt buộc. Trong kế hoạch xây

dựng chương trình đào tạo của nhà trường đã có qui định cụ, khi xây dựng chương trình đào tạo cũng như chương trình môn học đều có một số mô đun, môn học là kiến thức cơ sở ngành để học sinh sau khi học xong chương trình đào tạo trình độ trung cấp có thể học tiếp ở bậc cao hơn. Nội dung này được thực hiện tốt theo nội dung các chương trình đã biên soạn **(4.6.01-Chương trình chi tiết các môn học, mô đun)**. Biên bản cuộc họp hội đồng thẩm định chương trình của nhà trường **(4.2.03-Biên bản họp thẩm định các chương trình)** không những đánh giá về nội dung chuyên môn mà còn nhận xét, kiểm tra về tính liên thông các chương trình đào tạo của nhà trường. Trên cơ sở đó, Ban chủ nhiệm xây dựng các chương trình đã có sự giải trình đồng thời tổ chức điều chỉnh các chương trình phù hợp hơn. Trong kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo trung cấp các nghề của nhà trường đã có qui định cụ thể sự liên thông giữa các trình độ với nhau **(2.5.01- 110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; Quyết định số 152/QĐ-TCGC ngày 01/8/2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp áp dụng từ năm học 2023 – 2024 trở đi )**

Nhà trường cũng đã tiến hành ký bản ghi nhớ về đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng Tiền Giang gồm 6 nghề Điện công nghiệp, KTML&ĐHKK, Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại, Quản trị mạng máy tính và May thời trang **(4.6.04-Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo liên thông giữa trường Trung cấp Gò Công với trường Cao đẳng Tiền Giang)**. Nhà trường cũng liên kết với trường Đại học sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học **(4.6.05-Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo liên thông giữa trường Trung cấp Gò Công với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long)**.

Ngoài ra, theo yêu cầu của thực tế sản xuất nhà trường có liên kết với Công ty May Việt Long Hưng xây dựng chương trình đào tạo dưới 3 tháng nghề May quần thể thao **(4.6.06-Chương trình đào tạo thường xuyên Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trung tâm; May quần thể thao)**, chương trình đào tạo thường xuyên có nội dung được thiết kế liên thông với chương trình đào tạo trình độ trung cấp **(4.6.07-Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cắt gọt kim loại)**.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 1 điểm***

***Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.***

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đối với chương trình trung cấp trường thực hiện cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo đúng theo quy định tại Điều 9 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Nhà trường đã ra quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu (**4.7.01-Quyết định 107/QĐ-TCGC ngày 10/6/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp cho các nghề ĐCN, KTML&ĐHKK, CĐLTS, CNOTO, CGKL, MTT, THVP, CĐT; Quyết định số 221/QĐ-TCGC ngày 3/9/2020 ban hành CTĐT nghề Tin học ứng dụng**). Trong quá trình đào tạo chương trình đã ban hành, sau khi kết thúc một niên khoá nhà trường đã lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh cập nhật chương trình theo đúng quy định (**4.7.01 Kế hoạch số 20/KH-TCGC ngày 23/02/2023 về việc cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ trung cấp**), trên cơ sở đó nhà trường cũng ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định và ban chủ nhiệm điều chỉnh chương trình (**4.2.01- Quyết định số 60/QĐ-TCGC ngày 22/3/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp; 4.2.02- Quyết định số 55/QĐ-TCGC ngày 8/3/2021 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp**) để cập nhật, bổ sung những thay đổi; những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động. Nhà trường đã ban hành các chương đào tạo sau điều chỉnh với tất cả các nghề (**2.5.01 – 110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; Quyết định số 106/QĐ-TCGC ngày 14/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng; Quyết định số 152/QĐ-TCGC ngày 01/8/2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp áp dụng từ năm học 2023 – 2024 trở đi**).

Nhìn chung nhà trường thực hiện đúng tiêu chuẩn này.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8:** *Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Năm 2019 sau khi hợp nhất nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp cho các nghề (**4.8.01-Quyết định 107/QĐ-TCGC ngày**



10/6/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp cho các nghề ĐCN, KTML&ĐHKK, CĐLTS, CNOTO, CGKL, MTT, THVP, CĐT; Quyết định số 221/QĐ-TCGC ngày 3/9/2020 ban hành CTĐT nghề Tin học ứng dụng). Căn cứ vào kế hoạch định kỳ bổ sung, điều chỉnh chương trình dạy nghề (4.7.01 Kế hoạch số 20/KH-TCGC ngày 23/02/2023 về việc cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ trung cấp), các chương trình đào tạo của trường được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh. Thông qua các đánh giá, phản hồi từ kết quả thực tập của học sinh (2.13.01-Báo cáo kết quả thực tập của học sinh của các nghề qua các năm học); các thay đổi về khoa học, kỹ thuật, công nghệ; các yêu cầu từ thực tế sản xuất do các doanh nghiệp phản hồi, các ban chủ nhiệm tiến hành cập nhật, điều chỉnh lại nội dung chương trình. Qua các lần điều chỉnh, các chương trình đào tạo của trường ngày càng phù hợp hơn, đầy đủ hơn, đáp ứng được yêu cầu của xã hội đối với học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường. Những thay đổi này được thông qua hội đồng thẩm định, gồm nhiều giáo viên có chuyên môn, thâm niên giảng dạy phù hợp (4.8.04-Quyết định ban hành chương trình đào tạo)

Do hạn chế về điều kiện nên nhà trường không có sự tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 9:** Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong những năm qua, nhà trường chưa tổ chức lớp đào tạo liên thông do chưa có nhu cầu về đào tạo tại địa phương.

Căn cứ theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động – Thương binh và xã hội qui định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể trong kế hoạch xây dựng chương trình, điều chỉnh chương trình (4.7.01-Kế hoạch số 41/KH-TCGC ngày 23/10/2020 về việc điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ trung cấp), nhà trường luôn có qui định cụ thể về tính liên thông của các chương trình đào tạo. Khi có trường hợp người học học liên thông, tổ bộ môn sẽ kiểm tra, rà soát các môn học, mô đun người học đã học so với chương trình đào tạo của trường. Ban Giám hiệu sẽ căn cứ vào đề nghị của khoa liên quan, xét miễn các môn học, mô đun đã học ở cấp các cấp trình độ thấp hơn.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 10:** *Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện nay, nhà trường đào tạo 11 nghề trình độ trung cấp đã được phê duyệt và ban hành với số lượng hơn 200 môn học/mô đun. Trong năm 2022 nhà trường đã lập kế hoạch, triển khai và thẩm định giáo trình của tất cả các nghề. Kết quả đã ban hành 3 quyết định cho hơn 200 giáo trình và đưa vào sử dụng từ năm học 2020 – 2021 (**2.7.01 – Quyết định số 224/QĐ-TCGC ngày 10/10/2022 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp**). Giáo trình của từng môn học, mô đun được quy định ngay tại CTCT môn học, mô đun. (**2.5.01-110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN; Quyết định số 152/QĐ-TCGC ngày 01/8/2023 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp áp dụng từ năm học 2023 – 2024 trở đi**)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 11:** *100% giáo trình được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Giáo trình, tài liệu tham khảo, các đề cương chi tiết, tập bài giảng có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, trường Trung cấp Gò Công đã chú trọng đến việc biên soạn giáo trình, mua tài liệu tham khảo nhằm đáp ứng mục tiêu của các môn học/mô đun. (**4.10.02-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp**).

Thư viện trường chưa đảm bảo đủ các chủng loại giáo trình và tài liệu tham khảo... phục vụ các chuyên ngành đào tạo và phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu của giáo viên và học tập của học sinh.

Cùng với việc xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành học các giáo viên phải biên soạn các tài liệu tương ứng như đề cương chi tiết. Trong đề cương chi tiết cũng quy định rõ mục tiêu, kỹ năng đạt được của từng học phần.

Những điểm mạnh: Có đủ đề cương chi tiết là điều kiện bắt buộc đối với các giáo viên giảng dạy.

Các tài liệu tham khảo chưa đầy đủ.

Đối với các giáo trình của Trường biên soạn và thẩm định ở năm 2021, 2022 Trường đã tổ chức thu thập những nhận xét đánh giá của chuyên gia từ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, giáo viên, người học về chất lượng giáo trình

đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học cho các loại giáo trình đã được biên soạn.

Tiêu chuẩn này nhà trường đã khắc phục được so với năm 2020

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 12:** *Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện nay, tất cả các chương trình đào tạo của trường đều được đăng ký và có quyết định ban hành. Trên cơ sở đó, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình dạy và học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ cho tất cả các môn học môn đụn có trong chương trình đào tạo chi tiết (2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo, 2.7.01- Quyết định số 224/QĐ-TCGC ngày 10/10/2022 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp). Tất cả giáo trình được lựa chọn để làm tài liệu giảng dạy đã cụ thể hoá được các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt của từng mô đun, môn học trong CTĐT thông qua các buổi họp đóng góp ý kiến của tổ, khoa, hội đồng thẩm định. Nhà trường có đầy đủ các quyết định thẩm định, lựa chọn, ban hành và đưa vào sử dụng các giáo trình phục vụ cho các CTĐT tại trường (4.12.01-Biên bản thẩm định giáo trình; 4.12.02-Bản in các giáo trình đào tạo). Khi đưa vào giảng dạy, các giáo trình đã được giáo viên, học sinh đón nhận tích cực.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 13:** *Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Năm 2021, 2022 trường đã đưa ra chủ trương về công tác biên soạn giáo trình dạy nghề, tài liệu giảng dạy, học tập phải bám sát các chương trình đào tạo của trường; cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm và tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Trong kế hoạch triển khai thực hiện (4.13.01-Kế hoạch tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội), trường có qui định cụ thể về yêu cầu nội dung đảm bảo phù hợp với phương pháp dạy học tích cực.

Qua công tác nghiệm thu các giáo trình lưu hành nội bộ, Hội đồng đã có những đóng góp ý kiến thiết thực về nội dung các giáo trình: các bài học phải có mục tiêu rõ ràng, từng bài học phải có kiến thức, kỹ năng phù hợp, đảm bảo các bài học có sự liên kết tốt với nhau (4.12.01-Các biên bản họp thẩm định giáo trình ).

Danh sách các chương trình đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp **(4.13.01: Danh sách các chương trình đào tạo)**

Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành).**(4.13.02: Danh sách thống kê giáo trình đào tạo được ban hành)**

Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 14:** *Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm Phòng CTHS phối hợp với các khoa tổ chức đưa học sinh đi TTSX đúng chuyên ngành đào tạo tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, qua đó các doanh nghiệp có thể nhận học sinh vào làm việc sau khi ra trường **(2.7.03 - Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm học 2020 – 2021; 2022 - 2023, 4.14.01- Bản thỏa thuận giữa trường và công ty khi học sinh thực tập)**. Sau khi thực tập, học sinh thực hiện báo cáo kết quả thực tập tại công ty, cơ sở sản xuất. Thông qua bản báo cáo, các phiếu đánh giá của công ty, giáo viên hướng dẫn báo cáo về khoa chuyên môn các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp với quá trình thực tập cũng như các kỹ năng các em được đào tạo tại trường **(2.13.01-Báo cáo kết quả thực tập của học sinh của các nghề khoá 1 và khoá 2)**.

Nhà trường chưa tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của Cán bộ quản lý các phòng, khoa, giáo viên về chất lượng của các phương thức đào tạo. Tuy nhiên nhà trường đã thực hiện thu thập ý kiến của học viên, học sinh sau khi tốt nghiệp **(4.5.01-Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp)**.

Trong những năm tiếp theo nhà trường sẽ thực hiện thu thập các ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động để công tác đào tạo tại trường ngày càng có hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn này đáp ứng yêu cầu của nội hàm.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 15:** *Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo của trường được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh. Trong năm 2021, nhà trường điều chỉnh và ban hành các chương trình đào tạo hệ trung cấp theo tín chỉ (**2.5.01-Quyết định ban hành chương trình; 4.15.01-Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo**).

Trong năm 2022 nhà trường đã lập kế hoạch điều chỉnh giáo trình đào tạo sau khi ban hành các chương trình đào tạo theo tín chỉ (**4.15.02- Kế hoạch biên soạn cập nhật giáo trình**). Sau khi thẩm định nhà trường ban hành giáo trình đã đào tạo áp dụng cho học sinh từ khoá 3 (**2.7.01 – Quyết định số 224/QĐ-TCGC ngày 10/10/2022 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp**). Bản in các giáo trình được lưu tại thư viện của nhà trường.

Nhà trường sẽ tăng cường công tác xây dựng, điều chỉnh các giáo trình, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sử dụng của giáo viên, học sinh trong nhà trường.

*Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4: 1 điểm*

### **3.2.5 TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 5**

##### **❖ Mở đầu:**

Mặt bằng tổng thể của Trường TC Gò Công được bố trí tại 2 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất tại cơ sở 1 là 15.181,1 m<sup>2</sup>; cơ sở 2 là 3.663 m<sup>2</sup> cụ thể:

Diện tích đất xây dựng tại cơ sở 1 là: 6.948m<sup>2</sup>; cơ sở 2 là: 1.656m<sup>2</sup> được triển khai xây dựng từ năm 2008. Hiện có các khu chức năng: khu Hành chánh; khu phòng học Lý thuyết; nhà xưởng thực hành; thư viện; ký túc xá; căn tin; nhà xe; sân bóng; nhà trực bảo vệ. Cơ sở vật chất được phục vụ cho các hoạt động: điều hành hoạt động của Nhà trường; giảng dạy các môn Văn hóa.

Cơ sở vật chất hiện có của nhà trường phục vụ tốt cho nhu cầu dạy và học: Phòng học kiên cố có đầy đủ ánh sáng, đèn, quạt, bảng từ, trang bị màn hình, máy chiếu hỗ trợ cho hoạt động dạy và học, các phòng học chuyên môn (Phòng tin học, thực hành may...) đủ phục vụ cho các chương trình đào tạo. Nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập trong thời đại công nghệ như hiện nay nhà Trường đã trang bị hệ thống mạng Internet, hệ thống Wifi được phủ sóng khắp toàn trường.

Bằng nguồn vốn Đầu tư từ Ngân sách Nhà Nước, nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư các trang thiết bị có chất lượng cao để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hầu hết các máy móc, thiết bị đều đồng bộ về chủng loại, đủ về số lượng, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người vận hành. Tất cả các máy, thiết bị đáp ứng đủ và phù hợp với ngành

nghề mà nhà trường đang đào tạo. Như máy CNC phục vụ cho khoa cơ khí, các máy điện phục vụ cho khoa điện. Các máy hàn phục vụ cho nghề Hàn.....

❖ **Những điểm mạnh:**

- Vị trí của trường nằm ở vị trí địa lý thuận lợi;
- CSVN được thiết kế, xây dựng đúng quy chuẩn;
- Có đầy đủ các khu vực chức năng phục vụ cho nhu cầu đào tạo;
- Trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, phù hợp với thực tế sản xuất theo hướng công nghệ tiên tiến.

❖ **Những tồn tại và kế hoạch:**

- Trường đang chú trọng đến tuyển sinh, để gia tăng số lượng học sinh hàng năm.
- Trường đang triển khai đầu tư trang thiết bị các nghề trọng điểm như: Nghề Hàn, nghề Cơ điện lạnh, nghề Điện Công Nghiệp để đáp ứng nhu cầu học sinh trong những năm tới.

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 5**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>TIÊU CHÍ 5 - CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN</b>	12
Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1
Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1
Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng	1

nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	
Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1
Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1
Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1
Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1
Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sự phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1
Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về định kỳ đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1
Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định của nhà trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1
Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	0
Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện	0

trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	
Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	0

**Tiêu chuẩn 1:** *Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, UBND tỉnh có chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá để huy động các nguồn nhân lực và trí tuệ xã hội tham gia vào việc đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cho khu vực phục vụ theo định hướng khu Công Nghiệp Vàm Láng. Đây cũng là lý do UBND tỉnh Tiền Giang thấy cần thiết có một trường đào tạo nghề cho người lao động để cung ứng cho các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp cũng như cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và các tỉnh lân cận **(5.1.01-Quyết định của Ủy ban về việc giao đất xây dựng trường)**

Trường xây dựng khang trang sạch đẹp, các công trình cách nhau bằng các hàng cây xanh bao quanh. Nền đất của Nhà Trường cao hơn so với nền đất ngoài trường và khu vực xung quanh, dựa vào bản đồ quy hoạch tổng thể của trường **(5.1.02-Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất).**

Nhà trường có hệ thống điện ba pha để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh tại các xưởng thực hành. Việc cung cấp điện có hợp đồng mua bán điện giữa Trường Trung cấp Gò Công và Điện lực Thị Xã Gò Công **(5.1.03-Hợp đồng mua bán điện với điện lực Thị Xã Gò Công; 5.1.04-Phiếu chi về số lượng điện tiêu thụ).** Trường Có hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước theo tiêu chuẩn quy hoạch và xây dựng **(5.1.05-Bản vẽ thiết kế trường).**

Trường Trung cấp Gò Công hiện có hai cơ sở đào tạo với tổng diện tích 18.844,1 m<sup>2</sup>. Cơ sở 1 có tổng diện tích đất là 15.181,1 m<sup>2</sup> với diện tích xây dựng là 6.948 m<sup>2</sup> nằm ở 26/1 Võ Thị Lớ, Khu phố 1, Phường 4, Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Phía Đông và Bắc giáp với đất ruộng canh tác của các hộ dân, phía Tây giáp với hộ nhà dân, phía Nam nằm trong quy hoạch giáp với mặt đường Nguyễn Trọng Dân nối dài; Cơ sở 2 có tổng diện tích đất là 3.663 m<sup>2</sup> xung quanh Trường trong vòng bán kính 1.000 m<sup>2</sup> không có xí nghiệp thải ra chất độc. **(5.1.06-Bản đồ bố trí trường trong khu vực).** Không có ô nhiễm nguồn nước,



không gây tiếng ồn, đảm bảo điều kiện vệ sinh, an toàn, môi trường yên tĩnh cho giảng dạy và học tập.

Trường nằm trong khu vực Thị xã Gò Công điều kiện an ninh trật tự được bảo đảm, thuận lợi cán bộ giáo viên cũng như cho học sinh học tập. Hàng năm có xây dựng báo cáo an ninh trật tự cho đơn vị cấp trên (**5.1.07-Báo cáo an ninh trật tự**). Đồng thời, Thị Xã Gò Công là khu vực đang được tỉnh Tiền Giang quy hoạch về phát triển công nghiệp. Vì vậy Trường Trung cấp Gò Công là một địa chỉ nằm trong khu vực quy hoạch đào tạo nghề của Tỉnh. Điều kiện giao thông thuận lợi (**1.1.01-Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 22/2/2019 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc thành lập trường Trung cấp Gò Công**)

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** *Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường được xây dựng trên cơ sở khuôn viên tổng thể mặt bằng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Với đặc điểm diện tích rộng nên việc khảo sát, thiết kế và xây dựng các cơ sở hạ tầng khu hành chính, phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, ký túc xá, nhà ăn, ... được bố trí hợp lý, không gây ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời gian hoạt động. Trong thiết kế xây dựng cũng chú trọng đến việc bố trí các mảng cây xanh để tạo cảnh quan cho khuôn viên trường. Các khu chức năng tại cơ sở 01 được xây dựng với tổng diện tích là 6,138 m<sup>2</sup>, chiếm 40%, diện tích cây xanh chiếm khoảng 30 – 40% diện tích toàn trường. (**5.2.01-Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường; 5.1.01-Quyết định của Ủy ban về việc giao đất xây dựng trường; 5.2.02-Hồ sơ các công trình xây dựng 5.2.03-Đề án thành lập trường; 5.2.04 - Hình ảnh tổng quan về trường**).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** *Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có các công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác đào tạo nghề, bao gồm:

❖ ***Cơ sở 01:***

Khu hành chính: với tổng diện tích  $450.6m^2$  bao gồm: Phòng Hiệu trưởng, 02 phòng làm việc Phó hiệu trưởng, phòng Thiết bị, phòng Hành chính – Tổng hợp, phòng Y tế, Văn phòng khoa Cơ khí, Khoa Điện – Điện tử, Khoa May – Kế toán - Tin học – Dịch vụ, Phòng đào tạo, Phòng Công tác học sinh, Phòng họp.

Khu học tập:

1. Phòng học và giảng đường: Với 08 phòng tổng diện tích  $484m^2$ , mỗi phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế cho 40 – 50 học viên, bảng từ, quạt trần, hệ thống chiếu sáng phòng học đủ tiêu chuẩn theo quy định. Trong đó có phòng tin học được trang bị với 25 máy vi tính.

2. Khu thực hành (xưởng): được xây dựng ở vị trí hướng sáng và hướng gió, đảm bảo cho giáo viên, học sinh học tập và giảng dạy yên tĩnh, thoáng mát. Với 02 khu nhà xưởng, bao gồm: Khu nhà xưởng Công nghiệp nhẹ và Công nghiệp nặng

Khu nhà xưởng Công nghiệp nhẹ với tổng diện tích  $886.8 m^2$  trang bị đầy đủ thiết bị tiện nghi và hiện đại cho học sinh thực hành nghề Điện công nghiệp, Điện – Điện tử và May công nghiệp.

Khu nhà xưởng Công nghiệp nặng với tổng diện tích  $922.2 m^2$  trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị phục vụ cho học sinh thực hành các nghề Hàn, Cắt gọt kim loại, Ô tô ...

Ký túc xá: với 16 phòng, có tổng cộng ... giường đảm bảo cho khoảng...học sinh lưu trú.

Nhà xe ô tô: Với diện tích  $120m^2$  sức chứa 06 xe ô tô cho học sinh thực hành vừa được xây dựng và đưa vào sử dụng đầu năm 2018.

Nhà xe học sinh, cán bộ giáo viên nhà trường và khách đến làm việc rộng rãi, an toàn.

Khu hoạt động thể dục thể thao: hiện trường có 01 sân bóng chuyền...

Có khuôn viên cây xanh, thảm cỏ, hệ thống đường giao thông nội bộ luôn sạch sẽ, thoáng mát đảm bảo mỹ quan khuôn viên trường luôn khang trang, tạo môi trường học tập xanh, sạch, đẹp.

#### ❖ Cơ sở 02:

- Phòng học lý thuyết: 8 phòng, diện tích:  $384m^2$  xây dựng 01 tầng trệt và 01 tầng lầu.

- Phòng học thực hành: 12 phòng, diện tích:  $576m^2$  ; Phòng Vi tính: 6 phòng, diện tích:  $288 m^2$

- Khối hành chánh văn phòng:  $518m^2$ , xây dựng 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; có 12 phòng làm việc, 01 phòng họp có sức chứa 45 người. Trong mỗi phòng làm việc được trang bị các máy móc phục vụ cho công việc như: máy vi tính, máy in, máy fax, photocopy và một ít hồ sơ tài liệu được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng. Riêng phòng làm việc Ban giám hiệu 02 phòng.

(5.2.02 – Hồ sơ các công trình xây dựng; 5.3.01 - Có Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo; 5.3.02 – Khảo sát thực tế để chứng minh).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4:** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống điện đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt; có hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải độc hại, thông gió, phòng cháy, chữa cháy theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.

Hệ thống đường giao thông nội bộ của cơ sở đều đảm bảo cho việc đi lại giữa các khu vực chức năng. Trường có đặt trạm biến áp riêng để phục vụ việc truyền tải và phân phối điện năng cho nhu cầu đào tạo, sản xuất và sinh hoạt từ điện lưới quốc gia (**5.2.01- Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường; 5.4.01-Bản vẽ cấp điện; 5.4.02 - Bản vẽ quy hoạch chiếu sáng; 5.4.03 - Hợp đồng mua bán điện**)

Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế hợp lý, đảm bảo yêu cầu vệ sinh (**5.4.04– Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước; 5.4.05-Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải**). Hệ thống nước và trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy của nhà trường được thực hiện đúng theo thiết kế và được Công an Phòng cháy chữa cháy kiểm tra, công nhận. Cùng với hệ thống phòng cháy chữa cháy theo thiết kế, nhà trường đã trang bị các bình chữa cháy và gắn các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy tại từng khu vực chức năng trong trường. Bản vẽ Phòng cháy chữa cháy nằm trong cùng hồ sơ Các bản vẽ điện nước các công trình xây dựng. Nhà trường đã phân công cho Đội phòng cháy chữa cháy chịu trách nhiệm chính trong công tác phòng cháy chữa cháy. (**5.4.06 - Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy**)

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quản lý và bảo dưỡng vận hành đúng quy trình, bảo đảm hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế. Việc quản lý và sử dụng các công trình như nhà xưởng thực hành, phòng học lý thuyết, các khu chức năng được sử dụng đúng công năng. Việc kiểm kê, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản được thực hiện hàng năm theo Quy định của Nhà nước, được tiến hành bởi Hội đồng kiểm kê tài sản hàng năm (**5.4.07-Bảng kiểm kê tài sản cố định**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 5:** *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Nhà trường có đầy đủ các số liệu thống kê về số lượng, diện tích, vị trí của các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành và phòng học chuyên môn **(5.3.01 - Có Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo).**

Các khu chức năng như khu hành chính, khu phòng học lý thuyết, khu vực các xưởng thực hành,...đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng. Các tường vệ sinh được bao che bằng tường gạch hoặc tấm ván ép chống nước, trong phòng vệ sinh có đầy đủ đèn chiếu sáng, tất cả đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế và hoàn công các công trình của nhà trường theo các tiêu chuẩn: TCXDVN -356-2005 Tiêu chuẩn thiết kế bê tông và bê tông cốt thép; TCVN 4513: 19881 Cấp nước bên trong; TCVN 4474: 19871- Thoát nước bên trong; TCVN 5687 : 2010, Thông gió, điều hòa không khí; TCVN 2622: 19951, Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Các khu chức năng khi xây dựng đã được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và cấp phép nên các công trình luôn đảm bảo đầy đủ các điều kiện: về chiếu sáng, thông gió tự nhiên, hệ thống chống sét, phòng cháy ... **(5.5.01-Bản vẽ các công trình xây dựng).**

Trang thiết bị phục vụ đào tạo là một trong những yếu tố hàng đầu để khẳng định chất lượng đào tạo của một cơ sở dạy nghề, do vậy việc đầu tư trang bị thiết bị dạy nghề đã được xác định từ khi lập đề án nâng cấp thành Trường TCN khu vực Gò Công. Các trang thiết bị được đầu tư mới bảo đảm tính đồng bộ, đồng thời cũng đảm bảo về mặt hiện đại, đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và dịch vụ trên thị trường. Như trường đã có máy tiện CNC, Phay CNC dùng cho thực hành nghề Cắt gọt kim loại, có khoảng 70 máy may điện tử... Còn một số thiết bị các nghề khác thống kê chi tiết và nguồn gốc nằm trong hồ sơ Kiểm kê tài sản thiết bị **(5.5.02- Hồ sơ yêu cầu kỹ thuật các gói thầu)**

Nhà trường đã trang bị được các thiết bị hiện đại đạt mức tương đương trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện hành. Bảo đảm chất lượng trang thiết bị, dụng cụ và tài liệu cho các hoạt động thực hành về nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chủng loại, công năng, các yêu cầu thông số kỹ thuật và mỹ thuật **(5.5.03- Biên bản bàn giao tài sản, thiết bị).**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 6:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trang thiết bị của trường được qui định và phân cấp quản lý rõ ràng và phân chia cho từng xưởng theo từng ngành nghề cụ thể. **(5.6.01- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước, ban hành kèm theo quyết định số 368/QĐ-TCGC ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Gò Công)**

Các thiết bị đào tạo đều có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất, nhà sản xuất rõ ràng thể hiện trong các bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng **(5.6.02 - Danh mục các thiết bị đào tạo; 5.6.03-Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị)**. Tất cả các máy móc thiết bị của Trường được trang bị, nhà Trường đều có sổ theo dõi, quản lý trên phần mềm quản lý tài sản do Bộ Tài chính ban hành có quy định về quản lý và sử dụng máy móc thiết bị.

Theo nhiệm vụ chức năng của từng bộ phận trong trường mà các công trình xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý khai thác và bảo trì. Trường các bộ phận chịu trách nhiệm trước Ban Giám Hiệu về các công trình, tài sản, thiết bị mà bộ phận mình quản lý. Đồng thời, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch đã đề ra **(5.6.04-Các Quyết định phân công Quản lý xưởng; 5.6.05-Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 7:** Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Theo nhiệm vụ chức năng của từng bộ phận trong trường mà các công trình xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý khai thác và bảo trì. Trường các bộ phận chịu trách nhiệm trước Ban Giám Hiệu về các công trình, tài sản, thiết bị mà bộ phận mình quản lý **(5.7.01 - Sổ theo dõi tài sản đơn vị)**.

Nhà trường thực hiện việc sử dụng phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn theo thông tư của Bộ Tài chính và các văn bản quy định UBND tỉnh Tiền Giang **(5.7.02 - Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; 5.7.03 - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công)**

Trong các xưởng thực hành đều có nội quy quy định việc thực hiện, quy trình vận hành thiết bị, máy móc tại xưởng. **(5.7.04- Nội quy, quy định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường)**

Ý kiến, của nhà giáo, cán bộ quản lý về việc sử dụng phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn được thể hiện qua Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ Công chức viên chức hàng năm tại trường **(5.7.05 - Biên bản Hội nghị Cán bộ CCVC năm 2021, 2022; 5.7.06 - Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ Công chức viên chức hàng năm tại trường)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 8:** *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị là điều kiện đặc biệt quan trọng đảm bảo chất lượng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý của nhà trường. Vì vậy nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư bổ sung trang thiết bị tiên tiến cho phù hợp với trình độ công nghệ sản xuất hiện tại. **(5.8.01 – Biên bản bàn giao thực tế thiết bị theo chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023)**

Hiện nay, chương trình khung đào tạo là do các trường tự xây dựng và quyết định cho phù hợp với thực tế và công nghệ sản xuất vì thế thiết bị dạy nghề cũng phải đáp ứng theo chương trình đào. Đến nay, nhà trường đã được đầu tư cơ bản các chủng loại thiết bị dạy nghề, các ngành nghề trường đào tạo đều có chủng loại thiết bị tương đối hơn 70% theo danh mục chủng loại thiết bị bắt buộc của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Ngoài ra, hàng năm nhà trường có liên kết với doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để đưa giáo viên và học sinh ra ngoài thực tập để tiếp cận với những thiết bị hiện đại mà nhà trường chưa có. **(5.8.02 – Danh mục thiết bị dạy nghề của nhà trường; 5.8.03 – Biên bản kiểm kê hàng năm của đơn vị; 5.8.03 – Danh mục thiết bị tối thiểu của các nghề do Bộ LĐTBXH ban hành)**

Các thiết bị chính phục vụ cho thực hành đều có hướng dẫn sử dụng, đảm bảo số lượng tối thiểu quy định sĩ số học sinh cho các lớp thực hành theo quy định. **(2.5.03 – Danh sách học sinh các lớp; 2.5.07 – Thời khoá biểu năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024; 5.8.04 - Bảng thống kê xưởng thực hành)**

Thiết bị đáp ứng theo quy mô đào tạo, các thiết bị đúng chủng loại, chất lượng đảm bảo kỹ thuật, đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng phù hợp với ngành nghề đang đào tạo **(5.8.05 – Báo cáo đánh giá của người học, giáo viên, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 9:** *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Các phương tiện máy móc và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ thực hành được bố trí hợp lý từng khu vực theo từng nghề đào tạo, từng nội dung đào tạo (Mô đun). Vị trí bố trí, lắp đặt phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, theo nhóm và theo từng cá nhân.

Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ được vận hành sử dụng, bảo quản và dưỡng theo đúng quy trình kỹ thuật và thực hiện đúng nội quy quy định **(5.7.02-Nội quy, quy định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường; 5.9.01-Hình ảnh bố trí các thiết bị ở xưởng thực hành)**

Các xưởng thực hành trong đó có các phòng thực hành, được thiết kế, lắp đặt đã đảm bảo các tiêu chuẩn quy định về mỹ thuật công nghiệp, mỹ thuật nghề nghiệp và sư phạm; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. **(5.9.02-Kế hoạch kiểm tra vệ sinh công nghiệp và PCCC năm 2022 kèm biên bản kiểm tra vệ sinh hàng tháng)**

Trong vận hành, khai thác sử dụng và bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị dụng cụ đều có nội quy xưởng thực hành cụ thể. **(5.7.02-Nội quy, quy định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 10:** *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về định kỳ đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả các máy móc thiết bị của Trường được trang bị, nhà Trường đều có sổ theo dõi, quản lý trên phần mềm quản lý tài sản do Bộ Tài chính ban hành có quy định về quản lý và sử dụng máy móc thiết bị. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, và hàng năm có thành lập Ban kiểm kê tài sản kết hợp với kiểm tra máy móc thiết bị, và sau kiểm tra có báo cáo kết quả cho Ban Giám hiệu để kịp thời xử lý **(5.10.01-Kế hoạch, Quyết**

**định thành lập Hội đồng, Tổ kiểm kê tài sản, Biên bản, báo cáo kết quả kiểm kê 2022)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 11:** *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định của nhà trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị đào tạo cho các ngành nghề mà học sinh sinh viên theo học **(5.6.02-Danh mục các thiết bị đào tạo)**

Tất cả các máy móc thiết bị của Trường được trang bị, nhà Trường đều có sổ theo dõi, quản lý trên phần mềm quản lý tài sản do Bộ Tài chính ban hành có quy định về quản lý và sử dụng máy móc thiết bị. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, và hàng năm có thành lập Ban kiểm kê tài sản kết hợp với kiểm tra máy móc thiết bị, và sau kiểm tra có báo cáo kết quả cho Ban Giám hiệu để kịp thời xử lý **(5.10.01-Kế hoạch, Quyết định thành lập Hội đồng, Tổ kiểm kê tài sản, Biên bản, báo cáo kết quả kiểm kê 2022)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 12:** *Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường có quy định định mức vật tư theo từng ngành nghề cụ thể: Đối với nghề Điện công nghiệp là 30% học phí, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí 30% học phí, nghề công nghệ ô tô 30% học phí, nghề Cắt gọt kim loại 30% học phí, nghề May thời trang 30% học phí **(3.2.03 – Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022,2023)**

Hệ thống quản lý việc cấp phát, giao nhận vật tư, trang thiết bị hàng hóa trong trường được thực hiện đúng nguyên tắc theo một quy trình chặt chẽ từ Ban giám hiệu, phòng khoa, xưởng đến các cá nhân quản lý thực hiện.

Công tác mua sắm vật tư, nguyên nhiên liệu phục vụ việc giảng dạy và học tập được thực hiện theo định kỳ, theo modun môn học. Hàng năm, các bộ phận trong đơn vị đều có đề xuất nhu cầu nguyên, nhiên liệu, vật tư học tập, giảng dạy và làm việc của bộ phận mình **(5.12.02-Đề nghị vật tư của các bộ phận năm 2022, 2023)**. Qua đó, các bộ phận được cấp phát vật tư phục vụ đào tạo theo từng năm học. Việc quản lý, cấp phát và sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật tư được phản ánh qua phiếu giao nhận vật tư **(5.12.03-Phiếu giao nhận vật tư)**. Do điều



kiện kho bãi hạn chế nên việc mua sắm vật tư, nguyên nhiên liệu vừa đủ đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của các bộ phận.

Các trang thiết bị dụng cụ trong xưởng thực hành được các khoa, bộ môn bố trí hợp lý theo từng chủng loại, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành (**5.12.04-Hình ảnh tổng quan các xưởng thực hành; 5.12.05-Khảo sát thực tế tại các xưởng thực hành**)

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 13:** Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường có thư viện được lồng ghép vào Phòng Đào tạo, có các loại sách dạy nghề chuyên ngành, sách tài liệu, có lưu trữ các chương trình đào tạo nghề, giáo trình dạy nghề của nhà trường. Thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, nhà trường đang xây dựng, điều chỉnh các chương trình đào tạo nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo được ban hành, riêng các giáo trình đã xây dựng và ban hành đối với các nghề tuy nhiên vẫn chưa hoàn chỉnh nên thư viện có lưu trữ các chương trình đào tạo nghề, còn các loại giáo trình dạy nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp chưa đầy đủ (**1.2.03- Giấy chứng nhận số 01/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 8/5/2019 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.04- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 05/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 13/5/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 03/GCNĐKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 29/7/2022, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐTBXH được cấp ngày 21/9/2023; 4.10.02-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp**).

Tiêu chuẩn này nhà trường chưa đạt do chưa có thư viện, phòng đọc cho học sinh

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 0 điểm***

**Tiêu chuẩn 14:** Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện tại thư viện nhà trường có chương trình đào tạo các nghề và có ban hành các loại giáo trình tuy chưa đầy đủ nhưng cũng đáp ứng được nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. (**4.13.01-Danh sách các chương**

trình đào tạo; 4.10.02-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 5: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 15:** Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đang đầu tư nâng cấp hệ thống máy vi tính để phục vụ cho các hoạt động đào tạo nên chưa sắp xếp được phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học. (4.13.01-Danh sách các chương trình đào tạo; 4.10.02-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5: 0 điểm**

**3.2.6 TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 6**

❖ **Mở đầu:**

Trường Trung cấp Gò Công đặc biệt chú trọng xây dựng và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường được triển khai trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các cấp, phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Trường. Trên cơ sở hệ thống các văn bản trên của các cấp, Trường đã soạn thảo và ban hành “Quyết định về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thi đua của Trường Trung cấp Gò Công”.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường được xây dựng trên cơ sở năng lực thực tế của đội ngũ viên chức, giáo viên. Đối với đề tài cấp cơ sở, căn cứ vào đề tài nghiên cứu của các giáo viên, nhà Trường tiến hành xét và tuyển chọn các đề tài rồi sau đó gửi lên cho Sở LĐ – TB và XH xét duyệt.

❖ **Những điểm mạnh:**

Trường có đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm trong nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật điện, điện lạnh, công nghệ ô tô...

Nhà trường đã xây dựng được quy định nội bộ về quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển Nhà trường và các văn bản do cấp trên ban hành.

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn nhận được sự chỉ đạo sâu sát của Đảng Ủy, Ban giám hiệu Nhà trường.

❖ **Những tồn tại và kế hoạch:**

Chưa có những quy định cụ thể về quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giáo viên Nhà trường với các

đôi tác bên ngoài, do vậy chưa đánh giá đầy đủ nhất sự đa dạng cũng như hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường.

Trường chưa chú trọng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt đối với giáo viên trẻ, giáo viên tập sự.

Chính sách khuyến khích và khen thưởng cán bộ, giáo viên, có thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học chưa tương xứng với thành quả đạt được.

Bổ sung các điều khoản quy định việc quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên với các tổ chức bên ngoài; nghiên cứu bổ sung các quy định, hướng dẫn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học giáo viên trẻ, giáo viên tập sự.

Ban hành chính sách khuyến khích và khen thưởng riêng cho các giáo viên, Khoa có thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm.

**Điểm đánh giá tiêu chí 6:**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ</b>	3
Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1
Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	0
Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1
Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	0

**Tiêu chuẩn 1:** Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường đều ban hành Quyết định về việc ban hành đề khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo: trong đó quy định rõ định mức chi khen thưởng cho các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ. **(3.2.03. – Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022,2023**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 2:** Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong giai đoạn 2 năm gần đây, Nhà trường đã có nhiều đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực kỹ thuật điện, điện lạnh, công nghệ ô tô, may thời trang, tin học văn phòng... Giai đoạn 2021 – 2022, giáo viên nhà trường đã có các đề tài nghiên cứu khoa học, thiết kế xây dựng các mô hình thiết bị tự làm để tham gia cuộc thi cấp quốc gia đều đạt được các giải thưởng và phục vụ thiết thực công tác giảng dạy tại trường. Giáo viên nhà trường nhận bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh và bằng khen của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh và xã hội vì đạt thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo năm 2015 – 2020 **(6.2.01 Quyết định số: 20/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/02/2022 về việc công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2021; 6.2.02 Quyết định số: 18/QĐ-LĐTBXH ngày 22/02/2021 về việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở năm 2021; 6.2.03 Quyết định số: 1115/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 v/v tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm 2020 đến năm 2021)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3:** Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường chưa có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc

quốc tế.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 4:** Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đã được thực hiện một cách có hiệu quả. Điều đó thể hiện ở chỗ, hầu hết các đề tài đều gắn với công tác giảng dạy tại trường. Các đề tài, mô hình được hội đồng đánh giá có tính lý luận cũng như thực tiễn cao. Cụ thể các mô hình được ứng dụng vào công tác giảng dạy tại trường như sau: Mô hình hệ thống điện trên ô tô, mô hình trang bị điện trực quan, mô hình điều khiển công suất và chuẩn đoán sự cố hệ thống lạnh, mô hình thực hành tủ lạnh giáp tiếp.... **(6.4.01 Quyết định số: 963/QĐ-LĐTĐ ngày 14/10/2022 v/v tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ LĐ TB XH, cho cá nhân đạt thành tích trong hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ 7, năm 2022)**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 5:** Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường ở xa các khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu hoạt động kinh doanh nên rất khó khăn trong việc liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 0 điểm**

### **3.2.7 TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 7**

##### **❖ Mở đầu**

Trường Trung cấp Gò Công là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Trường thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP; Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản riêng, là đơn vị mới được thành lập Trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình kế hoạch tài chính đáp ứng đầy đủ, kịp thời sự phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học, các dự án, chương trình mục tiêu và các hoạt động khác phục vụ nhiệm vụ chính trị và chuyên môn của Trường.

Về công tác quản lý tài chính kế toán của Trường Trung cấp Gò Công được thực hiện theo đúng qui định của Nhà Nước và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà Trường. Các nguồn kinh phí như kinh phí Ngân Sách nhà nước cấp, học phí của học sinh, các khoản thu từ hoạt động liên kết đào tạo... luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động phục vụ đào tạo và nâng cao thu nhập cho CBGV -

CNV. Các nguồn thu từ dịch vụ dùng chi cho hoạt động thường xuyên, mua sắm, sửa chữa và khấu hao cơ sở vật chất dùng cho hoạt động dịch vụ. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập dựa vào nhu cầu thực tế thông qua tình hình sử dụng kinh phí các năm trước cân đối cho phù hợp, đúng mục đích và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

**❖ Những điểm mạnh:**

- Nhà trường đảm bảo nguồn tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ.
- Quy chế quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.
- Công tác lập dự toán hàng năm và lập kế hoạch cho 3 năm tiếp theo (giai đoạn 2020-2022) được thực hiện đầy đủ, thực hiện thu chi, thực hiện quyết toán, báo cáo tài chính; quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ theo đúng quy định của Nhà nước.

- Nhà trường có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ được công bố công khai nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính cho mục tiêu đào tạo, đồng thời nâng mức thu nhập cho CBGV-CNV của trường, có sự giám sát chặt chẽ về chi tiêu của Sở Tài Chính, Kho bạc Nhà nước và của tập thể CBGV-CNV nhà trường.

- Nhà trường thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng quy định, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác. Thường xuyên cập nhật đầy đủ các Nghị định, Thông tư hướng dẫn để áp dụng vào công tác tài chính kế toán của Trường

**❖ Những điểm tồn tại và kế hoạch:**

- Kế hoạch tài chính của Trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Tuy nhiên định mức hiện đang áp dụng chưa phù hợp với tình hình giá cả thị trường

- Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa và sửa chữa phục vụ cho học tập và giảng dạy.

- Nhà trường chưa có các nghiên cứu, dự báo về nhu cầu, quy mô đào tạo và biến động về giá cả trong 2 - 5 năm tới, chưa có cơ chế điều chỉnh dự toán tài chính theo các biến động giá cả thị trường. Mặc dù dự toán có làm kế hoạch 3 năm nhưng không có dự đoán chính xác về giá cả thị trường trong thời gian tới.

**Điểm tự đánh giá tiêu chí 7**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH</b>	<b>6</b>
Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1

Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1
Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1
Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1

**Tiêu chuẩn 1:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

- Công tác quản lý tài chính và sử dụng kinh phí của Trường được thực hiện theo qui định. Công tác quản lý và sử dụng tài chính theo quy chế chi tiêu nội bộ và các qui định riêng về quản lý tài chính của Trường (**3.2.03- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023 của Hiệu trưởng trường Trung Cấp Gò Công**)

- Nhà trường tổ chức các cuộc họp hàng tháng, quý, năm công bố công khai cụ thể chi tiết tình hình quản lý sử dụng nguồn tài chính (Nguồn ngân sách cấp, nguồn thu dịch vụ, nguồn khác,...) trong tháng, quý, năm tài chính (**7.1.01 - Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ**)

- Nhà trường thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

- Quy chế quản lý tài chính cần điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tăng cường bộ máy thực hiện nhiệm vụ phát triển nguồn lực tài chính cho Trường.

- Điều chỉnh Quy chế quản lý tài chính cần phù hợp, kịp thời với điều kiện thực tế

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 2:** Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

- Nhà trường thực hiện theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, nhà trường nhận thấy luôn đảm bảo định mức kinh phí cho đào tạo thể hiện qua các minh chứng

+ Thông tư hướng dẫn các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp ,đào tạo dưới 3 tháng (dạy nghề nông thôn theo đề án 1956) thực hiện Công văn số 3047/UBND-KGVX ngày 17/7/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang V/v danh mục nghề, mức học phí hỗ trợ (**7.2.01- Công văn 3047/UBND-KGVX ngày 17/7/2018**) và Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 qui định quản lý sử dụng kinh phí trình độ sơ cấp (**7.2.02 -Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016**)

+ Thu và sử dụng các hoạt động dịch vụ (Căn tin, giữ xe, liên kết đào tạo,.....) thực hiện theo Công văn 1717/STC-VGCS ngày 04/07/2017 về việc cho thuê mặt bằng (**7.2.03 - Công văn 1717/STC-VGCS ngày 04/07/2017**), thực hiện thu và nộp trả ngân sách do đơn vị chưa được giao quản lý tài sản theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo qui định tại thông tư số 23/2016/TT-BTC

+ Thu học phí: Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về mức thu học phí đối với Trường Đại Học Tiền Giang, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm học 2021 - 2022; và Thực hiện theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 05/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm học 2022 - 2023;

- Nhà trường đảm bảo nguồn tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ, chủ động tạo được nguồn thu hợp pháp bổ sung cho kinh phí hoạt động thường xuyên.

- Xây dựng định mức chi phù hợp với tình hình biến động giá trong năm

- Đánh giá việc phân bổ kinh phí và hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí cho từng phòng, khoa của đơn vị.

- Sử dụng hợp lý các khoản chi theo đúng kế hoạch đã dự trù .

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***



Nguồn tài chính chủ yếu của Trường là kinh phí do ngân sách nhà nước cấp. Ngoài ra, Nhà trường cũng tăng cường tạo nguồn thu khác bằng việc liên kết đào tạo cho lao động nông thôn và các trường (**7.3.01-Hợp đồng liên kết đào tạo cho lao động nông thôn và hợp đồng liên kết các trường...**), Hợp đồng cho thuê căn tin, giữ xe... (**7.3.02 –Hợp đồng cho thuê nhà xe,căn tin...**)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4:** Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính đúng quy định, hồ sơ lưu trữ chứng từ theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước thể hiện qua các minh chứng (**7.4.01 - Quyết định số: quyết định số 188/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/12/2021 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**), (**7.4.02 - Báo cáo tài chính năm 2022**)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 5:** Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm trường có thực hiện công tác tự kiểm tra chuyên đề tài chính và được cơ quan có thẩm quyền quyết toán. Nhà trường có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định và trường đã chấp hành tương đối đầy đủ mọi quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước. Các khoản thu chi đều được ghi chép đầy đủ trên hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo theo đúng quy định (**7.5.01 - Biên bản kiểm tra, kiểm toán**).

Nhà trường tổ chức các cuộc họp hàng tháng, quý, năm công bố công khai cụ thể chi tiết dự toán NSNN cấp (**7.5.02 – Thông báo công khai dự toán NSNN năm 2023**)

Thực hiện kiểm tra quỹ tiền mặt tại trường định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất (**7.5.03 – Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt**)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 6:** Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường phân bổ nguồn kinh phí hợp lý, rõ ràng đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển của trường và được Ban Giám hiệu xem xét, phê duyệt. Nguồn kinh phí được phân bổ cho các hoạt động theo đúng định mức, chế độ chi

tiêu theo đúng quy định và quy chế chi tiêu bội bộ của trường trên cơ sở tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (**7.6.01 - quyết định số 188/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/12/2021 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**); (**7.6.02 – Biểu xác định số liệu thực hiện tiết kiệm kinh phí giao khoán năm 2022**)

Hàng năm nhà trường có bản báo cáo đánh giá về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính: Báo cáo tài chính hàng năm với cơ quan quản lý cấp trên, Báo cáo tổng hợp các khoản thu, chi trong năm với tập thể nhà trường (**7.6.03 - Báo cáo tài chính năm 2022**); (**7.6.04 – Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021**).

*Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 1 điểm*

### **3.2.8 TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 8**

##### **❖ Mở đầu:**

Trường Trung cấp Gò Công là cơ sở đào tạo nghề trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang có chức năng đào tạo và cung ứng nguồn lao động có tay nghề cho thị trường lao động trong và ngoài tỉnh. Hàng năm ngay từ những ngày đầu năm học nhà trường tổ chức buổi gặp gỡ các học sinh khóa mới nhằm giới thiệu và cung cấp những thông tin liên quan đến chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ cho học sinh để các em an tâm khi đến học tại trường. Nội dung chương trình các thông tin gồm có chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy định về điều kiện tốt nghiệp chế thi và kiểm tra; quy chế đánh giá kết quả rèn luyện trong từng học kỳ, quy định về công tác học sinh, nội quy ký túc xá và quy chế nhà trường....

Công tác cơ sở vật chất, nơi ăn ở sinh hoạt vui chơi và học tập cho học sinh luôn được quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm phục vụ tốt cho học sinh khi đến học tại trường. Tranh thủ nguồn tại trợ của các doanh nghiệp và BHYT Thị xã Gò Công đầu tư trang bị thêm giường khám bệnh, mở rộng tủ thuốc và tăng thêm danh mục thuốc nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho công tác phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh khi xảy ra trường hợp tai nạn hoặc ốm đau đột xuất, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm cũng thường xuyên được kiểm tra.

Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm tạo đầu ra cho học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường, phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm đưa các thông tin về nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp lên bản tin đặt tại trường. Trong năm Nhà trường cũng đã phối hợp các doanh nghiệp tổ chức các buổi tư vấn về xuất khẩu lao động ngay tại trường, sắp xếp cho học sinh tiếp cận doanh nghiệp qua các đợt mở sàn giao dịch tại trung tâm dịch vụ việc làm Chi nhánh

Thị xã Gò Công đây là dịp để học sinh tìm hiểu, trao đổi với doanh nghiệp về điều kiện cũng như nhu cầu của nhà tuyển dụng.

**❖ Những điểm mạnh:**

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác tạo đầu ra cho học sinh như: thường xuyên liên hệ với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh gửi học sinh đi thực tập đúng theo chuyên ngành đã học đảm bảo theo kế hoạch đào tạo trong năm. Trong thời gian thực tập các em được rèn luyện thêm kỹ năng tay nghề vừa là cơ hội cho các em làm quen với môi trường làm việc thực tế, rèn luyện tác phong công nghiệp.

Nhằm đáp ứng tốt cho nhu cầu ăn ở của học sinh Nhà trường có khu ký túc xá với trên 100 chỗ ở đáp ứng được phần nào cho nhu cầu của người học.

Nhằm đưa thông tin về nhu cầu tuyển dụng của công ty, doanh nghiệp Ban giám hiệu nhà trường đã phối hợp tổ chức đưa học sinh đến tham quan tìm hiểu tại các công ty, doanh nghiệp khi học sinh có nhu cầu

**❖ Những tồn tại:**

Công tác phối hợp với các doanh nghiệp chưa nhiều, hàng năm số lượng học sinh ra trường còn hạn chế ở một số nghề nên chưa đáp ứng cho thị trường lao động từ đó chưa thu hút các doanh nghiệp một phần cũng do Nhà trường chưa xây dựng được thương hiệu.

Số lượng doanh nghiệp phối hợp còn hạn chế ở một số nghề nên chưa đáp ứng nhu cầu của các học sinh. Tổ chức ngày hội việc làm số lượng doanh nghiệp tham gia còn hạn chế, qui mô và hình thức tổ chức còn hạn chế.

**❖ Kế hoạch:**

Hợp tác, ký nhiều hợp đồng liên kết với các Công ty, doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho trên 90% học sinh tìm được việc làm sau tốt nghiệp.

**Điểm đánh giá tiêu chí 8:**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá
<b>TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC</b>	9
Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp; nội quy quy chế nhà trường các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định..	1
Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định	1
Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học	1

tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	
Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo nguồn gốc xuất thân.	1
Tiêu chuẩn 5: KTX đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện nước, vệ sinh và các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1
Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1
Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.	1
Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1
Tiêu chuẩn 9: Hàng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1

**Tiêu chuẩn 1:** Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp; nội quy quy chế nhà trường các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định..

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trước khi bắt đầu năm học mới, Trường tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa đối với học sinh tuyển mới, nội dung phổ biến các quy định đào tạo, các quyền lợi và nghĩa vụ của người học trong quá trình học nghề. Căn cứ các văn quy định hiện hành như Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp Thông tư số 17/2017/TT-LĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, Trường đã ban hành các quy định thực hiện dựa trên các văn bản quy định hiện hành này (**8.1.01-Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; 2.4.01 Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp**); **8.1.01-Quyết định quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng; 8.1.03-Quyết định về việc ban hành quy chế công tác học sinh; 8.1.04-Quyết định quy định nội quy học sinh**). Từ đó, nhà trường thường xuyên ban hành

các văn bản thực hiện theo các quy định hiện hành, phục vụ tốt trong nhiệm vụ đào tạo nghề.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 2:** *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Sau khi bắt đầu năm học mới, Trường tổ chức hướng dẫn học sinh thực hiện các biểu mẫu hỗ trợ miễn, giảm học phí, chính sách nội trú, vay vốn, hỗ trợ xe đạp, phần quà của Quỹ Bảo trợ xã hội...theo quy định. Căn cứ vào các văn bản quy định hiện hành như Luật Giáo dục nghề nghiệp, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, Thông tư số 17/2017/TT-LĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng, Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/06/2016 hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 05/05/2016 sửa đổi, bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/4/2008 của liên bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (**8.2.01-Thông báo về việc hướng dẫn thực hiện hồ sơ, biểu mẫu các chế độ, chính sách theo quy định; 8.2.02-Bảng đề nghị kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định; 8.2.03-Danh sách học sinh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; 8.2.04-Quyết định cấp kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định cho học sinh; 8.2.05-Báo cáo tổng kết hàng năm về việc kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định cho học sinh**). Từ đó, nhà trường kịp thời thực hiện đúng các quyền lợi, chính sách cho người học.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3:** *Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người*

học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Sau khi kết thúc từng học kỳ trong năm học, Trường tổ chức xét học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt thành tích cao. Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-LĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng, Trường ban hành cụ thể quy định xét học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt thành tích cao, phân công cán bộ quản lý học sinh và hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập (**8.3.01-Quyết định số 18/QĐ-TCGC ngày 01/02/2023 về việc ban hành quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập; 8.3.02-Danh sách học sinh được xét và nhận học bổng từng học kỳ; 8.3.03-Bảng đề nghị cấp học bổng khuyến khích học tập theo từng học kỳ, toàn khoá; 8.3.04-Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4:** Người học được tôn trọng đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo nguồn gốc xuất thân.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường thường xuyên tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh và các quy định, nội quy, quy chế liên quan đến người học trong quá trình học nghề. Luôn chú trọng đến việc ứng xử, tôn trọng giữa thầy và trò, luôn tạo điều kiện hỗ trợ, tư vấn, giáo dục học sinh phải tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (**8.4.01-Quy tắc văn hóa ứng xử trong trường học; 8.4.02-Thông báo tuyển sinh hàng năm; 8.4.03-Quyết định ban hành nội quy ký túc xá**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 5:** Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện nước, vệ sinh và các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có khu Ký túc xá được xây dựng trong khuôn viên trường gồm 1 trệt và 2 lầu, có 18 phòng để học sinh ở, mỗi phòng bố trí cho từ 6-8 học sinh, đáp ứng khoảng 108 chỗ ở cho học sinh. Bên trong mỗi phòng có 01 phòng vệ sinh và 01 phòng tắm và mỗi giường đều bố trí tủ đựng đồ vật dụng hàng ngày và bàn cho học sinh đọc sách (**8.5.01-Quyết định xây dựng ký túc xá và bảng vẽ xây dựng ký túc xá; 8.5.02-Báo cáo tình hình hoạt động ký túc xá qua các năm gần đây danh sách học sinh đăng ký ở ký túc xá; 8.5.03-Hoá đơn thanh toán tiền điện và tiền nước của ký túc xá**)

Được sự quan tâm của tinh uỷ, uỷ ban nhân nhân tỉnh và lãnh đạo Sở lao động thương binh và xã hội nhà trường được trang bị khu ký túc xá cho học sinh với sức chứa 100 học sinh nhằm đáp ứng kịp thời cho các học sinh, học viên ở xa có nhu cầu ở lại hoặc nghỉ vào buổi trưa.

Trong công tác quản lý luôn được quan tâm bố trí 03 cán bộ quản lý ký túc xá làm việc cả ngày thứ 7 và chủ nhật trong tuần, các nội quy quy định phục vụ cho công tác quản lý luôn cập nhật và triển khai kịp thời.

Trong những năm tiếp theo cán bộ quản lý ký túc xá sẽ có kế hoạch theo dõi học sinh ngay từ đầu năm nhằm tạo tính chủ động trong công tác quản lý.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** *Có dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm đảm bảo cho việc khám chữa bệnh ban đầu cho CBVC nhân viên và học sinh tại trường, trên cơ sở quy mô học sinh hiện tại nhà trường bố trí 01 phòng khám có trang bị giường cho bệnh nhân nằm, tủ thuốc, dụng cụ y tế sơ cấp cứu phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học, cuối năm có báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ y tế và chăm sóc bảo vệ sức khỏe người học **(8.6.01-Báo cáo đánh giá công tác y tế của trường có dịch vụ y tế đảm bảo chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học năm 2022, 2023)**.

Dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm: Nhà ăn được bố trí ở tầng trệt của khối ký túc xá, tổ chức hoạt động theo hình thức đầu thầu, người trúng thầu được nhà trường ký hợp đồng theo từng năm để phục vụ cho nhu cầu ăn uống giải khát cho CBVC nhân viên và học sinh. Nhà ăn có hệ thống nước sạch, đảm bảo trong việc chế biến thức ăn, sạch sẽ, khô ráo. Định kỳ hàng tháng có đội kiểm tra vệ sinh cùng nhân viên y tế kiểm tra và báo cáo về ban giám hiệu, đồng thời cuối năm có báo cáo đánh giá công tác phục vụ của nhà ăn, hiện tại đến nay chưa xảy ra bất cứ vụ ngộ độc thực phẩm nào. **(8.6.02-Báo cáo y tế 2022; 2023)**.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** *Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Trường tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ truyền thống theo quy định như ngày 09/01 (ngày truyền thống học sinh, sinh viên), ngày 26/3 (thành lập Đoàn thanh niên), ngày 30/4 và ngày 01/5,... ngoài ra Đoàn thanh niên trường còn tổ chức cho đoàn viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội thường xuyên như các phong trào: Mỗi tháng một

ngày tình nguyện, Ngày thứ bảy tình nguyện, Ngày chủ nhật xanh, các hoạt động giao lưu thể thao với các đơn vị khác, hoạt động về nguồn, tham quan các di tích lịch sử... tạo môi trường rèn luyện thể chất, sinh hoạt, vui chơi cho học sinh, nâng cao tinh thần tự giác, phấn đấu cho học sinh trong quá trình học tập (8.7.01- Kế hoạch tổ chức Hội trại xuân hàng năm; 8.7.02- Kế hoạch tổ chức giải bóng đá, bóng chuyền chào mừng các ngày lễ trong năm; 8.7.03- Kế hoạch công tác đoàn và phong trào thanh niên trường hàng năm; 8.7.04- Quyết định thành lập Ban an ninh trật tự trong trường học; 8.7.05- Báo cáo đánh giá tình hình an ninh trật tự trong trường học).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 8:** Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Trường tổ chức buổi lễ tổng kết khóa học, trao bằng tốt nghiệp và kết hợp tư vấn việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp. (8.8.01-Kế hoạch tổ chức buổi Lễ tổng kết khóa học và ngày hội việc làm cho học sinh; 4.5.01- Phiếu khảo sát học sinh của sau khi tốt nghiệp; 8.8.02-Bảng tổng hợp nhu cầu tuyển lao động của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; 8.8.03-Bảng tổng hợp việc làm của học sinh hàng năm; 8.8.04-Báo cáo kết quả thực hiện tổ chức buổi Lễ tổng kết khóa học và ngày hội việc làm cho học sinh)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 9:** Hàng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Trường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh tổ chức ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp. Tạo điều kiện cho học sinh gặp gỡ, tiếp xúc với các đơn vị có nhu cầu tuyển lao động, kết hợp hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lựa chọn nơi làm việc phù hợp sau này. (8.9.01-Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; 8.8.02-Bảng tổng hợp nhu cầu tuyển lao động của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; 8.9.02- Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; 4.5.01-Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 1 điểm**

### 3.2.9 TIÊU CHÍ 9 - GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

#### Đánh giá tổng quát tiêu chí 9

❖ Mở đầu:



Công tác kiểm tra, đánh giá nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo được nhà trường rất chú trọng, thường xuyên cải tiến và thực hiện nghiêm túc.

❖ **Những điểm mạnh:**

Nhà trường luôn có kế hoạch giám sát và đánh giá chất lượng tại đơn vị với những phương pháp và hình thức linh hoạt, từ đó có biện pháp duy trì và cải tiến chất lượng đào tạo tại đơn vị.

❖ **Những tồn tại và kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Nhà trường tiếp tục rà soát các biểu mẫu, phiếu khảo sát, cải tiến phương pháp, cách thức khảo sát nhằm đạt được kết quả chính xác, có độ tin cậy cao và nhanh chóng; đồng thời trên cơ sở kết quả khảo sát thu được, tiến hành nghiên cứu điều chỉnh các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và mọi mặt công tác của nhà trường.

**Điểm đánh giá tiêu chí 9**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG</b>	<b>6</b>
Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1
Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1
Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1
Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1
Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1

**Tiêu chuẩn 1:** *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Kết thúc năm học, nhà trường tiến hành thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh để tiếp thu ý kiến góp ý của các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất về mức độ đáp ứng, tiếp cận công việc của học sinh sau khi tốt nghiệp (**9.1.01-Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động; 9.1.02-Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động; 9.1.03-Danh sách đơn vị sử dụng lao động; 9.1.04- Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động**). Từ đó, nhà trường hoàn thiện, nâng cao hơn chương trình đào tạo đáp ứng theo nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 9: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 2:** *Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường thực đúng các quy định cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Đầu năm xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên và người lao động về việc thực hiện các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (9.2.01-Kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá của CB,GV về việc thực hiện các chính sách; 9.2.02-Phiếu thu thập ý kiến đánh giá của CB,GV)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 9: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3:** *Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, sau khi trường tổng kết quá trình thực hiện năm học vừa qua và báo cáo kế hoạch đào tạo của năm học tiếp theo, để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo cho người học, trường tổ chức thực hiện tiếp thu ý kiến, tâm tư nguyện vọng của học sinh trong quá trình học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường (**9.3.01-Kế hoạch thu thập ý**

kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học; 4.5.01-Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp; 3.5.05- Hồ sơ tổng hợp thanh toán chế độ giáo viên năm 2022 – 2023 và 2023-2024; 9.3.02-Danh sách học sinh được thu thập ý kiến; 9.3.03-Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học). Từ đó, nhà trường hoàn thiện, nâng cao hơn chất lượng, phương thức đào tạo, ... đáp ứng theo nhu cầu của người học.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác kiểm định chất lượng được nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá trường trung cấp theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để thực hiện xây dựng kế hoạch tự đánh giá và hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo (1.7.02-Kế hoạch số 55/KH-TCGC ngày 25 tháng 7 năm 2023 thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023; 1.7.01-Quyết định số 216/QĐ-TCGC ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023).

Hiện đã hoàn tất Báo cáo Tự đánh giá chất lượng trường. Nộp báo cáo về Sở Lao động -Thương binh và Xã hội Tiền Giang đồng thời nộp về Tổng cục giáo dục nghề nghiệp (9.4.05-Báo cáo tự đánh giá kiểm định)

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5:** Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm kiểm tra đánh giá các hoạt động của trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm định. Nhà trường đã tiếp tục thực hiện thu thập các thông tin, minh chứng, rà soát các hoạt động từ năm học 2017 - 2022 và tiến hành cập nhật mới cơ sở dữ liệu, minh chứng và hoàn chỉnh báo cáo Tự đánh giá nhà trường. (1.7.02-Kế hoạch số 55/KH-TCGC ngày 25 tháng 7 năm 2023 thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm

**2023; 1.7.01-Quyết định số 216/QĐ-TCGC ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023).**

Theo kế hoạch, sau khi tiến hành tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH, trong năm 2018, nhà trường sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể và đề ra các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá của nhà trường. **(9.5.01-Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo)**

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Kết thúc khóa đào tạo nghề, nhà trường tổ chức cho học sinh cuối khóa tham gia thi tốt nghiệp nghề và công nhận kết quả tốt nghiệp; tổ chức giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp đến các công ty, doanh nghiệp liên kết để làm việc và lập bảng tổng hợp tình hình việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường **(2.14.09-Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023; 9.6.01-Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm; 4.5.01-Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp; 8.8.03-Bảng tổng hợp việc làm của học sinh hàng năm; 9.6.02-Báo cáo kết quả thực hiện điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm)**. Từ đó, nhà trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, đáp ứng theo nhu cầu của người học.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 9: 1 điểm***

### **PHẦN 3: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

Công tác rà soát, sửa đổi hệ thống văn bản chủ yếu dựa vào tình hình thực tế, chưa có kế hoạch cụ thể. Sắp tới, nhà trường cần xây dựng kế hoạch rà soát, sửa đổi theo từng giai đoạn.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra và có biện pháp xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Cần có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, ban thanh tra nhân dân để đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Nhà trường đang xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ nghề theo quy định.

Nhà trường cũng đã liên hệ với trường Cao đẳng Tiền Giang để liên kết đào tạo liên thông giữa các trình độ theo quy định. Ngoài ra Nhà trường sẽ tăng cường hơn nữa công tác phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn với việc giải quyết việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào dạy học. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các trường bạn để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Về sáng kiến kinh nghiệm, các công trình nghiên cứu khoa học trong giảng dạy còn hạn chế, chưa khai thác hết năng lực thiết bị hiện có của Trường.

Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học ứng dụng những thành tựu khoa học vào cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh.

Tổ chức thi đua áp dụng thành tựu khoa học vào cải tiến phương pháp giảng dạy, đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học, mô hình dạy học, . . . .

Trường chủ động thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý và có kế hoạch cho mỗi giáo viên tự đăng ký học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tổ chức cho giáo viên tham quan học tập một số trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục nghề nghiệp và có kế hoạch cử giáo viên đi thực tế tại các công ty, xí nghiệp liên kết với trường trong việc giảng dạy và quản lý học sinh trong thời gian thực tập sản xuất.

Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hơn các chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng dạy học tại nhà trường. Mặt khác, trường sẽ tập trung vào việc biên soạn, thẩm định các giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập.

Trường đang chú trọng đến tuyển sinh, để gia tăng số lượng học sinh hàng năm.

Trường đang triển khai đầu tư trang thiết bị các nghề trọng điểm như: Nghề Hàn, nghề Cơ điện lạnh, nghề Điện Công Nghiệp để đáp ứng nhu cầu học sinh trong những năm tới.

Chưa có những quy định cụ thể về quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giáo viên Nhà trường với các đối tác bên ngoài, do vậy chưa đánh giá đầy đủ nhất sự đa dạng cũng như hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường.

Chính sách khuyến khích và khen thưởng cán bộ, giáo viên, có thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học chưa tương xứng với thành quả đạt được.

Bổ sung các điều khoản quy định việc quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên với các tổ chức bên ngoài; nghiên cứu bổ sung các quy định, hướng dẫn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học giáo viên trẻ, giáo viên tập sự.

Ban hành chính sách khuyến khích và khen thưởng riêng cho các giáo viên, Khoa có thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm.

Hợp tác, ký nhiều hợp đồng liên kết với các Công ty, doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho trên 90% học sinh tìm được việc làm sau tốt nghiệp.

Nhà trường tiếp tục rà soát các biểu mẫu, phiếu khảo sát, cải tiến phương pháp, cách thức khảo sát nhằm đạt được kết quả chính xác, có độ tin cậy cao và nhanh chóng; đồng thời trên cơ sở kết quả khảo sát thu được, tiến hành nghiên cứu điều chỉnh các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và mọi mặt công tác của nhà trường.

Kế hoạch tài chính của Trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Tuy nhiên định mức hiện đang áp dụng chưa phù hợp với tình hình giá cả thị trường.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa và sửa chữa phục vụ cho học tập và giảng dạy.

## PHỤ LỤC

**1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng:**  
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TIỀN GIANG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRƯỜNG TRUNG CẤP GÒ CÔNG      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-TCGC

Tiền Giang, ngày ... tháng ... năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng  
giáo dục nghề nghiệp năm 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP GÒ CÔNG

*Căn cứ Quyết định số 537/QĐUB ngày 22/2/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Trường Trung cấp Gò Công;*

*Căn cứ thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ công văn số 453/TCGDDN-KĐCL sngày 25/03/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng;*

*Căn cứ công văn số 454/TCGDDN-KĐCL ngày 25/03/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;*

*Thực hiện công văn số 1144/SLĐTBXH-LĐVL-GDNN về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023*

*Theo đề nghị của trưởng phòng Phòng Đào tạo.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023 của Trường Trung cấp Gò Công gồm các thầy (cô) có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Hữu Hào	- Hiệu trưởng	- Chủ tịch hội đồng
2. Ông Lê Hùng Chinh	- P. Hiệu trưởng	- Phó chủ tịch
3. Bà Nguyễn Hồng Hà	- P. Hiệu trưởng	- Phó chủ tịch
4. Bà Trần Thị Bích Liễu	- TP Đào tạo	- Thư ký
5. Ông Lê Vũ Tuấn	- TP HCTH	- Ủy viên
6. Ông Trần Minh Quang	- TK Điện – Điện tử	- Ủy viên
7. Ông Nguyễn Hồng Châu	- TK Cơ khí – XD	- Ủy viên
8. Ông Huỳnh Công Chương	- TK May – KT – TH – DV	- Ủy viên
9. Ông Nguyễn Văn Tiến	- TK Cơ bản – GDTX	- Ủy viên
10. Ông Phạm Trần Cảnh	- TP. CTHS - HV	- Ủy viên
11. Ông Nguyễn Ngọc Ngân	- Bí thư đoàn thanh niên	- Ủy viên
12. Ông Phan Hữu Tín	- TP NS Cty may Công Tiến	- Ủy viên
13. Ông Nguyễn Ngọc Bảo	- GD Cty TNHH MTV TMDV Điện nước Quốc Bảo	- Ủy viên

**Điều 2.** Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023.

- Hướng dẫn các Phòng, Khoa trong trường thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp và viết báo cáo kết quả tự kiểm định.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trường.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023 của trường và gửi báo cáo kết quả về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tiền Giang và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 3.** Các ông (bà) Phó Hiệu trưởng, Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức, triển khai và thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phòng GDNN - Sở LĐTBXH ( báo cáo)
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**



Số: 55/KH-TCGC

Tiền Giang, ngày 25 tháng 7 năm 2023

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023**

Căn cứ thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Thực hiện công văn số 1144/SLĐTBXH-LĐVL-GDNN về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023.

Thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo. Nay Trường Trung cấp Gò Công lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chất lượng và tự đánh giá kiểm định chất lượng năm 2023 với những nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Trung cấp do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong những năm tới;

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng đã đạt được năm 2022, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt được qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của trường.

**II. CÔNG CỤ TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG:**

- Về quy trình tự đánh giá thực hiện theo quy định tại Mục 2 Thông tư số

28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng theo thông tư số 15/2017/TT – BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thực hiện công văn số 1144/SLĐTBXH-LĐVL-GDNN về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023.

### **III. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP:**

Quy trình tự đánh giá thực hiện theo quy định tại Mục 2 chương II Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

Tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình và các hướng dẫn thực hiện kiểm định chất lượng:

Tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng được quy định tại thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2 thông tư số 28:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

2. Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các phòng, khoa trực thuộc Trường.

4. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Trung cấp Gò Công theo mẫu quy định tại Phụ lục 03,04 và 05 của thông tư số 28.

5. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng về cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

### **IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN:**

**1. Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.**

- Thành lập hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp của Trường Trung cấp Gò Công.

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp của trường.

## **2. Thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp của các Phòng, Khoa trong Trường.**

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà trường.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của phòng, khoa.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các phòng, khoa gửi về hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Phòng, khoa.

## **3. Thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp của Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp Gò Công.**

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc trường tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ. Phân công các thành viên trong Hội đồng chỉ đạo thực hiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách.

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị thuộc trường.

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).

- Thống kê các văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường Trung cấp để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề.

- Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường căn cứ vào báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các phòng, khoa tổng hợp lại để viết báo cáo kết quả tự đánh giá của nhà Trường. Sau khi có dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá của nhà Trường, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp gửi các đơn vị thuộc trường để lấy ý kiến.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp của nhà trường.

#### **4. Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng về cấp trên:**

- Chủ tịch hội đồng triệu tập cuộc họp công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ Trường. Thành phần dự họp gồm: các thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng, người đứng đầu các đơn vị phòng, khoa trong nhà trường.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ Trường, Trường gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp về Phòng Lao động việc làm – Giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tiền Giang và Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trước ngày 20/12/2023.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

#### **1. Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng:**

##### **❖ Thành phần:**

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng phụ trách chung.

- Phó chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác kiểm định chất lượng, bảo đảm chất lượng.

- Thư ký Hội đồng: người đứng đầu của đơn vị phụ trách đối với trường trung cấp.

- Các thành viên: đại diện lãnh đạo các đơn vị, cán bộ, nhà giáo có uy tín, đại diện các tổ chức đoàn thể của nhà trường, chuyên gia có kinh nghiệm, uy tín, và có ít nhất 02 đại diện doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh đến thực tập, thực hành, làm việc.

##### **❖ Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá chất lượng:**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Hướng dẫn các Phòng Khoa trong Trường thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và viết báo cáo kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường.

- Thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường theo quy định.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá kiểm định chất lượng.

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

**❖ Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng :**

- Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng tự đánh giá chất lượng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng; chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; ký kế hoạch hoạt động, các báo cáo của Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Phó chủ tịch Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng có trách nhiệm điều hành hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng kiểm định ủy quyền và thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng phân công.

- Các thành viên khác của Hội đồng tự đánh giá chất lượng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chất lượng phân công.

**2. Thành lập Ban thư ký hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường:**

**❖ Thành phần:**

- Thư ký Hội đồng: Trưởng ban

- Một số cán bộ, giáo viên các phòng, khoa: thành viên

**❖ Nhiệm vụ Ban thư ký của Hội đồng kiểm định:**

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai các hoạt động của Hội đồng tự đánh giá chất lượng;

- Tổng hợp, chỉnh sửa báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của trường;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chất lượng phân công.

### 3. Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng phụ trách theo tiêu chí kiểm định và theo đơn vị thực hiện:

#### 3.1. Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Cán bộ Hội đồng Kiểm định phụ trách	Thời gian thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo	Kiểm tra giám sát
<b>I</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>			Thời gian chi tiết trong bảng phân công theo từng giai đoạn	
1	Tiêu chuẩn: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12	P.HCTH	Thầy Lê Vũ Tuấn		Thầy Nguyễn Hữu Hào - Hiệu trưởng
2	Tiêu chuẩn: 2	Phòng Đào tạo			
<b>II</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>				
1	Tiêu chuẩn: 1, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 17	Phòng Đào tạo	Cô Trần Thị Bích Liễu		Thầy Lê Hùng Chinh – Phó hiệu trưởng
	Tiêu chuẩn: 2, 3, 7, 13	Phòng Công tác học sinh – học viên			
2	Tiêu chuẩn: 8, 9	Các khoa			
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động</b>				
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 4, 7, 11, 12, 13, 14, 15	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Thầy Lê Vũ Tuấn		Thầy Nguyễn Hữu Hào - Hiệu trưởng
2	Tiêu chuẩn: 8, 10	Phòng Đào tạo			
3	Tiêu chuẩn: 3, 5, 6, 9	Các khoa			
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>				
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15	Phòng đào tạo Các khoa	Cô Trần Thị Bích Liễu	Thầy Lê Hùng Chinh – Phó Hiệu trưởng	

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Cán bộ Hội đồng Kiểm định phụ trách</b>	<b>Thời gian thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo</b>	<b>Kiểm tra giám sát</b>
<b>V</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>				Thầy Nguyễn Hữu Hào - Hiệu trưởng
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 12	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Thầy Lê Vũ Tuấn		
2	Tiêu chuẩn: 8, 9, 10, 11	Các khoa			
3	Tiêu chuẩn: 13, 14, 15	Phòng Đào tạo			
<b>VI</b>	<b>Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế</b>				Cô Nguyễn Hồng Hà – Phó Hiệu trưởng
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Thầy Lê Vũ Tuấn		
2	Tiêu chuẩn: 5	Phòng Đào tạo			
<b>VII</b>	<b>Tiêu chí 7: Quản lý tài chính</b>				Thầy Nguyễn Hữu Hào - Hiệu trưởng
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6	Bộ phận kế toán	Cô Nguyễn Thị Cẩm Thuyền		
<b>VIII</b>	<b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>				Cô Nguyễn Hồng Hà – Phó hiệu trưởng
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	Phòng đào tạo Phòng Công tác học sinh	Thầy Phạm Trần Cảnh		
<b>IX</b>	<b>Tiêu chí 9: Giám sát đánh giá chất lượng</b>			Thầy Lê Hùng Chinh – Phó hiệu trưởng.	
1	Tiêu chuẩn: 4, 5	Phòng Đào tạo	Thầy Phạm Trần Cảnh		
2	Tiêu chuẩn: 2	Phòng Hành chính - Tổng hợp			
3	Tiêu chuẩn: 1, 3, 6	Phòng Công tác học sinh - học viên			

**3.2. Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với 3 nghề trọng điểm trình độ trung cấp: Nghề điện công nghiệp, Nghề cơ điện lạnh thủy sản, Nghề cắt gọt kim loại**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Cán bộ Hội đồng Kiểm định phụ trách</b>	<b>Kiểm tra giám sát</b>
<b>I</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>			
1	Tiêu chuẩn: 1, 2	Phòng Đào tạo	Trần Thị Bích Liễu	Thầy Nguyễn Hữu Hào - Hiệu trưởng
2	Tiêu chuẩn: 3	Phòng Hành chính - tổng hợp		
<b>II</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>			
1	Tiêu chuẩn: 2, 5, 6, 7	Phòng Đào tạo	Cô Trần Thị Bích Liễu	Thầy Lê Hùng Chinh – Phó Hiệu trưởng
2	Tiêu chuẩn: 3	Khoa Cơ khí – xây dựng; Khoa điện – điện tử		
3	Tiêu chuẩn: 1, 4	Phòng Công tác học sinh – học viên		
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>			
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 7, 8	Phòng Hành chính - tổng hợp	Thầy Lê Vũ Tuấn	Thầy Nguyễn Hữu Hào - Hiệu trưởng
2	Tiêu chuẩn: 3, 4, 6	Khoa Cơ khí – xây dựng; Khoa điện – điện tử		
3	Tiêu chuẩn: 5	Phòng Đào tạo		
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>			
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12	Phòng đào tạo; Khoa Cơ khí – xây dựng; Khoa điện – điện tử	Cô Trần Thị Bích Liễu	Thầy Lê Hùng Chinh – Phó Hiệu trưởng
<b>V</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>			
1	Tiêu chuẩn: 1	Phòng Hành chính - tổng hợp	Thầy Lê Vũ Tuấn	Thầy Nguyễn Hữu Hào - Hiệu trưởng
2	Tiêu chuẩn: 2, 3, 4, 5, 8	Khoa Cơ khí – xây dựng; Khoa điện – điện tử		
3	Tiêu chuẩn: 6, 7	Phòng Đào tạo		



TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Cán bộ Hội đồng Kiểm định phụ trách	Kiểm tra giám sát
<b>VI</b>	<b>Tiêu chí 6: Dịch vụ người học</b>			
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4	Phòng Công tác học sinh – học viên	Thầy Phạm Trần Cảnh	Cô Nguyễn Hồng Hà – Phó hiệu trưởng
<b>VII</b>	<b>Tiêu chí 7: Giám sát đánh giá chất lượng</b>			
1	Tiêu chuẩn: 5, 6	Phòng Đào tạo	Thầy Phạm Trần Cảnh	Thầy Lê Hùng Chinh – Phó Hiệu trưởng
2	Tiêu chuẩn: 3	Phòng Hành chính - tổng hợp		
3	Tiêu chuẩn: 1, 2, 4, 7, 8	Phòng Công tác học sinh – học viên		

### 5. Kế hoạch thu thập thông tin:

Các Phòng, khoa và nhóm chuyên trách được phân công xác định thông tin cần thu thập, lập kế hoạch và tiến độ thực hiện báo cáo Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chất lượng và gửi về Ban thư ký hội đồng.

### 6. Thời gian thực hiện tự kiểm định:

Thời gian	Các hoạt động	Bộ phận thực hiện/tham dự
Tháng 8/2023	- Ra quyết định thành lập Hội đồng kiểm định; - Xây dựng kế hoạch tự kiểm định năm 2023.	- Phòng Đào tạo
Từ 5/8/2023 đến 15/8/2023	- Họp Hội đồng tự kiểm định. Hướng dẫn thực hiện công tác tự kiểm định năm 2023; - Phân công thành viên Hội đồng kiểm định phụ trách theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định; - Phổ biến kế hoạch triển khai tự kiểm định cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. <i>(các đơn vị tự lên kế hoạch và nội dung phù hợp với đặc thù của đơn vị mình)</i>	- Chủ tịch Hội đồng. - Chủ tịch Hội đồng. - Trưởng các Phòng, Khoa.
Từ 18/8/2023 đến 10/8/2023	- Các Phòng, khoa tiến hành thực hiện tự kiểm định chất lượng đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình; - Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của phòng, khoa; - Họp nghiệm thu cấp Phòng, khoa dự thảo báo cáo tự kiểm định của đơn vị mình.	- Trưởng các Phòng, Khoa.
Từ 12/8/2023	- Các Phòng, khoa gửi báo cáo (file mềm) kèm theo hồ sơ minh chứng cho Hội đồng kiểm định	- Trưởng các Phòng, Khoa.

đến 19/8/2023	(qua Ban thư ký).	
Từ 22/8/2023 đến 12/9/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tổng quan báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 1 của các phòng, khoa thuộc trường. Góp ý, chỉnh sửa;</li> <li>- Họp Hội đồng kiểm định Nhà trường nghiệm thu báo cáo kết quả giai đoạn 1 tự kiểm định của các phòng, khoa thuộc trường.</li> <li>- Tiếp tục viết báo cáo và tìm kiếm minh chứng giai đoạn 2</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thành viên Hội đồng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công.</li> <li>- Chủ tịch hội đồng chủ trì.</li> <li>- Trưởng các phòng, khoa</li> </ul>
Từ 01/9/2023 đến 08/9/2023	- Các Phòng, khoa gửi báo cáo giai đoạn 2 (file mềm) kèm theo hồ sơ minh chứng cho Hội đồng kiểm định (qua Ban thư ký).	- Trưởng các Phòng, Khoa.
Từ 09/9/2023 đến 16/9/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự kiểm định giai đoạn 2 gửi cho thư ký Hội đồng để tổng hợp;</li> <li>- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Phòng, khoa.</li> </ul>	- Trưởng các Phòng, Khoa.
Từ 19/9/2023 đến 27/9/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu dự thảo Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giai đoạn 2 do các Phòng, khoa lập; kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng và yêu cầu các Phòng, khoa hoàn thiện báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng của Phòng, khoa;</li> <li>- Tiếp tục hoàn thiện báo cáo và minh chứng giai đoạn 3.</li> <li>- Thu thập minh chứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công phụ trách;</li> <li>- Mã hóa minh chứng theo quy định;</li> <li>- Họp Hội đồng kiểm định nghiệm thu, thông qua các nội dung.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thành viên Hội đồng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công.</li> <li>Trưởng các phòng, khoa</li> <li>- Chủ tịch hội đồng chủ trì.</li> </ul>
Từ 28/9/2023 đến 04/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng.</li> <li>- Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng dạy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban thư ký.</li> <li>- Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.</li> </ul>

	nghe.	
Từ 05/10/2023 đến 17/10/2023	- Lập báo cáo tiêu chí và Phần I của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	- Ban thư ký.
Từ 18/10/2023 đến 31/10/2023	- Viết dự thảo báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của toàn trường: thư ký Hội đồng tự kiểm định tổng hợp Phần I của báo cáo kết quả tự kiểm định, báo cáo tiêu chí, sắp xếp minh chứng, bảng mã minh chứng, tổng hợp kết quả, rà soát, viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường theo đúng mẫu quy định. - Hợp Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp thông qua báo cáo.	- Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
Từ 01/11/2023 đến 05/11/2023	- Hoàn thiện báo cáo tự kiểm định. - Gửi báo cáo cho các phòng, khoa và các chuyên gia tư vấn để lấy ý kiến góp ý, phản biện về báo cáo tự kiểm định.	- Ban Thư ký. - Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
Từ 07/11/2023 đến 15/11/2023	- Hợp Hội đồng kiểm định thông qua báo cáo (hoàn thiện, trình Hiệu trưởng ký duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp) - Công bố công khai báo cáo tự kiểm định trong nội bộ nhà trường. - Lưu trữ, nộp báo cáo tự đánh giá về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tiền Giang và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.	- Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp. - Ban Thư ký. - Ban Thư ký.

(Định kỳ hàng tuần tại cuộc họp báo cáo tuần hoặc đột xuất Trường nhóm báo cáo tiến độ thực hiện cho Ban giám hiệu để theo dõi, kịp thời chỉ đạo. Các đơn vị gửi báo cáo các tiêu chí về bộ phận tổng hợp qua địa chỉ mail: [tdgclgdnn.tcg@gmail.com](mailto:tdgclgdnn.tcg@gmail.com) ).

#### V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Phòng kế toán lập kế hoạch kinh phí phục vụ thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023 theo công văn số 822/LĐTĐBXH-TCGDNN ngày 11/3/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn nội dung chi và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023 của Trường Trung cấp Gò Công, đề nghị các Phòng, khoa triển khai và cùng nhau hỗ trợ thực hiện tốt kế hoạch này./.

**HIỆU TRƯỞNG**

*Nơi nhận:*

- Sở LĐ-TB&XH (Báo cáo);
- Ban giám hiệu;
- Các phòng, khoa;
- Lưu: VT.

### 3. Bảng mã minh chứng

**Mẫu 3.3. BẢNG MÃ MINH CHỨNG**

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1	1.1.01		Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 22/2/2019 về việc thành lập Trường Trung cấp Gò Công
2.		2	1.2.01		Công văn yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực trong các năm 2022, 2023 của Thị xã Gò Công và các huyện lân cận
3.			1.2.02		Đăng ký nhu cầu tuyển sinh năm 2022, 2023
4.			1.2.03		GCN số 01/GCNĐKHD-SLĐTBOXH ngày 8/5/2019 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
5.			1.2.04		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 05/GCNĐKHD-SLĐTBOXH ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐTBOXH được cấp ngày 13/5/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 03/GCNĐKBS-SLĐTBOXH được cấp ngày 29/7/2022, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐTBOXH được cấp ngày 21/9/2023
6.		3		1.1.01	Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 22/2/2019 về việc thành lập Trường Trung cấp Gò Công
7.			1.3.01		QĐ số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công

8.			1.3.02		Quyết định thành lập và Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa.
9.			1.3.03		Quyết định số 49/QĐ-TCGC ngày 26/4/2019 ban hành Quy chế làm việc, Quyết định ban hành quy chế sửa đổi Quy chế làm việc Trường Trung cấp Gò Công
10.			1.3.04		Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi) năm 2021 của Trường Trung cấp Gò Công
11.			1.3.05		Quyết định ban hành Quy chế thi đua khen thưởng
12.			1.3.06		Quy chế sử dụng tài sản công...
13.			1.3.07		Quyết định 16/QĐ-SLĐTBXH ngày 3/4/2019 về việc thành lập Hội đồng trường TCGC và Quyết định số 93/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/5/2020 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trung cấp Gò Công nhiệm kỳ 2019 – 2024
14.			1.3.08		QĐ số 91/QĐ-TCGC ngày 22/5/2019 vv ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động tại cơ sở
15.			1.3.09		Biên bản Hội nghị CBCCVC năm 2021,2022
16.			1.3.10		Báo cáo hoạt động ban Thanh tra nhân dân năm 2022,2023
17.		4		1.3.01	Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 vv ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công
18.				1.3.04	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi) năm 2021 của Trường Trung cấp Gò Công
19.				1.3.03	Quyết định số 49/QĐ-TCGC ngày 26/4/2019 ban hành Quy chế làm việc, Quyết định ban hành quy chế sửa đổi Quy chế làm việc Trường Trung cấp Gò Công

20.			1.4.01		Thông báo điều chỉnh tiến độ đào tạo năm học 2020-2021 (do dịch Covid-19)
21.			1.4.02		Thông báo tổ chức chào cờ đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt dưới cờ (do bàn giao hệ GDTX cho các Trung tâm GDTX-GDNN các huyện)
22.				1.3.07	Quyết định 16/QĐ-SLĐTBSXH ngày 3/4/2019 về việc thành lập Hội đồng trường TCGC và Quyết định số 93/QĐ-SLĐTBSXH ngày 22/5/2020 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trung cấp Gò Công nhiệm kỳ 2019 – 2024
23.		5		1.3.02	Quyết định thành lập và Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa.
24.				1.3.01	Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 vv ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công
25.		6		1.3.07	Quyết định 16/QĐ-SLĐTBSXH ngày 3/4/2019 về việc thành lập Hội đồng trường TCGC và Quyết định số 93/QĐ-SLĐTBSXH ngày 22/5/2020 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trung cấp Gò Công nhiệm kỳ 2019 – 2024
26.				1.3.02	Quyết định thành lập và Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa
27.				1.3.03	Quyết định số 49/QĐ-TCGC ngày 26/4/2019 ban hành Quy chế làm việc, Quyết định ban hành quy chế sửa đổi Quy chế làm việc Trường Trung cấp Gò Công
28.			1.6.01		Báo cáo đột xuất, định kỳ của các phòng/khoa, nhà trường
29.			1.6.02		Báo cáo tổng kết các năm học
30.			1.6.03		Quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua cá nhân, phòng khoa

31.			1.6.04		- Kế hoạch số 48/KH-TCGC ngày 08/06/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023; Kế hoạch số 77/KH-TCGC ngày 30/10/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2023 - 2024
32.			1.6.05		Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ hàng năm
33.		7	1.7.01		Quyết định số 216/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2022; Quy định ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng của trường Trung cấp Gò Công
			1.7.02		Kế hoạch số 55/KH-TCGC ngày 25/7/2023 thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023
			1.7.03		Quyết định số 272/QĐ-TCGC ban hành hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng năm 2021
34.		8		1.3.02	Quyết định thành lập và Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa
35.				1.3.03	Quyết định số 49/QĐ-TCGC ngày 26/4/2019 ban hành Quy chế làm việc, Quyết định ban hành quy chế sửa đổi Quy chế làm việc Trường Trung cấp Gò Công
36.			1.8.01		Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường
37.				1.7.01	Quyết định số 54/QĐ-TCGC ngày 8/3/2021 thành lập ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trường TCGC
38.		9	1.9.01		Quy chế làm việc của Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025
39.			1.9.02		Nghị quyết phân công nhiệm vụ đảng viên năm 2021
40.			1.9.03		Quyết định xếp loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên 2020
41.		10	1.10.01		Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm



					2021 quy định về Điều lệ trường Trung cấp
42.			1.10.02		Quyết định số 174/ QĐ-TLĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam
43.		11		1.6.04	- Kế hoạch số 48/KH-TCGC ngày 08/06/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023; Kế hoạch số 77/KH-TCGC ngày 30/10/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2023 - 2024
44.			1.11.02		Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2023
45.		12	1.12.01		Danh sách chi 30% được lãnh đạo phê duyệt năm 2022, 2023
46.			1.12.02		Danh sách nhận tiền hỗ trợ đối với cán bộ, giáo viên nữ năm 2022, 2023
47.			1.12.03		Chương trình kiến thức về bình đẳng giới giảng dạy cho học viên
48.	2	1		1.2.03	GCN số 01/GCNĐKHD-SLĐT BXH ngày 8/5/2019 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
49.			2.1.01		Kế hoạch số 64/KH-TCGC ngày 06/09/2023 về việc biên soạn, cập nhật, thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023).
50.				1.2.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 05/GCNĐKHD-SLĐT BXH ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐT BXH được cấp ngày 13/5/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 03/GCNĐKBS-SLĐT BXH được cấp ngày 29/7/2022, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐT BXH được cấp ngày 21/9/2023
51.			2.1.02		Danh sách chương trình đào tạo các

					ngành, nghề đào tạo của trường
52.			2.1.03		Các Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo
53.		2	2.2.01		Quyết định số 215/QĐ-TCGC ngày 23/8/2021 ban hành Quy định tuyển sinh trình độ trung cấp, sơ cấp và dạy nghề thường xuyên
54.		3	2.3.01		Thông báo chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nghề của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội các năm
55.			2.3.02		Báo cáo công tác tuyển sinh các năm
56.			2.3.03		Báo cáo của Ban Thanh tra ND về công tác tuyển sinh các năm
57.			2.3.04		Các biên bản giám sát đào tạo nghề cho LĐNT các năm
58.		4	2.4.01		Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
59.			2.4.02		Kế hoạch đào tạo nghề Tin học ứng dụng - GCT
60.			2.4.03		Hợp đồng số 49/HĐ-TCGC ngày 15/12/2021 về việc liên kết đào tạo lớp Tin học ứng dụng hệ trung cấp với trung tâm GDNN – GDTX Gò Công Tây
61.		5	2.5.01		110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
62.			2.5.02		- Quyết định thành lập lớp học năm học 2022 – 2023 và năm học 2023

					– 2024
63.			2.5.03		Danh sách học sinh các lớp học năm học 2022 – 2023 và 2023 – 2024
64.			2.5.04		Kế hoạch đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
65.			2.5.05		Tiến độ đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
66.			2.5.06		Kế hoạch giáo viên năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
67.			2.5.07		Thời khóa biểu năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
68.		6		2.5.04	Kế hoạch đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
69.				2.5.05	Tiến độ đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
70.				2.5.06	Kế hoạch giáo viên năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
71.			2.6.01		Sổ lên lớp năm học 2021-2022, 2022-2023
72.			2.6.02		Giáo án các năm học 2022-2023, 2023-2024
73.			2.6.03		Sổ tay giáo viên năm học các 2022-2023, 2023-2024
74.			2.6.04		Sổ theo dõi của phòng đào tạo
75.		7		2.5.01	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ Trung cấp
76.			2.7.01		– Quyết định số 224/QĐ-TCGC ngày 10/10/2022 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp
77.			2.7.02		Kế hoạch thực tập sản xuất các năm học 2021, 2022
78.			2.7.03		Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm học 2020 – 2021; 2022 – 2023
79.				2.5.05	Tiến độ đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
80.			2.7.04		Hồ sơ tổ chức giảng dạy theo kế hoạch giáo viên
81.			2.7.05		kế hoạch giảng dạy từng học kỳ
82.		8	2.8.01		Các quyền chương trình đào tạo các nghề

83.			2.8.02		Giáo án tích hợp, Bài giảng điện tử
84.				2.6.01	Sổ lên lớp năm học 2021-2022, 2022-2023
85.				2.6.03	Sổ tay giáo viên năm học các 2022-2023, 2023-2024
86.			2.8.03		Phiếu đánh giá dự giờ
87.		9		2.8.02	Giáo án tích hợp, Bài giảng điện tử
88.			2.9.01		Phần mềm quản lý Eduman
89.			2.9.02		Phần mềm trộn đề thi McMix
90.		10		1.6.04	- Kế hoạch số 48/KH-TCGC ngày 08/06/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023; Kế hoạch số 77/KH-TCGC ngày 30/10/2023 thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2023 - 2024
91.			2.10.01		Sổ theo dõi giảng dạy
92.			2.10.02		Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất
93.				1.6.05	Báo cáo tổng kết kiểm tra nội bộ năm 2022, 2023
94.		11		1.6.05	Báo cáo tổng kết kiểm tra nội bộ năm 2022, 2023
95.			2.11.01		Danh sách các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học
96.		12		2.4.01	Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
97.		13		2.7.03	Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm học 2020 – 2021; 2022 – 2023
98.			2.13.01		Báo cáo kết quả thực tập của học sinh của các nghề qua các năm học
99.		14	2.14.01		Lịch thi học kỳ
100.			2.14.02		Danh sách xét điều kiện dự thi tốt nghiệp

101.			2.14.03		Danh sách đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp
102.			2.14.04		Kế hoạch số 10/KH-TCGC ngày 10/2/2022 về việc tổ chức thi tốt nghiệp khóa ngày 5/4/2022
103.			2.14.05		Các quyết định thành lập HĐ thi tốt nghiệp
104.			2.14.06		Quyết định thành lập Ban coi thi, ban chấm thi, ban Thư ký thi tốt nghiệp
105.			2.14.07		Danh sách học sinh dự thi tốt nghiệp năm 2022, 2023
106.				2.4.01	Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
107.			2.14.08		Báo cáo kết quả công tác tổ chức thi tốt nghiệp năm 2021, 2022
108.			2.14.09		Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023
109.				1.6.02	Báo cáo tổng kết các năm học
110.			2.14.10		114/QĐ-TCGC ngày 27/6/2022 ban hành qui định về cấp văn bằng, chứng chỉ theo thông tư số 24/2020/TT-BLĐTĐ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 10
111.			2.14.11		Sổ quản lý phôi bằng chứng chỉ trung cấp, sơ cấp
112.		15	2.15.01		Kế hoạch rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ
113.				1.6.02	Báo cáo tổng kết các năm học
114.				2.14.09	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023
115.		17		2.9.01	Phần mềm quản lý EduMan

116.				1.6.02	Báo cáo tổng kết các năm học
117.			2.17.01		Quyết định về việc thành lập Ban biên tập, quản trị website trường <a href="http://csdl.gdnn.gov.vn">http://csdl.gdnn.gov.vn</a>
118.			2.17.02		Phần mềm hệ thống thi trắc nghiệm
119.	3	1	3.1.01		Hồ sơ tuyển dụng năm 2023
120.			3.1.02		Danh sách quy hoạch lãnh đạo ban giám hiệu, phòng, khoa giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2026-2031
121.			3.1.03		Bảng tổng hợp đánh giá, phân loại VC năm 2022, 2023
122.		2	3.2.01		Báo cáo kết quả tuyển dụng năm 2023
123.				3.1.03	Bảng tổng hợp đánh giá, phân loại VC năm 2022, 2023
124.			3.2.02		Biên bản họp đánh giá, phân loại VC 2022, 2023
125.			3.2.03		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023
126.		3	3.3.01		Hồ sơ giáo viên
127.			3.3.02		Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên
128.			3.3.03		Báo cáo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ năm học 2022, 2023
129.			3.3.04		Kế hoạch bồi dưỡng năm 2022, 2023
130.				3.3.02	Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên
131.		4		1.4.01	Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/1/2022 V/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công (QĐ sửa đổi)
132.				1.4.02	Quyết định 273/QĐ-TCGC V/v ban hành quy định chế độ làm việc (sửa đổi) của Trường Trung cấp Gò Công
133.			3.4.01		Đề án vị trí việc làm Trường Trung cấp Gò Công năm 2021
134.			3.4.02		Phiếu đánh giá chất lượng GV theo Thông tư 08/TT-LĐTĐ

135.			3.4.03		QĐ số 250/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và NLD
136.		5		3.3.02	Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên
137.			3.5.01		Quyết định ban hành định mức giờ giảng của giáo viên
138.			3.5.02		Phân công giảng dạy năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
139.			3.5.03		Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi học sinh/giáo viên
140.				2.5.04	Kế hoạch đào tạo năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
141.			3.5.04		Danh sách giáo viên từng ngành
142.				2.5.03	Danh sách học sinh các lớp học năm học 2022 – 2023 và 2023 – 2024
143.			3.5.05		-Hồ sơ tổng hợp thanh toán chế độ giáo viên năm 2022 - 2023, 2023 - 2024
144.		6		2.8.01	Các quyên chương trình đào tạo
145.				2.5.04	Kế hoạch đào tạo khóa 4 niên khóa 2021 – 2023, khóa 5 niên khóa 2022 - 2024
146.				3.5.02	Phân công giảng dạy năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
147.				2.5.07	Thời khoá biểu học kỳ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
148.				2.6.02	Giáo án các năm học 2022-2023, 2023-2024
149.				2.6.03	Sổ tay giáo viên năm học các 2022-2023, 2023-2024
150.			3.6.06		Biên bản thanh tra dự giờ các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
151.		7	3.7.01		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2022, 2023
152.			3.7.02		Danh sách bồi dưỡng năm 2022, 2023
153.		8	3.8.01		Công văn đăng ký nhu cầu bồi dưỡng các năm 2022, 2023 của Sở LĐTĐ&XH Tiền Giang, Tổng cục GDNN

154.				3.7.01	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2022, 2023
155.				3.7.02	Danh sách bồi dưỡng năm 2022, 2023
156.			3.8.02		Báo cáo tháng, báo cáo năm
157.		9		2.7.03	Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm học 2020 - 2021, 2021 – 2022
158.			3.9.01		Danh sách các giáo viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp
159.		10		1.6.02	Báo cáo tổng kết các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023
160.		11		1.3.01	Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 vv ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công
161.			3.11.01		Hồ sơ cá nhân hiệu trưởng; phó hiệu trưởng
162.			3.11.02		Bảng phân công nhiệm vụ ban giám hiệu
163.		12		1.4.01	Quyết định số 07 QĐ-TCGC ngày 14/1/2022 V/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Trung cấp Gò Công (QĐ sửa đổi )
164.				1.4.02	Quyết định 273/QĐ-TCGC V/v ban hành quy định chế độ làm việc (sửa đổi) của Trường Trung cấp Gò Công)
165.			3.12.01		Hồ sơ bổ nhiệm Phó phòng, khoa, tổ trưởng chuyên môn năm 2023
166.		13	3.13.01		Danh sách trích ngang các chuẩn của cán bộ quản lý
167.		14	3.14.01		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý của trường và các giáo viên phụ trách các phòng, khoa.
168.			3.14.02		Các Quyết định bổ nhiệm trưởng, phó phòng, khoa, bộ môn
169.			3.14.03		Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của trường
170.			3.14.04		Danh sách cử đi đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, 2023
171.		15		1.3.01	Quyết định số 07/QĐ-TCGC ngày 14/11/2022 vv ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Trung



					cấp Gò Công
172.			3.15.02		Bảng tổng hợp danh sách CBGV tham gia học tập bồi dưỡng năm 2022, 2023
173.			3.15.03		Danh sách cán bộ, giáo viên được cử đi học các lớp quản lý nhà nước, nghiệp vụ quản lý dạy nghề, kiểm định viên...; danh sách học lớp trung cấp chính trị năm 2022, 2023
174.	4	1		1.2.03	GCN số 01/GCNĐKHĐ-SLĐTBOXH ngày 8/5/2019 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
175.				1.2.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 05/GCNĐKHĐ-SLĐTBOXH ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐTBOXH được cấp ngày 13/5/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 03/GCNĐKBS-SLĐTBOXH được cấp ngày 29/7/2022, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐTBOXH được cấp ngày 21/9/2023
176.				2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
177.		2	4.2.01		Quyết định số 60/QĐ-TCGC ngày 22/3/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Quyết định số 91/QĐ-TCGC ngày 4/5/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định

				chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng
178.			4.2.02	Quyết định số 55/QĐ-TCGC ngày 8/3/2021 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Quyết định số 57/QĐ-TCGC ngày 15/3/2022 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng
179.			4.2.03	Biên bản họp thẩm định các chương trình
180.			4.2.04	Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình
181.			2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN
182.		3	2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
183.		4	4.2.02	Quyết định số 55/QĐ-TCGC ngày 8/3/2021 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Quyết định số 57/QĐ-TCGC ngày 15/3/2022 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình

					độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng;
184.				4.2.01	Quyết định số 60/QĐ-TCGC ngày 22/3/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp; Quyết định số 91/QĐ-TCGC ngày 4/5/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng
185.				4.2.03	Các biên bản thẩm định chương trình đào tạo
186.			4.4.06		Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp
187.				2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
188.		5		4.2.02	Quyết định số 55/QĐ-TCGC ngày 8/3/2021 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Quyết định số 57/QĐ-TCGC ngày 15/3/2022 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề nghiệp vụ nhà hàng
189.			4.5.02		Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp
190.				2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP,

					CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
191.				2.13.01	Báo cáo kết quả thực tập của học sinh của các nghề qua các năm học
192.				4.5.01	Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
193.		6	4.6.01		Chương trình chi tiết các môn học, mô đun
194.				4.2.03	Biên bản họp thẩm định các chương trình
195.				2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
196.			4.6.02		Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo liên thông giữa trường Trung cấp Gò Công với trường Cao đẳng Tiền Giang, Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo liên thông giữa trường Trung cấp Gò Công với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long
197.			4.6.03		Chương trình đào tạo thường xuyên Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trung tâm; May quần thể thao
198.			4.6.04		Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cắt gọt kim loại
199.		7		2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK,

					CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
200.			4.7.01		Kế hoạch số 20/KH-TCGC ngày 23/02/2023 về việc cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ trung cấp
201.				4.2.01	Quyết định số 60/QĐ-TCGC ngày 22/3/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp
202.				4.2.02	Quyết định số 55/QĐ-TCGC ngày 8/3/2021 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp
203.				2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
204.		8		2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
205.				4.7.01	Kế hoạch số 20/KH-TCGC ngày 23/02/2023 về việc cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ trung cấp
206.				2.13.01	Báo cáo kết quả thực tập của học sinh của các nghề qua các năm học
207.		9		4.7.01	Kế hoạch số 20/KH-TCGC ngày 23/02/2023 về việc cập nhật và

					đánh giá chương trình đào tạo trình độ trung cấp
208.		10		2.7.01	– Quyết định số 224/QĐ-TCGC ngày 10/10/2022 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp
209.				2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
210.			4.10.02		Danh sách thông kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
211.		11		4.10.02	Danh sách thông kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
212.		12		2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDĐT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
213.				2.7.01	– Quyết định số 224/QĐ-TCGC ngày 10/10/2022 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp
214.			4.12.01		Biên bản họp thẩm định giáo trình
215.				2.7.01	– Quyết định số 224/QĐ-TCGC ngày 10/10/2022 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp
216.		13		2.1.01	Kế hoạch số 64/KH-TCGC ngày 06/09/2023 về việc biên soạn, cập

					nhật, thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023.
217.				4.12.01	Các biên bản họp thẩm định giáo trình
218.			4.13.01		Danh sách các chương trình đào tạo
219.			4.13.02		Danh sách thống kê giáo trình đào tạo được ban hành
220.		14		2.7.03	Kế hoạch về việc thực tập tốt nghiệp năm học 2020 – 2021; 2021 – 2022
221.			4.14.01		Bản thỏa thuận giữa trường và công ty khi học sinh thực tập
222.				2.13.01	Báo cáo kết quả thực tập của học sinh của các nghề khoá 1 và khoá 2
223.				4.5.01	Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
224.		15		2.5.01	110/QĐ-TCGC, 111/QĐ-TCGC, 112/QĐ-TCGC ngày 24/5/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Nghề KTLĐĐ&ĐKTC, KTXD, nghề QTMMT và các quyết định từ số 191 đến 201/QĐ-TCGC ngày 1/7/2021 về việc ban hành các CTDT trình độ TC nghề THVP, CNOTO, CGKL, KTML&ĐHKK, CĐLTS, ĐCN, ĐTCN, Hàn, CĐT, MTT, THUD, KTDN;
225.			4.15.01		Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo
226.			4.15.02		Kế hoạch biên soạn cập nhật giáo trình
227.				2.7.01	– Quyết định số 224/QĐ-TCGC ngày 10/10/2022 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp
228.	5	1	5.1.01		Quyết định của Ủy ban về việc giao đất xây dựng trường
229.			5.1.02		Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất
230.			5.1.03		Hợp đồng mua bán điện với điện lực Thị Xã Gò Công
231.			5.1.04		Phiếu chi về số lượng điện tiêu thụ

232.			5.1.05		Bản vẽ thiết kế trường
233.			5.1.06		Bản đồ bố trí trường trong khu vực
234.			5.1.07		Báo cáo an ninh trật tự
235.				1.1.01	Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 22/2/2019 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc thành lập trường Trung cấp Gò Công
236.		2	5.2.01		Hồ sơ xây dựng , thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
237.				5.1.01	Quyết định của Ủy ban về việc giao đất xây dựng trường
238.			5.2.02		Hồ sơ các công trình xây dựng
239.			5.2.03		Đề án thành lập trường
240.			5.2.04		Hình ảnh tổng quan về trường
241.		3		5.2.02	Hồ sơ các công trình xây dựng
242.			5.3.01		Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo
243.			5.3.02		Khảo sát thực tế để chứng minh
244.		4		5.2.01	Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
245.			5.4.01		Bản vẽ cấp điện
246.			5.4.02		Bản vẽ quy hoạch chiếu sáng
247.			5.4.03		Hợp đồng mua bán điện
248.			5.4.04		Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước
249.			5.4.05		Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải
250.			5.4.06		GCN thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy
251.			5.4.07		Bảng kiểm kê tài sản cố định
252.		5		5.3.01	Có Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo
253.			5.5.01		Bản vẽ các công trình xây dựng



254.			5.5.02		Hồ sơ yêu cầu kỹ thuật các gói thầu
255.			5.5.03		Biên bản bàn giao tài sản, thiết bị
256.		6	5.6.01		Quy chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước, ban hành kèm theo quyết định số 368/QĐ-TCGC ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Gò Công
257.			5.6.02		Danh mục các thiết bị đào tạo
258.			5.6.03		Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị
259.			5.6.04		Các Quyết định phân công Quản lý xưởng
260.			5.6.05		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị
261.		7	5.7.01		Sổ theo dõi tài sản đơn vị
262.			5.7.02		Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị
263.			5.7.03		Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
264.			5.7.04		Nội quy, quy định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường
265.			5.7.05		Biên bản Hội nghị Cán bộ CCVC năm 2021
266.			5.7.06		Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ Công chức viên chức hàng năm tại trường
267.		8	5.8.01		Biên bản bàn giao thực tế thiết bị theo chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020
268.			5.8.02		Danh mục thiết bị dạy nghề của nhà trường
269.			5.8.03		Biên bản kiểm kê hàng năm của đơn vị
270.				2.5.03	Danh sách học sinh các lớp học năm học 2022 – 2023 và 2023 –

					2024
271.				2.5.07	Thời khoá biểu năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
272.			5.8.04		Bảng thống kê xưởng thực hành
273.			5.8.05		Báo cáo đánh giá của người học, giáo viên, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo
274.		9		5.7.02	Nội quy, quy định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường
275.			5.9.01		Hình ảnh bố trí các thiết bị ở xưởng thực hành
276.			5.9.02		Kế hoạch kiểm tra vệ sinh công nghiệp và PCCC năm 2022 kèm biên bản kiểm tra vệ sinh hàng tháng
277.				5.7.02	Nội quy, quy định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường
278.		10	5.10.01		Kế hoạch, Quyết định thành lập Hội đồng, Tổ kiểm kê tài sản, Biên bản, báo cáo kết quả kiểm kê 2021, 2022
279.		11		5.6.02	Danh mục các thiết bị đào tạo
280.				5.10.01	Kế hoạch, Quyết định thành lập Hội đồng, Tổ kiểm kê tài sản, Biên bản, báo cáo kết quả kiểm kê 2021, 2022
281.		12		3.2.03	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022,2023
282.			5.12.02		Đề nghị vật tư của các bộ phận năm 2021, 2022
283.			5.12.03		Phiếu giao nhận vật tư
284.			5.12.04		Hình ảnh tổng quan các xưởng thực hành
285.			5.12.05		Khảo sát thực tế tại các xưởng thực hành
286.		13		1.2.03	GCN số 01/GCNDKHHĐ-SLĐTBXH ngày 8/5/2019 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
287.				1.2.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 05/GCNDKHHĐ-SLĐTBXH ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt

				động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐT BXH được cấp ngày 13/5/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 03/GCNĐKBS-SLĐT BXH được cấp ngày 29/7/2022, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 02/GCNĐKBS-SLĐT BXH được cấp ngày 21/9/2023
288.			4.10.02	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
289.		14	4.13.01	Danh sách các chương trình đào tạo
290.			4.10.02	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
291.		15	4.13.01	Danh sách các chương trình đào tạo
292.			4.10.02	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
293.	6	1	3.2.03	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022,2023
294.		2	6.2.01	Quyết định số: 20/QĐ-SLĐT BXH ngày 22/02/2022 về việc công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2021
295.			6.2.02	Quyết định số: 18/QĐ-LĐT BXH ngày 22/02/2021 về việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở năm 2021
296.			6.2.03	Quyết định số: 1115/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 v/v tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm 2020 đến năm 2021
297.		4	6.4.01	Quyết định số: 963/QĐ-LĐT BXH ngày 14/10/2022 v/v tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ LĐ TB XH, cho cá nhân đạt thành tích trong hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn

					quốc lần thứ 7, năm 2022
298.	7	1		3.2.03	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 của Hiệu trưởng trường Trung Cấp Gò Công
299.			7.1.01		Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
300.		2	7.2.01		Công văn 3047/UBND-KGVX ngày 17/7/2018
301.			7.2.02		Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016
302.			7.2.03		Công văn 1717/STC-VGCS ngày 04/07/2017
303.		3	7.3.01		Hợp đồng liên kết đào tạo cho lao động nông thôn và hợp đồng liên kết các trường
304.			7.3.02		Hợp đồng cho thuê nhà xe, căn tin
305.		4	7.4.01		Quyết định số: 188/QĐ-SLDTBXH ngày 31/12/2021 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022
306.			7.4.02		Báo cáo tài chính năm 2022
307.		5	7.5.01		Biên bản kiểm tra, kiểm toán
308.			7.5.02		Thông báo công khai dự toán NSNN năm 2022
309.			7.5.03		Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt
310.		6	7.6.01		Quyết định số 188/QĐ-SLDTBXH ngày 31/12/2021 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022
311.			7.6.02		Biểu xác định số liệu thực hiện tiết kiệm kinh phí giao khoán năm 2021
312.			7.6.03		Báo cáo tài chính năm 2022
313.			7.6.04		Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021
314.	8	1	8.1.01		Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học
315.				2.4.01	Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung

				một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
316.			8.1.01	Quyết định quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng
317.			8.1.03	Quyết định 03/QĐ-TCGC ngày 4/1/2021 về việc ban hành quy chế công tác học sinh
318.			8.1.04	Quyết định quy định nội quy học sinh
319.		2	8.2.01	Thông báo về việc hướng dẫn thực hiện hồ sơ, biểu mẫu các chế độ, chính sách theo quy định
320.			8.2.02	Bảng đề nghị kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định
321.			8.2.03	Danh sách học sinh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định
322.			8.2.04	Quyết định cấp kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định cho học sinh
323.			8.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm về việc kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định cho học sinh
324.		3	8.3.01	Quyết định số 18/QĐ-TCGC ngày 01/02/2023 về việc ban hành quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập
325.			8.3.02	Danh sách học sinh được xét và nhận học bổng từng học kỳ
326.			8.3.03	Bảng đề nghị cấp học bổng cho học sinh đạt thành tích cao trong học tập
327.			8.3.04	Quyết định cấp học bổng cho học sinh đạt thành tích cao trong học tập
328.		4	8.4.01	Quy tắc văn hóa ứng xử trong trường học
329.			8.4.02	Thông báo tuyển sinh hàng năm
330.			8.4.03	Quyết định ban hành nội quy ký túc

					xá
331.		5	8.5.01		Quyết định xây dựng ký túc xá và bảng vẽ xây dựng ký túc xá
332.			8.5.02		Báo cáo tình hình hoạt động ký túc xá qua các năm gần đây, danh sách học sinh đăng ký ở ký túc xá
333.			8.5.03		Hoá đơn thanh toán tiền điện và tiền nước của ký túc xá
334.		6	8.6.01		Báo cáo đánh giá công tác y tế của trường có dịch vụ y tế đảm bảo chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học năm 2022; 2023
335.			8.6.02		Báo cáo y tế 2022; 2023
336.		7	8.7.01		Kế hoạch tổ chức Hội trại xuân hàng năm
337.			8.7.02		Kế hoạch tổ chức giải bóng đá, bóng chuyền chào mừng các ngày lễ trong năm
338.			8.7.03		Kế hoạch công tác đoàn và phong trào thanh niên trường hàng năm
339.			8.7.04		Quyết định thành lập Ban an ninh trật tự trong trường học
340.			8.7.05		Báo cáo đánh giá tình hình an ninh trật tự trong trường học
341.		8	8.8.01		Kế hoạch tổ chức buổi Lễ tổng kết khóa học và ngày hội việc làm cho học sinh
342.				4.5.01	Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
343.			8.8.02		Bảng tổng hợp nhu cầu tuyển lao động của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh
344.			8.8.03		Bảng tổng hợp việc làm của học sinh hàng năm
345.			8.8.04		Báo cáo kết quả thực hiện tổ chức buổi Lễ tổng kết khóa học và ngày hội việc làm cho học sinh
346.		9	8.9.01		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp
347.				8.8.02	Bảng tổng hợp nhu cầu tuyển lao động của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh

348.			8.9.02		Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp
349.				4.5.01	Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
350.	9	1	9.1.01		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động
351.			9.1.02		Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động
352.			9.1.03		Danh sách đơn vị sử dụng lao động
353.			9.1.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động
354.		2	9.2.01		Kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá của CB,GV về việc thực hiện các chính sách
355.			9.2.02		Phiếu thu thập ý kiến đánh giá của CB,GV
356.		3	9.3.01		Kế hoạch thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học
357.				4.5.01	Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
358.				2.5.03	Danh sách học sinh các lớp học năm học 2022 – 2023 và 2023 – 2024
359.			9.3.02		Danh sách học sinh được thu thập ý kiến
360.			9.3.03		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học
361.		4		1.7.02	Kế hoạch số 55/KH-TCGC ngày 25/7/2023 thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023
362.				1.7.01	Quyết định số 216/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm

					2023
363.			9.4.01		Quyết định số 159/QĐ-TCGC ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc thành lập Ban thư ký hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2022
364.			9.4.02		Quyết định số 158/QĐ-TCGC ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc thành lập các Tổ trưởng tổ tự đánh giá chất lượng GDNN các phòng, khoa và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề trọng điểm năm 2022
365.		5		1.7.02	Kế hoạch số 55/KH-TCGC ngày 25/7/2023 thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023
366.				1.7.01	Quyết định số 216/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023
367.				9.4.01	Quyết định số 159/QĐ-TCGC ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc thành lập Ban thư ký hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2022
368.				9.4.02	Quyết định số 158/QĐ-TCGC ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc thành lập các Tổ trưởng tổ tự đánh giá chất lượng GDNN các phòng, khoa và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề trọng điểm năm 2022
369.			9.5.01		Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
370.		6		2.14.09	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023
371.			9.6.01		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm



372.				4.5.01	Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
373.				8.8.03	Bảng tổng hợp việc làm của học sinh hàng năm
374.			9.6.02		Báo cáo kết quả thực hiện điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Hòa**